

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP ĐIỆN I**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **0874**/PCC1-TCQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Mã chứng khoán: PC1

Địa chỉ trụ sở chính: Số 583 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Điện thoại: 024 38456329

Fax: 024 3823997

Người thực hiện công bố thông tin: Trịnh Văn Tuấn

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần xây lắp Điện I công bố Báo cáo thường niên năm 2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 17/04/2019 tại đường dẫn: <http://pcc1.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Văn Tuấn



2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Power Contruction Joint Stock Company No.1

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Danh mục chữ viết tắt	3	BDS	Bất động sản
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	6	BKS	Ban kiểm soát
Thông tin tài chính cơ bản	10	BTGD	Ban Tổng Giám đốc
Lịch sử hình thành và phát triển	12	BCTC	Báo cáo tài chính
Sự kiện nổi bật và giải thưởng	14	Công ty	Công ty Cổ phần Xây lắp điện I
Lĩnh vực kinh doanh	16	CAGR	Tốc độ tăng trưởng kép
Địa bàn kinh doanh	25	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
Định hướng phát triển	26	CTCP	Công ty Cổ phần
Quản trị công ty	27	DTT	Doanh thu thuần
Mô hình tổ chức	30	EPS	Lợi nhuận sau thuế trên mỗi cổ phần
Ban lãnh đạo	32	EVN	Tập đoàn điện lực Việt Nam
Thông tin dành cho cổ đông	38	GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
Quan hệ cổ đông (IR)	42	HĐQT	Hội đồng quản trị
Báo cáo quản trị 2018	44	LNST	Lợi nhuận sau thuế
Quản lý rủi ro	52	PCC1	Công ty Cổ phần Xây lắp điện I
Giai dịch và thù lao ban điều hành	56	QLDA	Quản lý dự án
Tăng cường quản trị công ty	59	ROA	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản
Báo cáo tình hình hoạt động 2018	61	ROE	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Tổng quan 2018	61	SXCN	Sản xuất công nghiệp
Phân tích hoạt động kinh doanh	62	SXKD	Sản xuất kinh doanh
Tình hình kinh doanh của công ty con, công ty liên kết	74	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
Phân tích tình hình tài chính	84	TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	88	VCSH	Vốn chủ sở hữu
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	98		
Phát triển bền vững 2018	102		
Tổng quan về phát triển bền vững tại PC1	104		
Đánh giá chi tiết thực hiện phát triển bền vững tại PC1	106		
Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán	124		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Tên tiếng anh	Power Construction Joint Stock Company .,No.1
Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số	0100100745
Vốn điều lệ	1.327.702.940.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	3.273.395.471.373 đồng
Trụ sở chính	583 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
Số điện thoại	(84-24) 38 456 329
Số Fax	(84-24) 38 231 997
Website	http://www.pcc1.vn
Email	pcc1@vnn.vn
Mã cổ phiếu	PC1 (HSX)



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Tổng doanh thu

↑ 19%

Lợi nhuận sau thuế

424 tỷ đồng

Giá trị sản xuất kinh doanh

↑ 58%

Trích nộp ngân sách

249 tỷ đồng

Kính thưa Quý cổ đông!

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty, tôi xin gửi tới Quý vị lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trải qua hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, PCC1 luôn tạo ra những bước đột phá ấn tượng, được minh chứng qua những công trình trọng điểm quốc gia với các sản phẩm có tính năng ưu việt, đẳng cấp quốc tế. Việc PCC1 liên tiếp trúng nhiều gói thầu EPC, PC công trình đường dây và TBA có tính đặc thù kỹ thuật cao, quy mô lớn, tiến độ thi công gấp rút trong các dự án nhà máy điện gió, điện mặt trời, PCC1 tiếp tục khẳng định vị trí số 1 trong lĩnh vực xây lắp công trình điện tại Việt Nam.

2019: Phát triển các nguồn lực, kiểm soát tốc độ và chất lượng tăng trưởng.

Tiếp nối những thành công đạt được, năm 2019, PCC1 tiếp tục tập trung vào các mảng lĩnh vực hoạt động cốt lõi có thể mạnh trong xây lắp điện, sản xuất công nghiệp, đầu tư năng lượng và đầu tư bất động sản. Đây là những nền tảng vững chắc để tạo đà cho tăng trưởng mạnh và bền vững trong giai đoạn 2018 -2022, tầm nhìn 2030.

Công ty luôn chú trọng phát triển thương hiệu, nâng cao uy tín với khách hàng, đặc biệt liên tục cải thiện nâng cao năng lực quản trị, tăng cường đầu tư máy móc công nghệ, năng lực thi công và sản xuất, giữ vững mục tiêu thị phần trong các lĩnh vực cốt lõi chủ chốt.

Các chỉ tiêu cơ bản về sản xuất kinh doanh: giá trị sản xuất kinh doanh: 8.325 tỷ đồng - tăng 58% so với năm 2018; doanh thu: 6.042 tỷ đồng - tăng 19% so với năm 2018. Lợi nhuận sau thuế đạt 424 tỷ đồng. Trích nộp ngân sách 249 tỷ đồng. Thu nhập bình quân người lao động là 14,37 triệu đồng/người/tháng.

Các giải pháp để thành công đó là: Nâng cao năng lực quản lý hệ thống là yêu cầu tất yếu và là nhiệm vụ trọng tâm của năm hoạt động 2019, thông qua việc triển khai công tác đào tạo hiệu quả, nâng cao năng lực nguồn nhân lực các cấp, đồng thời đẩy mạnh việc xây dựng văn phòng điện tử, đưa các ứng dụng, phần mềm quản lý tiên tiến vào hoạt động quản trị, điều hành; Nâng cao năng lực thi công xây lắp, năng lực sản xuất cốt thép nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng cao ở 02 khối kinh doanh truyền thống; Mở rộng quy mô khối Sản xuất Công nghiệp và tiếp tục phát triển rộng rãi sản phẩm cột thanh cái ống trên thị trường trong nước; Vận hành hiệu quả các dự án đã hoàn thành đầu tư, kiểm soát tiến độ, chất lượng, chi phí các dự án đang đầu tư và phát triển thành công các dự án mới tiếp theo; Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh uy tín PCC1; Hoàn thiện các chính sách với người lao động, cơ chế thi đua khen thưởng tạo động lực, phát triển văn hóa doanh nghiệp và tăng cường tổ chức các hoạt động đoàn thể, khơi dậy tinh thần đoàn kết sáng tạo trong mỗi CBNV.

Thực tiễn đã chứng minh, bằng những giải pháp, bước đi đồng bộ cùng truyền thống trên 55 năm rất đáng tự hào, PCC1 đã chuyển mình mạnh mẽ, đạt nhiều thành công lớn để trở thành dẫn chứng sinh động cho sức sống của nền kinh tế Việt Nam. Năm 2019, PCC1 tự tin hứa hẹn một năm hoạt động thành công.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty, tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành về sự ủng hộ và đồng hành của Quý vị cổ đông trong thời gian qua. Tôi xin được trân trọng cảm ơn về sự tin tưởng và hợp tác tích cực của các đối tác cùng các quý vị khách hàng thân mến. Tôi muốn được bày tỏ lòng biết ơn và ghi nhận về sự nỗ lực cố gắng, kiên cường và sáng tạo của đội ngũ Cán bộ công nhân viên công ty, những người trực tiếp viết nên những trang thành tích đáng được khích lệ và tự hào.

Trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trịnh Văn Tuấn

TẦM NHÌN



Trở thành công ty hàng đầu Việt Nam, top 5 khu vực Đông Nam Á thực hiện tổng thầu EPC các công trình điện và xây dựng công trình công nghiệp.

SỨ MỆNH



Sáng tạo không ngừng tạo ra các công trình điện thông minh, hiện đại, kết nối với hệ thống điện quốc gia và khu vực.

Tạo ra nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và xã hội.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Sáng tạo: Sáng tạo là nền tảng của sự phát triển

Tốc độ: Hành động tốc độ, tư duy hệ thống dẫn dắt mọi hoạt động.

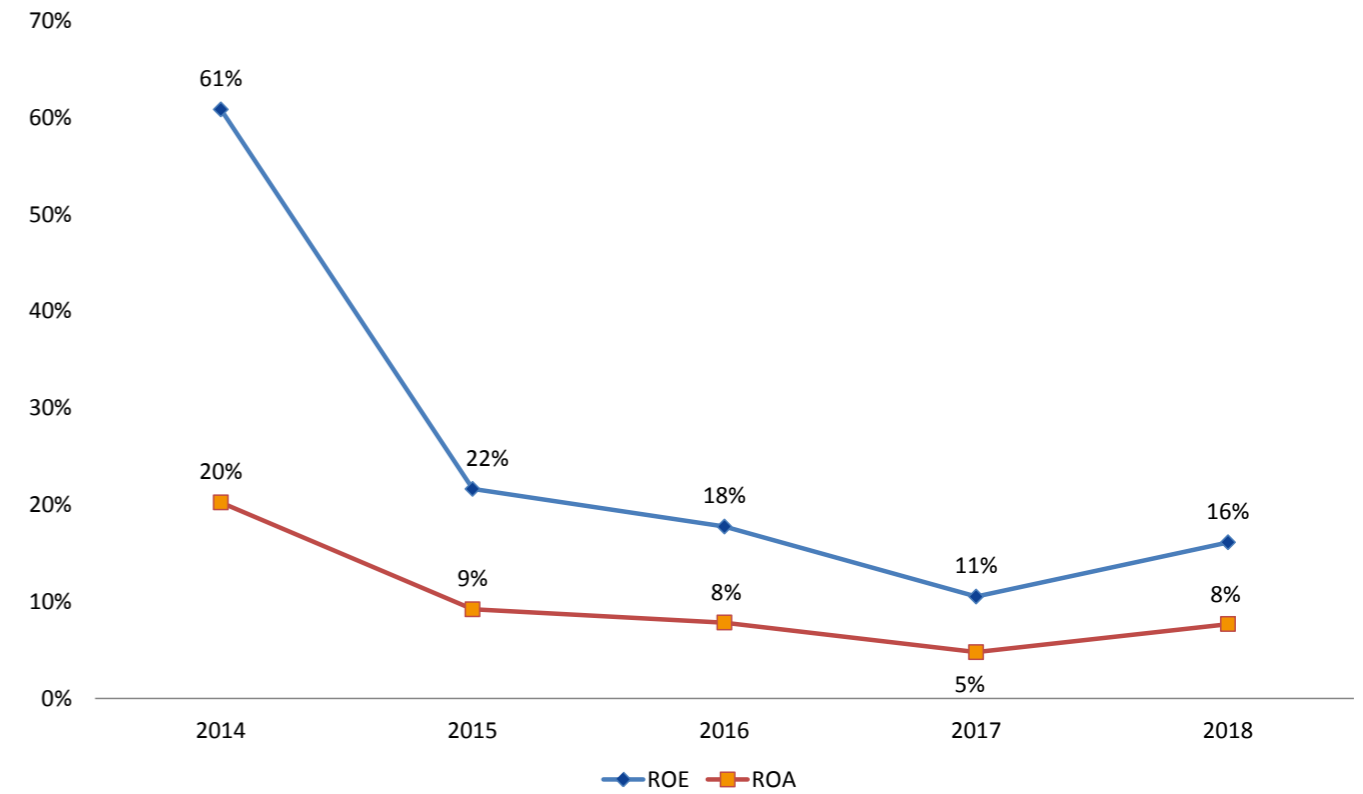
Tin cậy: Tin cậy là sức mạnh tạo sự phát triển bền vững, là linh hồn của PC1.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

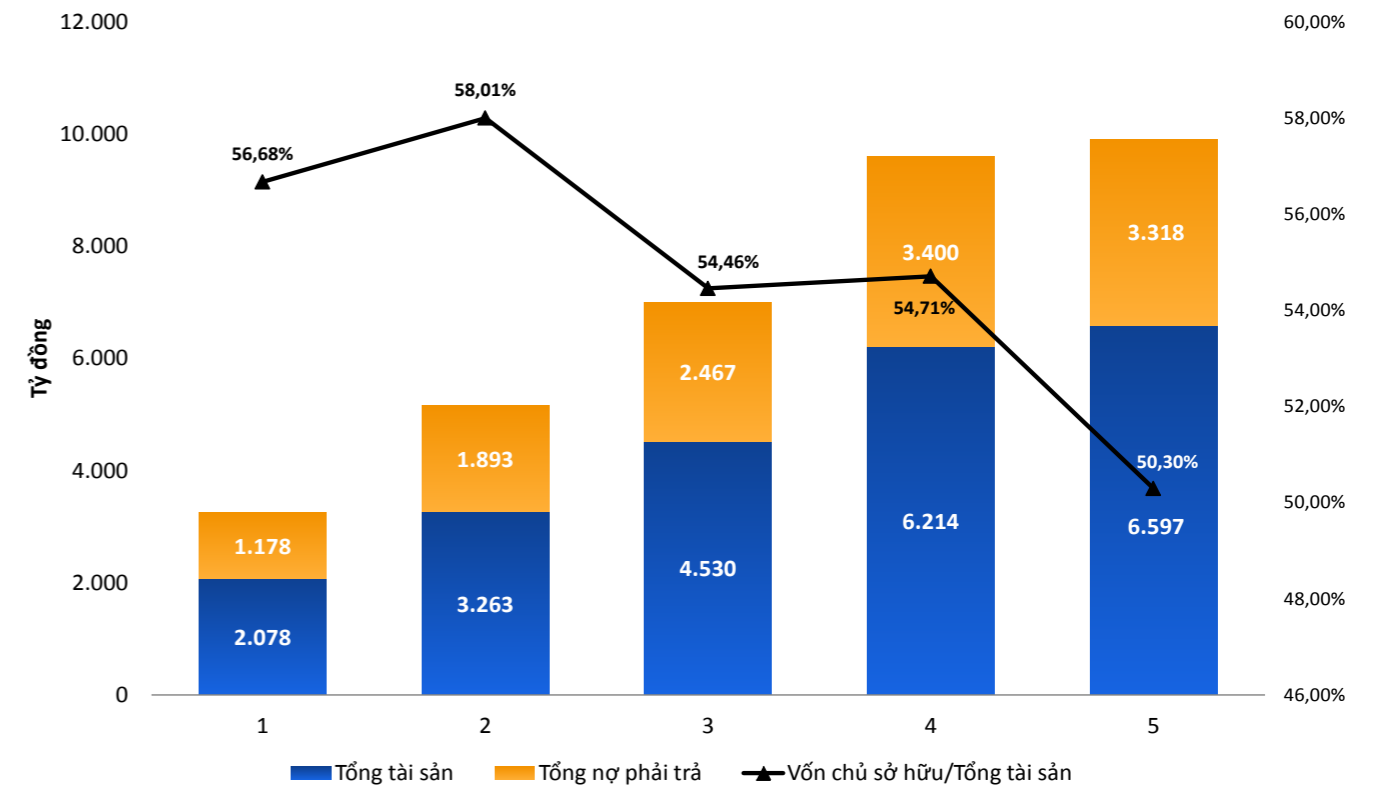
Một số tiêu chí tài chính cơ bản (số liệu hợp nhất đã kiểm toán)

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	2017	2018	Tăng trưởng bình quân/năm	So với 2017
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.100	3.101	3.008	3.161	5.084	10,4%	60,9%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	425	246	305	256	491	2,9%	91,6%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	21.064	9.179	3.392	2.336	3.514		50,4%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.078	3.263	4.530	6.214	6.597	26,0%	6,2%
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	1.178	1.893	2.467	3.400	3.318	23,0%	-2,4%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	900	1.370	2.063	2.814	3.279	29,5%	16,5%
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	%	43%	42%	46%	45%	50%		
Tổng nợ/Tổng tài sản	%	57%	58%	54%	55%	50%		
ROE	%	61%	22%	18%	11%	16%		
ROA	%	20%	9%	8%	5%	8%		

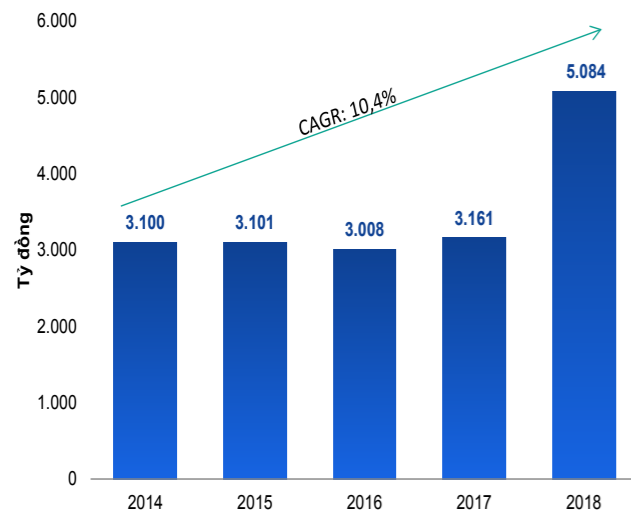
Hiệu quả kinh doanh



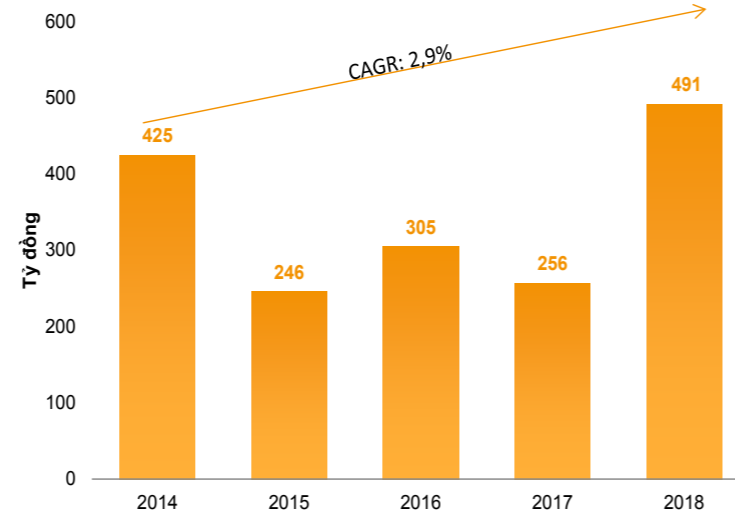
Cân bằng tài chính



Doanh thu thuần



Lợi nhuận sau thuế



LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ

Năm 2008

Công ty cổ phần Xây lắp điện I đăng ký trở thành Công ty đại chúng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước

2009 - 2013

Công ty đạt mức tăng trưởng doanh thu trung bình hàng năm trên 15%, với doanh thu hàng năm trên 1.000 tỷ đồng.

Năm 2014

Năm 2014 đã đánh dấu một bước phát triển mới khi Công ty đạt mức doanh thu trên 3.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế trên 400 tỷ đồng

Năm 2015

Năm thứ 5 liên tiếp PCC1 hoàn thành vượt mức kế hoạch, cụ thể thực hiện 2015 đạt 106% so với kế hoạch 2015. Giai đoạn 2012 đến 2015 tăng trưởng doanh thu trung bình của PCC1 đạt 32,3%/năm; tăng trưởng lợi nhuận gộp trung bình 36,4%/năm và biên lợi nhuận gộp đạt tỷ lệ 14% - 21%

Năm 1963

Thành lập ngày 2 tháng 3 năm 1963 với tên gọi ban đầu là Công ty Xây lắp đường dây và trạm.

Ở thời điểm thành lập, Công ty có 4.000 cán bộ, công nhân viên, 5 đội công trình, 3 công trường, 1 đoàn xe, 1 phân xưởng cơ khí. Trụ sở Công ty ở 20 Trần Nguyễn Hãn (Hà Nội).

Năm 1967

Bộ Công nghiệp Năng ra quyết định thành lập Công ty Xây lắp đường dây và Trạm, trực thuộc Cục Điện lực. Lực lượng lao động của Công ty lúc này có khoảng 2.000 người, 16 đội công trình

Năm 1970

Thành lập Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm trực thuộc Bộ Điện và Than. Từ đó, Công ty là đơn vị ngang Cục, là cơ quan quản lý cấp trên của các xí nghiệp, thực hiện hạch toán kinh tế toàn diện và tập trung.

Năm 1975

Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm với cơ cấu tổ chức độc lập và hoàn chỉnh

Năm 2016

Công ty niêm yết thành công cổ phiếu PC1 trên sàn chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và phát điện hai nhà máy thủy điện đầu tiên trong chiến lược đầu tư năng lượng

Năm 2017

Đầu tư năng lượng: phát điện thành công 2 nhà máy thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A với tổng công suất 60 MW và tổng mức đầu tư hơn 2.000 tỷ đồng

Năm 2018

Đạt kỉ lục về doanh thu và lợi nhuận với mức tăng trưởng gần 80% so với cùng kì

Khánh thành dự án thủy điện: Bảo Lâm 3+3A.

Năm 2005

Công ty cổ phần Xây lắp điện I được cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Xây lắp điện I thuộc Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam.

Năm 1988

Thành lập Công ty Xây lắp Điện 1, trực thuộc Bộ Năng lượng trên cơ sở hợp nhất Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm 1 với Công ty xây lắp đường dây và trạm Hà Nội.

Năm 1983

Do yêu cầu phát triển lưới điện của cả nước nên Bộ đã quyết định tách và nâng một số xí nghiệp, công trường của Công ty để thành lập các công ty trực thuộc Bộ Điện lực

Năm 1979

Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm trực thuộc Bộ Điện lực được đổi tên thành Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm 1.

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT 2018

1

Doanh thu vượt 5.000 tỷ

2

Hoàn thiện điều chỉnh báo cáo chiến lược Công ty 2018- 2022, tầm nhìn 2030

3

XLĐ: Thành lập mới phòng quản lý EPC

Đúng thời điểm khắc phục được tình trạng quá tải trong công tác đấu thầu, đồng thời phát triển hiệu quả thị trường xây lắp ngoài ngành, lợi thế các hợp đồng EPC, tăng quy mô xây lắp trong dài hạn.

4

SXCN: Hợp tác thành công và chuyển giao thiết kế, công nghệ sản xuất cột thanh cái ống từ đối tác AG-Ajikawa Nhật Bản

5

BDS: Bàn giao nhà đúng hạn Dự án Mỹ Đình Plaza 2 vào tháng 5/2018

6

ĐTNL: Khởi công 02 dự án Thủy điện Sông Nhiệm và Bảo Lạc B

Nâng tổng số nhà máy thủy điện lên 7 nhà máy với tổng công suất phát điện: 180 MW.

GIẢI THƯỞNG

TOP 50

doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam



TOP 500

doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam



TOP 50

công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2018



TOP 50

doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam



LĨNH VỰC KINH DOANH

Xây lắp điện

PCC1 đã và đang dẫn đầu cả nước trong lĩnh vực xây lắp điện với kinh nghiệm thực hiện nhiều dự án truyền tải điện quốc gia. Đây là thế mạnh truyền thống của PCC1 và cũng là lĩnh vực chính trong ngành nghề công ty từ khi thành lập đến nay. PCC1 có trên 55 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công các công trình điện, các đường dây và trạm biến áp, PCC1 luôn là đơn vị dẫn đầu trong các lĩnh vực xây lắp đường dây với nhiều công suất thiết kế khác nhau đến 500kV trải rộng khắp cả nước.

Một số dự án tiêu biểu đã thực hiện cho EVN

Khu vực phía Bắc

- Dự án trạm biến áp 500kV Quảng Ninh
- Đường dây 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa
- TBA 220kV Đồng Hới - TBA đầu tiên sử dụng cột thép đơn thân tại Việt Nam
- Hợp đồng EPC trạm biến áp 110 kV Yên Định

Khu vực miền Trung

- Dự án biến áp 500kV Hiệp Hòa
- Đường dây 200kV Quảng Ngãi - Quy Nhơn
- Dự án ĐZ 220kV Đắc Nông – Phước Long – Bình Long
- Dự án ĐZ 220kV Vĩnh Tân – Tháp Chàm

Khu vực miền Nam

- Trạm Biến Áp 500kV Ô Môn máy 2
- Trạm Biến Áp 500kV Tân Định
- Dự án ĐZ 500kV Pleiku – Mỹ Phước – Cầu Bông
- Dự án ĐZ 500kV Phú Lâm – Ô Môn

Một số dự án tiêu biểu đã thực hiện cho khách hàng ngoài EVN

- Mua sắm và Xây dựng đường dây và TBA cho nhà máy phát điện năng lượng mặt trời quang điện tại huyện Thuận Nam tỉnh Ninh Thuận (BIM)
- Trạm biến áp thuộc Dự án Điện gió Đầm Nại - Giai đoạn 2
- Trạm biến áp 220KV Dầu Tiếng và đường dây 220kV đấu nối

Bên cạnh thị trường trong nước, hiện nay công ty đang chuẩn bị cho kế hoạch mở rộng mảng xây lắp điện sang thị trường các nước trong khu vực Đông Nam Á nhằm theo đuổi mục tiêu lọt vào nhóm 5 công ty xây lắp công trình điện hàng đầu khu vực.



LĨNH VỰC KINH DOANH

Sản xuất công nghiệp

Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, PCC1 là đơn vị duy nhất và có quy mô lớn nhất Việt Nam về thiết kế, chế tạo cột thép đơn thân 110 KV, 220 KV đến 6 mạch và cột thép liên kết thanh đến 750kV, với dây truyền công nghệ hiện đại tích hợp hệ thống điều khiển CNC tổng công suất trên 50.000 tấn sản phẩm/năm.

Năm 2018, PCC1 nhận chuyển giao công nghệ thiết kế và chế tạo hoàn chỉnh sản phẩm Cột thép thanh cái ống từ đối tác AG-AJKAWA (Nhật Bản). Sản phẩm cột thép mới của PCC1, với nhiều tính năng ưu việt đã được lãnh đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và các đối tác, khách hàng đánh giá cao về tính phù hợp, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các công trình truyền tải điện Quốc gia.

Một số dự án PCC1 đã và đang cung cấp như

Cột thép đơn thân

- Cung cấp cột điện 220KV-500KV cho Chi Lê.
- Cung cấp cột điện 220KV cho Pa-kít-xtan.

Cột thép thanh cái ống

- Đường dây và trạm biến áp 220KV thuộc nhà máy điện mặt trời BIM (Ninh Thuận)
- Cung cấp cọc ống thép cho đường dây Hà Đông – Vân Đình. Cung cấp cột điện cho dự án đấu nối đường dây 220KV với Nhà máy điện Vũng Áng.

Cột thép liên kết

- Cung cấp cột thép cho đường dây 500KV Sơn La – Hiệp Hòa. Cung cấp cọc ống thép cho việc mở rộng đường cao tốc số 5.
- Cung cấp cột điện cho đường dây 765KV Shingori.



Sản phẩm cột thép đơn thân



Sản phẩm thép mạ kẽm



Đơn vị thành viên sản xuất công nghiệp



Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh, có công suất 35.000 tấn sản phẩm/năm



“PCC1 là công ty sản xuất kết cấu thép mã kẽm nhúng nóng có quy mô và công nghệ hiện đại nhất Việt Nam”

LĨNH VỰC KINH DOANH

Đầu tư năng lượng

PCC1 với nguồn lực mạnh và quy trình quản lý tiên tiến, khả năng kiểm soát chất lượng tốt bằng những giá trị cốt lõi mà công ty đang có “Sáng tạo-Tốc độ-Tin cậy”. Đầu tư nhà máy điện nhằm tạo ra vị thế mới, thay đổi cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh và tạo giá trị gia tăng bền vững PCC1 đã và đang nỗ lực tạo ra nhiều giá trị vượt trội cho đối tác, khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và xã hội.

Đầu tư thủy điện

PCC1 đang tiến hành đầu tư xây dựng 07 nhà máy thủy điện tại các tỉnh Cao Bằng và Điện Biên với công suất gần 200MW. Tổng đầu tư cho 07 nhà máy này là trên 4710 tỷ đồng, gồm:

Dự án	Địa điểm	Thời gian triển khai	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ nợ vay	Công suất (MW)	Sản lượng thiết kế (triệu kWh)
-------	----------	----------------------	---------------------------	--------------	----------------	--------------------------------

Đã hoàn thành và đi vào hoạt động

Trung Thu	Điện Biên	08/2014 - 11/2016	900	70%	30	124
Bảo Lâm 1	Cao Bằng	11/2014 - 01/2017	765,7	75%	30	124
Bảo Lâm 3	Cao Bằng	06/2015 - 09/2017	886,3	70%	46	184
Bảo Lâm 3A	Cao Bằng	03/2016 - 11/2017	291,5	75%	8	32

Đang phát triển

Bảo Lạc B	Cao Bằng	Q2 2018 - Q4 2019	568,4	70%	18	72
Mông Ân	Cao Bằng	2018 - 2020	922,0	30%	30	120
Sông nhiệm 4	Hà Giang	2018 - 2020	196	-	6	-
Tổng		-	4.905,8	-	180	656

Ngoài ra, PCC1 còn đang lên kế hoạch tiếp tục xây dựng thêm 02 nhà máy thủy điện vào những năm tiếp theo. Cụ thể:

Dự án	Địa điểm	Thời gian triển khai	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ nợ vay	Công suất (MW)	Sản lượng thiết kế (triệu kWh)
Bảo Lạc A	Cao Bằng	Q1/2020 – Q4/2022	862,9	70%	30	117
Thượng Hà	Cao Bằng	Q2/2020 – Q4/2022	349,0	70%	13	44

Một số dự án thủy điện của PCC1



Nhà máy thủy điện Bảo Lâm 1



Nhà máy thủy điện Mông Ân



Nhà máy thủy điện Bảo Lâm 3A



Nhà máy thủy điện Bảo Lâm 3A



“Hiện nay, công ty cũng có kế hoạch nghiên cứu đầu tư các dự án điện mặt trời, điện gió đảm bảo mục tiêu công suất phát điện 600MW vào năm 2025”

LĨNH VỰC KINH DOANH

Đầu tư và kinh doanh bất động sản

Công ty Cổ phần xây lắp điện I hiện đang sở hữu trên 100.000 m2 đất tại các khu vực Hà Nội, Ninh Bình và Hồ Chí Minh. Công ty đã và đang tích cực triển khai đầu tư và hợp tác đầu tư.



Dự án bất động sản Nàng Hương



Dự án bất động sản PCC1 Thanh Xuân



Dự án bất động sản PCC1 Complex Hà Đông



Dự án bất động sản Mỹ Đình Plaza 2

Đầu tư và kinh doanh bất động sản

Các dự án PCC1 đã hoàn thiện:

Dự án	Hoàn thành	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	Địa chỉ	Thông tin dự án
Nàng Hương	Q1/2011	300	N/A	583 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	2 tháp cao 21 tầng; biệt thự và nhà liền kề
Mỹ Đình Plaza 1	Q1/2014	709	282	140 Trần Bình, Cầu Giấy, Hà Nội	Tháp căn hộ cao cấp 25 tầng nổi, 2 tầng hầm; 350 căn hộ
PCC1 Complex Hà Đông	Q1/2016	464	140	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	4 tháp cao 15 tầng, 3 tầng cho thuê; 540 căn hộ

Các dự án bất động sản công ty đã xây dựng đều được thiết kế được để lại một số tầng dưới để cho thuê làm mặt bằng trung tâm thương mại hoặc văn phòng. Với 4 dự án được hoàn thành (đã bao gồm Mỹ Đình Plaza 2) PCC1 đang sở hữu khoảng 22.000 m2 sàn thương mại và văn phòng. Khi PCC1 Thanh Xuân đi vào hoạt động sẽ bổ sung 4.000 m2 sàn vào danh mục hiện tại.

Các dự án PCC1 đang thực hiện:

Dự án	Tiến độ	Khởi công	Mở bán	Hoàn thành	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Địa chỉ	Số căn
Mỹ Đình Plaza 2	Đã hoàn thành, đang bàn giao nhà	Q2/2016	Q4/2016	Q3/2018	868	Số 2, Nguyễn Hoàng Nam, Từ Liêm, Hà Nội.	472
PCC1 Thanh Xuân	Đang thi công móng	Q3/2017	Q4/2018	Q3/2019	735	Số 44 Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội.	480
PCC1 Vĩnh Hưng	Hoàn thành công tác cấp phép xây dựng	Q3/2019	N/A	Q2/2021	N/A	số 1 ngõ 321 Vĩnh Hưng, Phường Thanh trì, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.	N/A
Dự án khu nhà ở Bắc Cổ Nhuế	Hoàn thành giải phóng mặt bằng	Q4/2019	N/A	Q4/2021	1.000 đến 2.000	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.	N/A

LĨNH VỰC KINH DOANH

Tư vấn và dịch vụ

- Khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình điện, tư vấn giám sát, đền bù, giải phóng mặt bằng;
- Tư vấn quản lý dự án thủy điện, quản lý sau đầu tư thủy điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình

Công ty đã chủ trì các công trình, dự án bao gồm các công trình đường dây và trạm biến áp cấp điện áp đến 220kV, các công trình cải tạo lưới điện Thành phố và Thị xã, các dự án Năng lượng nông thôn II (RE2), các dự án viễn thông và rất nhiều dự án khác được triển khai bằng các nguồn vốn ODA, vay World Bank (WB), vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (NPC), nguồn vốn của các tỉnh và khách hàng trong cả nước.

Một số dự án tiêu biểu do Công ty thực hiện tư vấn thiết kế và đã hoàn thành được kể đến gồm có:

- Nhà máy Thủy điện Tà Cọ-Sơn La.
- Đường dây 110kV từ Trạm 500kV Thường tín đến 110kV Thường Tín-Hà Nội.
- Nâng công suất trạm biến áp 110kV Nhật Tân – Hà Nội.
- Nâng công suất trạm biến áp 110kV Phúc Thọ – Hà Nội.
- Trạm biến áp 110kV Núi Pháo-Thái Nguyên.
- Nhà máy Nikel Bản Phúc-Sơn La.
- Đường dây 110kV Tăng Lũng-Khe Lếch-Lào Cai.
- Mở rộng TBA 220kV Thái Bình.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh PC1 trải khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam

Hiện nay PC1 đã có các sản phẩm xuất sang các thị trường nước ngoài như Nhật Bản, Indonesia, Lào, Myanmar,...



ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU PCC1 ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN 2030

Định hướng phát triển

- Nâng cao năng lực quản trị hệ thống, quản trị rủi ro và quản lý chất lượng sản phẩm.
- Thực hiện kiện toàn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cả về quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ, hướng tới tính chuyên nghiệp cao.
- Tiếp tục khẳng định vị trí số 1 về xây lắp công trình truyền tải điện tại Việt Nam, lộ trình trở thành một trong top 5 khu vực Đông Nam Á.
- Nâng cao năng lực thi công, quản lý điều hành chuyên nghiệp, đảm bảo chất lượng, tiến độ tất cả các dự án. Nâng cao năng lực quản lý điều hành dự án EPC, PC, cấp ngầm cao áp, dự án nước ngoài.
- Giữ vững và phát huy vị thế hàng đầu Việt Nam về thiết kế và cung cấp các loại cột điện cao áp, siêu cao áp, cung cấp trong nước. Phát huy các sản phẩm và dự án lợi thế.
- Mở rộng thị trường và sản phẩm ra ngoài ngành điện, phát triển thị trường nước ngoài và nâng tỷ trọng thực hiện các dự án EPC, PC xây lắp điện với tất cả các cấp điện áp.
- Tiếp tục nghiên cứu đầu tư, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý, SXCN, xây lắp, lắp máy và đầu tư dự án.

Các mục tiêu chủ yếu

- Tiếp tục thực hiện chiến lược Công ty 2016-2020 và tầm nhìn 2030.
- Giữ vững vị thế và vai trò ảnh hưởng thị trường, mở rộng quan hệ với các chủ đầu tư, khách hàng truyền thống, phát triển thị trường tiềm năng.
- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, tăng năng suất và hiệu quả, kiểm soát tốt tình hình tài chính, đảm bảo việc làm, tăng thu nhập cho CBCNV.
- Tiếp tục đầu tư cho nguồn nhân lực và đầu tư mua sắm thiết bị tiên tiến.
- Thực hiện nghiên cứu phát triển thị trường một cách chủ động và chuyên nghiệp, có định hướng và phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty.

Định hướng phát triển

Xây lắp công trình và lắp máy

Tập trung vào lĩnh vực cốt lõi là xây lắp công trình truyền tải điện, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển quy mô thực hiện hình thức tổng thầu EPC, phấn đấu đạt mục tiêu 50% thị phần lưới điện cao và siêu cao áp trong nước. Xác định đây vẫn là lĩnh vực kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng chủ yếu trong toàn bộ cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Công ty. PCC1 khẳng định vị thế hàng đầu tại Việt Nam và hướng tới mục tiêu nằm trong danh sách 05 Công ty xây lắp công trình điện hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

Sản xuất công nghiệp

Đầu tư hiện đại hóa và mở rộng quy mô sản xuất kết cấu thép mạ kẽm, cung cấp cho thị trường nội địa và đẩy mạnh thị trường xuất khẩu, phát triển có chọn lọc một số sản phẩm mới đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh trong quá trình thực hiện các hợp đồng tổng thầu EPC.

PCC1 tập trung đầu tư nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong thiết kế, chế tạo, gia công sản xuất thiết bị ngành điện, lấy chất lượng sản phẩm để xây dựng và khẳng định uy tín, thương hiệu.

Đầu tư nhà máy điện

Quản lý tốt các dự án đã đầu tư đảm bảo tiến độ chất lượng đưa dự án đi vào vận hành đúng kế hoạch. Lựa chọn và tiến hành đầu tư những dự án mới nhằm tạo giá trị gia tăng bền vững cho Công ty.

Đầu tư và kinh doanh bất động sản

Thực hiện phân tích, đánh giá thị trường lựa chọn những dự án đầu tư mới hiệu quả nhằm gia tăng nguồn lực tài chính phục vụ cho việc đầu tư và phát triển dài hạn.

Hoạt động tư vấn và dịch vụ

Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đồng bộ với các lĩnh vực khác của Công ty đồng thời đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu cao của khách hàng và thị trường.

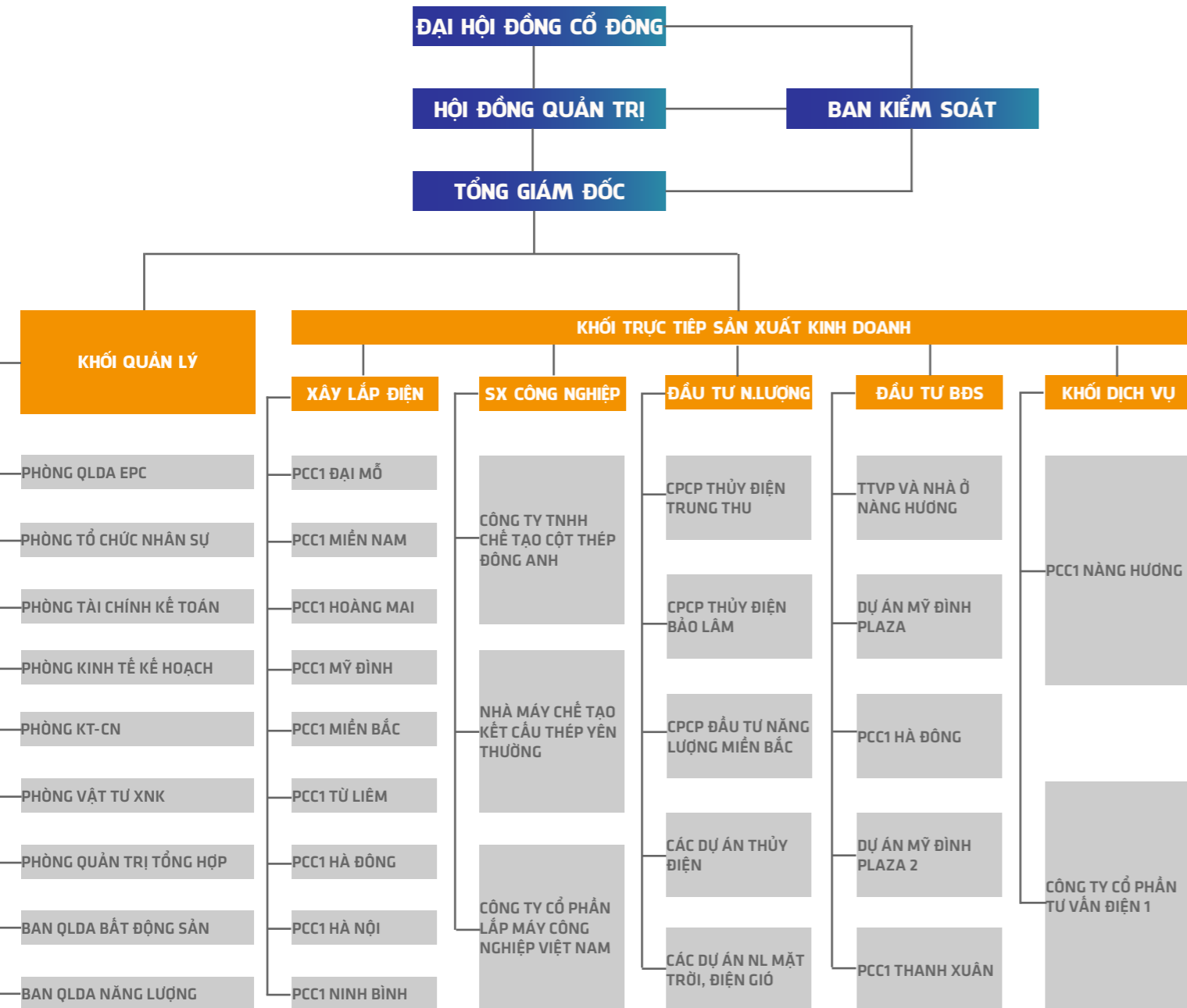
BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY



MÔ HÌNH TỔ CHỨC

PCC1 hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Bộ máy quản lý của PCC1 được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua.

Sơ đồ tổ chức



Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của PCC1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.

Ban Kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan

Ban Tổng Giám đốc

Là Ban có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện cho Công ty trước pháp luật



BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Ông Trịnh Văn Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện – Đại học Bách khoa Hà Nội, thạc sỹ điều hành cao cấp ĐH Kinh tế quốc dân

Quá trình công tác

- Từ 06/1999 đến 03/2001: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Xí nghiệp xây dựng điện
- Từ 04/2001 đến 06/2002: Phó giám đốc Xí nghiệp lắp máy và xây dựng điện
- Từ 07/2002 đến 11/2002: P. kế hoạch-tổng hợp Công ty Xây lắp Điện I
- Từ 12/2002 đến 10/2003: Trưởng ban BCHCT ĐZ500KV Pleiku-Đà Nẵng-CTCP Xây lắp điện I
- Từ 10/2003 đến 08/2005: Giám đốc Xí nghiệp lắp trạm và xây dựng dân dụng - PCC1
- Từ 09/2005 đến 09/2007: Chủ tịch HĐQT kiêm GD Cty CPTM xây lắp công nghiệp Thăng Long
- Từ 10/2007 đến 03/2010: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc PCC1
- Từ 04/2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc PCC1



Ông Vũ Văn Tứ

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1959

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác

- Từ 12/1993 đến 08/1999: Đội phó đội xây lắp điện 2 - Công ty Xây lắp Điện I
- Từ 09/1999 đến 08/2005: Tổng đội trưởng tổng đội xây lắp điện 2 - Công ty Xây lắp Điện I
- Từ 09/2005 đến 04/2006: Giám đốc XN xây lắp điện-Công ty Xây lắp Điện I
- Từ 05/2006 đến 09/2007: Phó tổng giám đốc Công ty Xây lắp Điện I
- Từ 10/2007 đến 03/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Xây lắp Điện I
- Từ 04/2010 đến 04/2015: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Xây lắp Điện I
- Từ 04/2015 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc - CTCP Xây lắp Điện I



Ông Võ Hồng Quang

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện.

Quá trình công tác

- 7-2001 đến 5-2002: Phó phòng Marketing Công ty Xây lắp Điện I
- 6-2002 đến 6-2007: Trưởng Ban đại diện Miền Nam Công ty Xây lắp Điện I
- 05-2006 đến 03 -2008: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc, kiêm Trưởng Ban đại diện Miền Nam Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
- 04-2008 đến nay: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Xây lắp Điện I



Ông Nguyễn Minh Đệ

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác

- Từ 2003 – 2005: Trưởng phòng kỹ thuật - Xí nghiệp xây lắp điện và công trình công nghiệp
- Tháng 10/2005: Phó phòng kỹ thuật - Công ty CP Xây lắp điện I.
- Từ 11/2005 đến 09/2006: P. Giám đốc kiêm trưởng phòng kỹ thuật - Công ty CP thương mại xây lắp công nghiệp Thăng Long
- Từ 10/2006 đến 07/2008: Giám đốc - Công ty CP thương mại xây lắp công nghiệp Thăng Long
- Từ 07/2008 đến 04/2009: TP kỹ thuật công nghệ - Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ 04/2009 đến nay: Giám đốc - Công ty TNHH chế tạo cột thép Đông Anh
- Từ tháng 4/2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Xây Lắp Điện I
- Từ tháng 4/2015 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty CP Xây lắp điện I



Bà Nguyễn Thị Hương

Thành viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- Từ năm 1996 đến 2002: Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Công ty CP xây lắp điện I
- Từ năm 2002 đến 2005: Phó phòng Kế hoạch - Công ty CP xây lắp điện I
- Từ năm 2008 đến nay: Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty CP xây lắp điện I
- Từ tháng 4/2015 đến nay: Thành viên HĐQT – Công ty CP Xây lắp điện I

Ông Đặng Văn Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1959

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác

- Từ 10-1992 đến 9-2003: Đội trưởng Xí nghiệp xây lắp trạm CTCP Xây lắp điện I
- Từ 10-2003 đến 9-2007: Phó Giám đốc Xí nghiệp xây lắp trạm CTCP Xây lắp điện I
- Từ 10-2007 đến 9-2008: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần xây lắp điện I
- Từ 10-2008 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp Điện I

Ông Nguyễn Nhật Tân

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện – Thạc sỹ QTKD

Quá trình công tác

- Từ 05/1995 đến 04/1997: Trưởng chi nhánh điện Chiêm Hóa, điện lực Tuyên Quang
- Từ 05/1997 đến 09/1998: Trưởng phòng kinh doanh điện năng, điện lực Tuyên Quang
- Từ 10/1998 đến 06/2003: Phó giám đốc điện lực Tuyên Quang
- Từ 07/2003 đến 12/2003: Phó bí thư huyện ủy Na Hang, Tuyên Quang
- Từ 01/2004 đến 03/2004: Phó bí thư thường trực thị ủy Tuyên Quang
- Từ 04/2004 đến 04/2009: Chủ tịch UBND thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
- Từ 05/2009 đến 03/2010: Phó giám đốc sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tuyên Quang
- Từ 04/2010 đến 05/2011: Phó giám đốc Công ty điện lực Tuyên Quang
- Từ 06/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Xây lắp Điện I

Ông Vũ Ánh Dương

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- Từ 2003 – 2009: Chuyên viên Phòng Kế hoạch tổng hợp – Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ 2009 – 2012: Phó Trưởng Phòng – Phòng Kế hoạch thị trường – Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ 2012 – 2013: Trưởng Phòng Phát triển thị trường – Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ 2013 – 2018: Trưởng Ban Quản lý dự án Năng lượng – Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ tháng 01/2019: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xây lắp điện I

Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thị Hải Hà

Trưởng Ban Kiểm Soát

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác

- Từ tháng 5/1998-01/2003: Chuyên viên phòng TCKT Công ty Xây lắp điện I
- Từ tháng 02/2003-5/2004: Phó phòng TCKT Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ tháng 6/2004 -10/2005: Trưởng phòng TCKT Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ tháng 11/2005-4/2008: Chuyên viên phòng HCTH – Trung tâm đào tạo Bưu chính viễn thông
- Từ tháng 5/2008-12/2009: Trưởng phòng TCKT – Công ty PCC1-Ba La
- Từ tháng 01/2010-3/2010: Chuyên viên phòng TCKT Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ tháng 4/2010 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Xây lắp điện I



Ông Nguyễn Anh Tuấn

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế năng lượng

Quá trình công tác

- Từ tháng 01/2010 đến tháng 03/2015: Chuyên viên Phòng Kinh tế Kế hoạch
- Từ tháng 05/2015 đến nay: Phó phòng kinh tế kế hoạch - Công ty CP xây lắp điện I
- Từ tháng 4/2015 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP xây lắp điện I



Ông Nguyễn Quang Vũ

Thành viên Ban Kiểm Soát

Năm sinh: 1987

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Kế toán tổng hợp

Quá trình công tác

- Từ tháng 07-2010 đến nay: Cán bộ kỹ thuật - Công ty CP Xây Lắp Điện I
- Từ tháng 4/2015 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty CP Xây Lắp Điện I

THÔNG TIN CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHIẾU

Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2018, Công ty Cổ phần Xây lắp điện I đã phát hành 132.770.294 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phần phổ thông: 132.770.294 cổ phiếu.
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 132.769.862 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 432 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

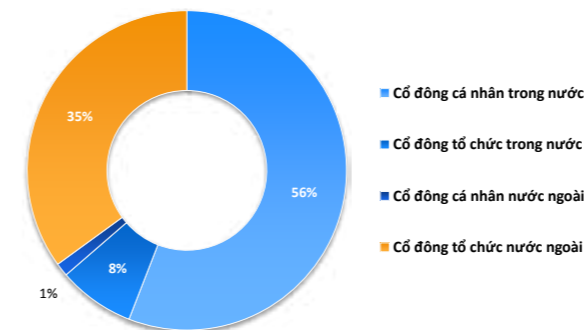
Biến động giá cổ phiếu PC1 2018

Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
Giá đầu năm (02/01/2018)	Đồng	38.900
Giá cuối năm (28/12/2018)	Đồng	24.800
Tăng trưởng cổ phiếu PC1 2018	%	-36,25%
Giá cao nhất (02/01/2018)	Đồng	38.900
Giá thấp nhất (15/11/2018)	Đồng	20.600
Khối lượng giao dịch bình quân ngày (thỏa thuận+khớp lệnh)	Cổ phiếu	176.070
Giá trị giao dịch bình quân ngày	Tỷ đồng	85,59

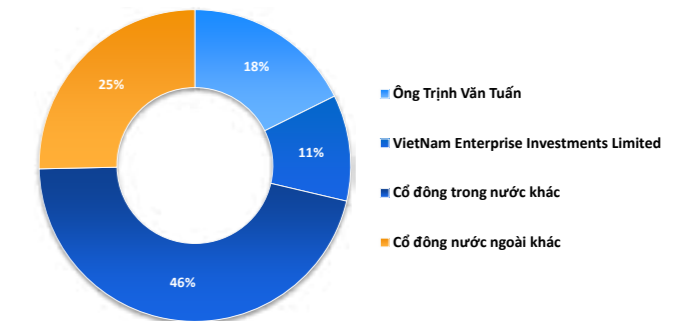
Cơ cấu cổ đông

Đối tượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn (sở hữu ≥ 5% vốn CP)	38.063.654	28,67%
- Trong nước	23.441.482	17,66%
- Nước ngoài	14.622.172	11,01%
Cổ phiếu quỹ	432	0,0003%
Cổ đông khác	94.706.640	71,33%
- Trong nước	61.064.484	45,99%
- Nước ngoài	33.641.724	25,34%
TỔNG CỘNG	132.770.294	100,00%

Cơ cấu cổ đông



Cơ cấu cổ đông (theo cổ đông lớn)



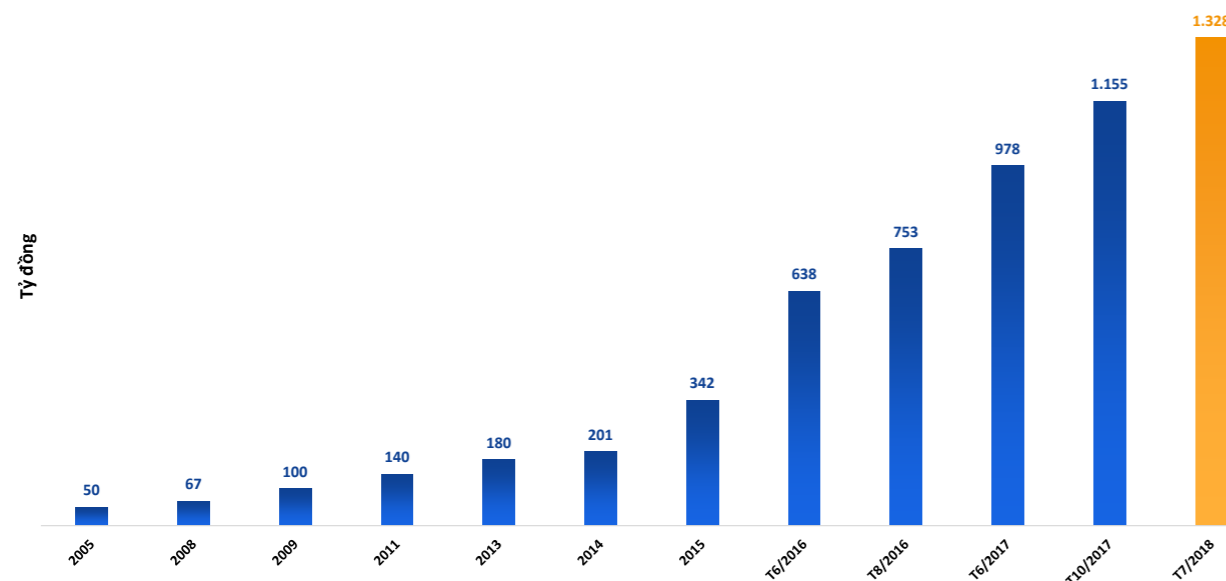
Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Trịnh Văn Tuấn	012298607	Số 583 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	23.441.482	17,66%
VietNam Enterprise Investments Limited	N/A	1501 Cao Ốc Mê Linh Point, 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp HCM, Việt Nam	14.622.172	11,01%



Quá trình tăng vốn

Năm	Vốn điều lệ (VNĐ)	Nội dung tăng vốn
2005	50.000.000.000	Cổ phần hóa
2008	66.670.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu để Đầu tư dự án Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Nàng Hương.
2009	100.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ để Đầu tư giai đoạn 2 dự án Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Nàng Hương và bổ sung vốn lưu động cho Công ty.
2011	140.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu để Huy động vốn đầu tư cho dự án Mỹ Đình và các dự án đầu tư khác
2013	180.000.000.000	Phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
2014	201.000.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
2015	341.694.850.000	Phát hành và trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
06/2016	637.821.960.000	Phát hành để trả cổ tức và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
08/2016	752.629.140.000	Phát hành riêng lẻ để huy động vốn để thực hiện đầu tư dự án Thủy điện Bảo Lâm 3.
06/2017	978.413.200.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016
10/2017	1.154.528.420.000	Phát hành riêng lẻ để bổ sung nguồn vốn thực hiện đầu tư dự án Thủy điện Mông Ân (Bảo Lâm 4), Thủy điện Bảo Lạc B (Bảo Lâm 2A) và dự án Bất động sản Thanh Xuân
07/2018	1.327.702.940.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017

Lịch sử tăng vốn



QUAN HỆ CỔ ĐÔNG (IR)

Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2018

Công ty tuân thủ đúng trình tự thủ tục tổ chức đại hội đồng cổ đông: chốt danh sách cổ đông, công bố thông tin trước đại hội và sau đại hội.

Ngày 26/04/2018, Đại hội đồng cổ đông công ty Cổ phần Xây lắp điện I đã được tổ chức với sự tham gia của 69 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 84.863.239 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 73,5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty. Đại hội đã thông qua 13 nội dung biểu quyết với tỷ lệ tán thành trên 90% cho tất cả các nội dung bao gồm các nội dung sau:

Nội dung	Tỷ lệ tán thành
1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018	97,62%
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	97,62%
3. Thông qua Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên 2018	97,62%
4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 của Công ty	97,62%
5. Thông qua Kế hoạch lợi nhuận và dự kiến chia cổ tức năm 2018	94,56%
6. Thông qua chuyển nhượng một phần vốn và thay đổi phương án sử dụng vốn tại Dự án thủy điện Mông Ân	94,56%
7. Đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Sông Nhiệm 4	97,62%
8. Thông qua Đầu tư bất động sản	97,62%
9. Thông qua Kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2018 của Công ty	97,62%
10. Thông qua Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty	94,22%
11. Thông qua Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2018	97,62%
12. Thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty	94,22%
13. Thông qua việc sửa đổi bổ sung một số điều của Điều lệ và quy chế Quản trị Công ty	97,62%

Công bố thông tin trong năm 2018

CBTT báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính quý I, II, III, IV bao gồm báo cáo riêng lẻ và báo cáo hợp nhất
- Báo cáo tài chính bán niên 2018 riêng lẻ và hợp nhất
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính bán niên hợp nhất 2018
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế tại BCTC riêng lẻ và hợp nhất đã kiểm toán của năm 2017
- BCTC hợp nhất 2017 đã kiểm toán

CBTT Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

- Tài liệu họp (ngày 16/04/2018)
- Biên bản nghị quyết ĐHĐCĐ (ngày 27/04/2018)

Hội nghị tiếp xúc nhà đầu tư

Chiều ngày 07/12/2018, Công ty cổ phần xây lắp điện I (PCC1) đã tổ chức hội nghị Tiếp xúc nhà đầu tư PC1 năm 2018 dưới sự chủ trì của ông Trịnh Văn Tuấn, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty.

Tới tham dự hội nghị có đông đảo các cổ đông, nhà đầu tư, đại diện các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Đây là sự kiện gặp gỡ tiếp xúc chính thức trong năm 2018 của PCC1 với các cổ đông và nhà đầu tư cá nhân và tổ chức nhằm thông báo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của doanh nghiệp, đồng thời trao đổi về triển vọng kinh doanh năm 2019 và kế hoạch các năm tiếp theo.

Hội nghị cũng được tiến hành trực tuyến tại đầu cầu Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 Miền Nam (công ty con của PCC1) tại Cao ốc An Khang, số 28 đường 19, Khu phố 5, phường An Phú, quận 2, TP.HCM.

Ngoài ra, trong năm 2018; bộ phận quan hệ nhà đầu tư của PCC1 cũng tổ chức các buổi gặp gỡ tiếp xúc với nhà đầu tư, các tổ chức các quỹ đầu tư có quan tâm đến PCC1, các bộ phận phân tích các công ty chứng khoán...qua đó giúp các nhà đầu tư nhìn nhận chính xác hơn về giá trị, triển vọng kinh doanh của PCC1.

CBTT Báo cáo thường niên

- Báo cáo thường niên 2017

CBTT khác

- Các nghị quyết của HĐQT
- Các báo cáo thay đổi về sở hữu cổ phần, số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết
- Các quyết định bổ nhiệm
- Các báo cáo tình hình sử dụng vốn
- Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2018
- Các hợp đồng đã ký kết (đầu tư, góp vốn)
- Tiến độ, tình hình thực hiện các dự án đang xây dựng



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin về tỷ lệ sở hữu của thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu
Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	17.66%
Ông Nguyễn Minh Đệ	Thành viên HĐQT điều hành	1.29%
Ông Vũ Văn Tứ	Thành viên HĐQT điều hành	0.23%
Ông Võ Hồng Quang	Thành viên HĐQT điều hành	1.86%
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT không điều hành	1.12%

Tỷ lệ dự họp Hội đồng Quản trị

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT (Nhiệm kỳ 2015-2020)	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch	26/4/2015	14/14	100%	
Ông Nguyễn Minh Đệ	Ủy viên	26/4/2015	14/14	100%	
Ông Vũ Văn Tứ	Ủy viên	26/4/2015	14/14	100%	
Ông Võ Hồng Quang	Ủy viên	26/4/2015	14/14	100%	
Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên	26/4/2015	14/14	100%	

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

HĐQT thường xuyên duy trì giám sát Ban TGD thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát, cũng như tổ chức các cuộc họp nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm trong việc triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính, trong việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;

Trong năm 2018, HĐQT đã tập trung chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong các hoạt động chủ yếu sau:

- Tổ chức họp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD tại Công ty và các đơn vị thành viên; đánh giá hiệu quả công việc của Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban liên quan trong năm;

- Tổ chức Đại hội đồng thường niên 2018 vào ngày 26/04/2018;

Ban Tổng Giám đốc tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo, cùng với sự nỗ lực cố gắng và năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các Phòng, Ban Công ty, sự cố gắng của các đơn vị thành viên, của cán bộ CNV toàn Công ty, thực hiện các mục tiêu chiến lược, tiếp tục khẳng định vị thế, hình ảnh PCC1 trên thị trường, khắc phục khó khăn và kiểm soát các hoạt động SXKD và đầu tư, theo đó một số kết quả quan trọng đạt được như

sau:

- Hoàn thiện báo cáo điều chỉnh chiến lược Công ty 2018-2022, tầm nhìn 2030; triển khai bám sát các chỉ tiêu năm 2018 cho các khối kinh doanh và đầu tư.
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, điều hành chuyên nghiệp trong toàn công ty.
- Luôn gương mẫu, phát huy giá trị cốt lõi Công ty: sáng tạo - tốc độ - tin cậy tạo động lực phát triển, góp phần tích cực trong giải quyết khó khăn và thúc đẩy hệ thống đạt được các chỉ tiêu quan trọng.
- Điều chỉnh sơ đồ quản lý, thành lập mới phòng quản lý EPC đúng thời điểm, khắc phục được tình trạng quá tải trong công tác đấu thầu, đồng thời phát triển hiệu quả thị trường xây lắp ngoài ngành, lợi thế các hợp đồng EPC, tăng qui mô xây lắp trong dài hạn.
- Chỉ đạo tiếp tục ứng dụng các giải pháp thi công tiên tiến, đầu tư và vận hành hiệu quả máy móc, thiết bị mới, phát triển sản phẩm mới trong sản xuất và thi công;
- Kiên định và chỉ đạo sát sao mục tiêu đầu tư năng lượng và đầu tư BĐS theo kế hoạch năm 2018 và thúc đẩy kế hoạch

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị

Số Nghị quyết/ Quyết định/	Ngày	Nội dung
35/PLYK-PCC1-HĐQT	03/01/2018	Thông qua phương án: Chấm dứt hoạt động dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bảo Lâm 2 tại xã Khánh Xuân và xã Cô Ba, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng
05/NQ-PCC1-HĐQT	31/01/2018	Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty CP xây lắp điện I với doanh nghiệp có liên quan.
07/NQ-PCC1-HĐQT	31/01/2018	Phê duyệt giải thể Văn phòng đại diện PCC1 tại TP Cao Bằng
36/PLYK-PCC1-HĐQT	07/03/2018	Thông qua việc cho ông Hà Thanh Hưng thôi giữ chức kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 Hà Nội(PCC1-Hà Nội) và giao cho chủ tịch PCC1-Hà Nội ký quyết định; Thông qua việc bổ nhiệm ông Trần Đình Chung giữ chức kế toán trưởng PCC1-Hà Nội và giao cho chủ tịch PCC1-Hà Nội ký quyết định bổ nhiệm.
10/NQ-PCC1-HĐQT	07/03/2018	Phê duyệt thời gian chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2018 và các nội dung liên quan.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

15/NQ-PCC1-HĐQT	16/04/2018	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 và tài liệu kèm theo
37/PLYK-PCC1-HĐQT	04/04/2018	Thông qua phương án: Sắp xếp lại bộ máy quản lý Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 Miền Nam (PCC1 Miền Nam); Thông qua việc bổ nhiệm ông Lê Văn Tân giữ chức vụ Phó Giám đốc PCC1 Miền Nam và giao cho chủ tịch PCC1 Miền Nam ký quyết định; Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Lam giữ chức vụ Phó Giám đốc PCC1 Miền Nam và giao cho chủ tịch PCC1 Miền Nam ký quyết định; Thông qua việc cho ông Nguyễn Văn Chi thôi giữ chức Phó Giám đốc PCC1-Hà Đông và giao cho Chủ tịch PCC1-Hà Đông ký quyết định.
38/PLYK-PCC1-HĐQT	27/04/2018	Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Bằng giữ chức vụ Phó Giám đốc PCC1 Mỹ Đình và giao cho chủ tịch Công ty PCC1 Mỹ Đình ký quyết định.
29a/BB-PCC1-HĐQT	28/05/2018	Thông qua phương án thành lập Phòng quản lý dự án EPC và bổ nhiệm các chức vụ quản lý PCC1
39/PLYK-PCC1-HĐQT	14/06/2018	Thông qua phương án chuyển nhượng Dự án thủy điện Mông Ân; Đổi tên chủ sở hữu Dự án thủy điện Mông Ân từ Công ty CP Xây lắp điện I sang Công ty CP Đầu tư Năng lượng Miền Bắc (PCC1 sở hữu 90% vốn điều lệ)
40/PLYK-PCC1-HĐQT	21/06/2018	Lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là Công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 và Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty mẹ, các đơn vị thành viên và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty Cổ phần Xây lắp điện I.
41/PLYK-PCC1-HĐQT	02/7/2018	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017
42/PLYK-PCC1-HĐQT	05/7/2018	Thông qua kế hoạch tiếp tục góp phần vốn PCC1 còn phải góp vào Công ty CP đầu tư năng lượng Miền Bắc với tư cách là cổ đông chính để thực hiện Dự án thủy điện Mông Ân. (dưới 10% tổng tài sản công ty)
43b/PLYK-PCC1-HĐQT	20/7/2018	Thông qua phương án phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu TB 01; cung cấp thiết bị cơ điện đồng bộ công trình thủy điện Bảo Lạc B; Thông qua phương án phê duyệt kết quả đấu thầu, gói thầu TB 02; Cung cấp và lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công - Dự án thủy điện Bảo Lạc B
32/QĐ-PCC1-HĐQT	16/8/2018	Thông qua mua cổ phần tại Công ty CP TM đầu tư Tiến Bộ
45/PLYK-PCC1-HĐQT	04/9/2018	Thông qua phương án thành lập Chi nhánh Miền Nam Công ty con- Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1 - Mỹ Đình

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

46/PLYK-PCC1-HĐQT	17/9/2018	Thông qua phương án thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty con- Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1-Mỹ Đình
47/PLYK-PCC1-HĐQT	25/9/2018	Thông qua phương án dừng hoạt động phòng nghiên cứu phát triển; Thông qua phương án cho ông Trần Anh Tuấn thôi giữ chức trưởng phòng, điều chuyển bổ nhiệm giữ chức trợ lý Tổng Giám đốc;; Thông qua PA cho ông Lê Bá Lanh thôi giữ chức Phó Giám đốc Công ty PCC1- Hoàng Mai, giao cho chủ tịch PCC1 Hoàng Mai ký quyết định ban hành.
39/NQ-PCC1-HĐQT	28/9/2018	Thông qua thay đổi phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và thông qua phương án bổ nhiệm ông Dương Như Thảo giữ chức vụ Phó Giám đốc PCC1- Từ Liêm
29b/BB-PCC1-HĐQT	16/11/2018	Thông qua hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo đảm để vay vốn thực hiện dự án thủy điện Bảo Lạc B (số tiền vay có giá trị dưới 10%vốn chủ sở hữu)
30/BB-PCC1-HĐQT	14/12/2018	Thông qua tờ trình số 2826 Tr-PCC1-TCNS về việc bổ nhiệm Ông Vũ Ánh Dương giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc PCC1
49/PLYK-PCC1-HĐQT	17/12/2018	Thông qua phương án góp vốn điều lệ lần 2 năm 2018 Công ty cổ phần đầu tư Năng lượng Miền Bắc (dưới 10% tổng tài sản công ty)

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập: Công ty chưa có thành viên Hội đồng Quản Trị độc lập

Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị: Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị



BAN KIỂM SOÁT

Tỷ lệ dự họp Ban Kiểm soát

Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS (Nhiệm kỳ 2015-2020)	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng Ban	26/04/2015	3/3	100%	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên	26/04/2015	3/3	100%	
Ông Nguyễn Quang Vũ	Ủy viên	26/04/2015	3/3	100%	

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần xây lắp điện I có 03 thành viên được phân công 01 Trưởng ban phụ trách chung và 02 thành viên theo dõi các hoạt động khác do Trưởng ban phân công. Các thành viên trong Ban đã thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2018 và hoạt động SXKD của Công ty cụ thể:

Giám sát việc tuân thủ pháp luật và thực hiện Điều lệ Công ty:

- Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung được thông qua tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên, các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng quản trị và quy chế nội bộ của Công ty.

Kiểm soát hoạt động quản lý và điều hành Công ty:

Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty: 05 thành viên (trong các kỳ họp của HĐQT Công ty có đại diện của Quỹ Dragon Capital tham dự)

- Các thành viên của Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra những nghị quyết quản trị kịp thời. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

- Hội đồng quản trị thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty:

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị

để các thành viên tập trung thực hiện các công việc của Công ty có liên quan đến lĩnh vực cá nhân thành viên đó phụ trách.

- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ thông qua, bám sát chiến lược Công ty đã đặt ra. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ Công ty, luật pháp nhà nước. Đồng thời cùng với Ban lãnh đạo Công ty đưa ra các giải pháp hiệu quả, nhằm giảm thiểu chi phí để đạt được lợi nhuận cao đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

Ban lãnh đạo Công ty:

Với sự chỉ đạo sát sao, sự đổi mới kịp thời trong công tác điều hành của Ban lãnh đạo Công ty, sự nỗ lực cố gắng của đội ngũ cán bộ các phòng ban chuyên môn và các đơn vị thành viên, Ban lãnh đạo đã khẳng định vai trò lãnh đạo, khẳng định vị thế, hình ảnh của Công ty trên thị trường. Năm 2018, Công ty đã đạt được các kết quả như sau:

- Kết quả kinh doanh khối bất động sản, phát điện, kinh doanh thương mại đạt kết quả tốt vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.

- Khối xây lắp điện: Mở rộng thị trường, phát triển các dự án của các Chủ đầu tư ngoài ngành thuộc lĩnh vực điện mặt trời, điện gió, các dự án đặc thù...

- Hoàn thiện điều chỉnh báo cáo chiến lược Công ty 2018-2022, tầm nhìn 2030.

- Đáp ứng nguồn vốn kinh doanh và đầu tư để triển khai hoạt động SXKD.

Hoạt động của Ban Kiểm soát (tiếp theo)

- Đảm bảo công việc ổn định, thu nhập bình quân toàn Công ty đạt: 12,59 triệu đồng/người/ tháng đạt 95% so với kế hoạch đặt ra.

Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty phối hợp với các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Công ty để tăng cường công tác điều hành quản lý và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty:

Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Kết quả đạt được: (Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã kiểm toán)

- Doanh thu: 5.084,421 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 466,549 tỷ đồng

- Nộp ngân sách Nhà nước: 252,597 tỷ đồng

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 3.514 đồng

Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ theo nghị quyết số 01 ngày 26/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên về việc tăng vốn điều lệ bằng việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017 như sau:

- Tỷ lệ trả cổ tức: 15% trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành

- Đối tượng được trả cổ tức: là các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2017.

- Số lượng cổ phiếu phát hành tăng thêm do trả bằng cổ tức: 17.317.452 cổ phiếu, tương ứng với số vốn điều lệ tăng thêm là 173,175 tỷ đồng.

- Ngày hoàn thành: Quý 3/2018

- Phương thức phân phối: Cổ phiếu được phân phối trực tiếp cho các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại

ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức.

Do vậy, Vốn điều lệ Công ty tại ngày 31/12/2018: 1.327,703 tỷ đồng.

Thực hiện Nghị quyết số 39/NQ-PCC1-HĐQT ngày 28/9/2018 về việc Thông qua thay đổi phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, việc huy động vốn từ việc phát hành này đã được sử dụng để thực hiện dự án thủy điện Bảo Lạc B và dự án bất động sản PCC1 Thanh xuân.

Công tác tài chính kế toán:

Các báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của công ty tại từng thời điểm, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan, quản trị rủi ro. Công ty rất chú trọng xây dựng kế hoạch dòng tiền nhằm sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất.

Công tác tổ chức và quản lý của Công ty:

Công ty đang tiếp tục hoàn thiện bổ sung sửa đổi quy chế tiền lương cho phù hợp với quy định của luật và điều kiện thực tế của đơn vị, nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ cho người lao động. Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, từ thiện... khơi dậy tinh thần đoàn kết sáng tạo trong mỗi CBCNV.

Phụ cấp của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty:

Thực hiện theo nghị quyết 01/NQ-PCC1-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Phụ cấp của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã nhận năm 2018 như sau:

Chủ tịch HĐQT: 120 triệu đồng/năm; UVHĐQT: 24 triệu đồng/năm; TB kiểm soát: 72 triệu đồng/năm; thành viên Ban KS: 18 triệu đồng/năm; thư ký HĐQT: 18 triệu đồng/năm.

“Đột phá về doanh thu và cải thiện biên lợi nhuận”

Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2018

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2018, kết thúc 31/12/2018 và thống nhất xác nhận nội dung cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty, được trình bày theo các mẫu báo cáo được quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2018.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

- Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ của các Tổ chức niêm yết trên Sở GDCK Hồ Chí Minh theo qui định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo

Ban kiểm soát đã tham gia:

- Các kỳ họp của Hội đồng quản trị Công ty.

- Các kỳ họp kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo tháng, quý, tổng kết năm do Tổng giám đốc Công ty chủ trì.

- Hội đồng quản trị Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm

soát, Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu. Hội đồng quản trị Công ty, Ban kiểm soát, Ban lãnh đạo và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết luận và kiến nghị

Kết luận

Các thành viên trong Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thể hiện được tính trung thực, khách quan trong công việc. Tuy nhiên, trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi, kinh tế vĩ mô chưa ổn định thì công tác kiểm soát cũng không tránh khỏi những tồn tại mà Ban Kiểm soát cần phải quan tâm, nỗ lực và hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới. Để đảm bảo công tác quản lý điều hành của Công ty được tốt hơn, cần tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo và các phòng ban Công ty.

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu Báo cáo tài chính năm 2018 do PCC1 lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán (AASC). Xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của PCC1.

Kiến nghị:

Bên cạnh những kết quả, thành tích mà Công ty đã đạt được trong năm qua. Để xây dựng Công ty có thương hiệu mạnh của Việt Nam trong các lĩnh vực kinh doanh, tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận đảm bảo lợi ích cho cổ đông, BKS có một số kiến nghị Công ty các nội dung sau:

- Bám sát các mục tiêu chiến lược Công ty điều chỉnh năm 2018-2022, tầm nhìn 2030.

- Tiếp tục khai thác nguồn vốn giá rẻ và kiểm soát hiệu quả hơn nữa về sử dụng dòng tiền, đáp ứng kịp thời nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển với mục tiêu tăng trưởng cao.

- Đầu tư công nghệ quản lý và công nghệ thi công tiên tiến, áp dụng quản lý phần mềm mới trong quản lý dự án.

- Tiếp tục nâng cao quản trị rủi ro và hệ thống quản lý chất lượng theo ISO.

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát (nếu có): Không có

Kế hoạch hoạt động ban kiểm soát năm 2019

Căn cứ vào tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019. Ban kiểm soát xin đề ra Kế hoạch hoạt động của Ban năm 2019 như sau:

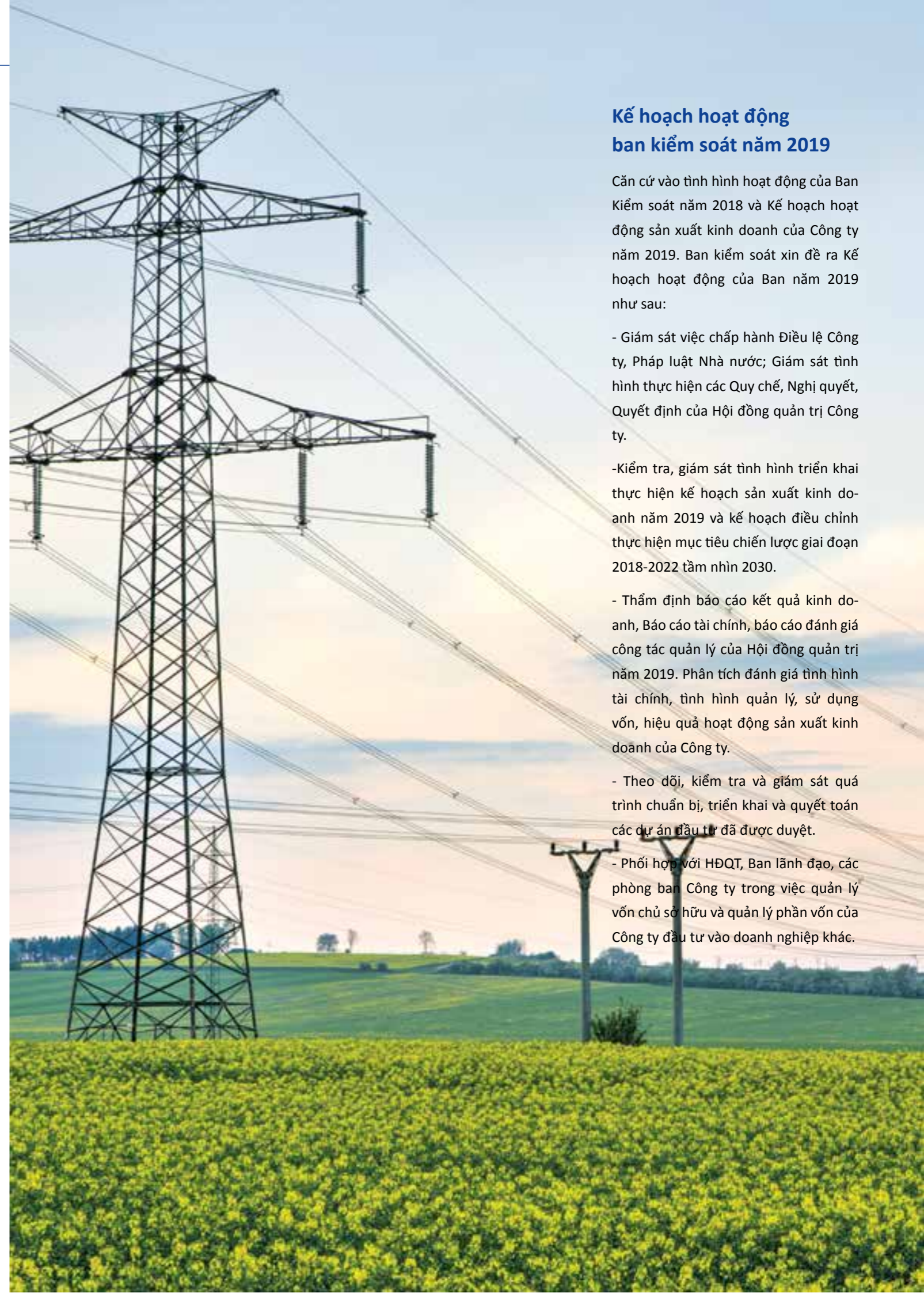
- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước; Giám sát tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch điều chỉnh thực hiện mục tiêu chiến lược giai đoạn 2018-2022 tầm nhìn 2030.

- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2019. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Theo dõi, kiểm tra và giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư đã được duyệt.

- Phối hợp với HĐQT, Ban lãnh đạo, các phòng ban Công ty trong việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.



QUẢN TRỊ RỦI RO

Nguyên tắc quản trị rủi ro của Công ty

- Quản trị rủi ro là một quá trình xuyên suốt và gắn liền với mọi quy trình hoạt động của công ty, là một phần không thể thiếu trong tất cả các quy trình của Công ty. Đặc biệt, quản trị rủi ro phải gắn liền với mục tiêu và chiến lược của Công ty, là một phần quan trọng của việc ban hành bất kỳ quyết định nào liên quan đến hoạt động của Công ty;

- Quản trị rủi ro phải dựa trên những thông tin hiện hữu đáng tin cậy. Các yếu tố đầu vào của quá trình quản lý rủi ro phải dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy về số lượng và chất lượng, từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm dữ liệu đã được

lưu trữ, kinh nghiệm, thông tin phản hồi của các bên liên quan, sự quan sát, dự báo và phán đoán;

- Hệ thống quản trị rủi ro bao gồm có bộ phận và nhân sự phục vụ công tác quản trị rủi ro, được tích hợp trong cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Công ty, vận hành song song và phù hợp với quy mô và phạm vi hoạt động của Công ty;

- Các chính sách và quy trình quản trị rủi ro được thực hiện liên tục và thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với phạm vi, quy mô hoạt động, điều kiện của công ty và bối cảnh thị trường;



Các rủi ro trọng yếu và cách quản trị

Rủi ro hệ thống

Rủi ro kinh tế vĩ mô

- Tăng trưởng kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam đang trong chu kỳ tăng trưởng mạnh song hành cùng nền kinh tế thế giới. Theo số liệu thống kê của tổng cục thống kê Việt Nam, GDP Việt Nam năm 2018 tăng trưởng 7,08%. Sự tăng trưởng tích cực này sẽ có tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên đi đôi với nó là các rủi ro khi nền kinh tế tăng trưởng và hội nhập quá nhanh, tạo sức ép cạnh tranh lớn cho doanh nghiệp.

Song hành cùng tăng trưởng nóng của kinh tế là lạm phát. Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Trong những năm gần đây, lạm phát vẫn đang trong đà tăng lên cùng sự phát triển nóng của kinh tế.

Lạm phát tăng dẫn đến mặt bằng lãi suất cũng tăng làm cho chi phí tài chính của Công ty có thể gia tăng.

Cách quản trị: Chủ động theo dõi sát sao tình hình biến động của thị trường trong nước và quốc tế để nhanh chóng đưa ra các biện pháp giải quyết khi rủi ro xảy ra. Kiểm soát chi phí,

tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo cấu trúc vốn an toàn. Thường xuyên cập nhật các biến động về lãi suất, tỷ giá

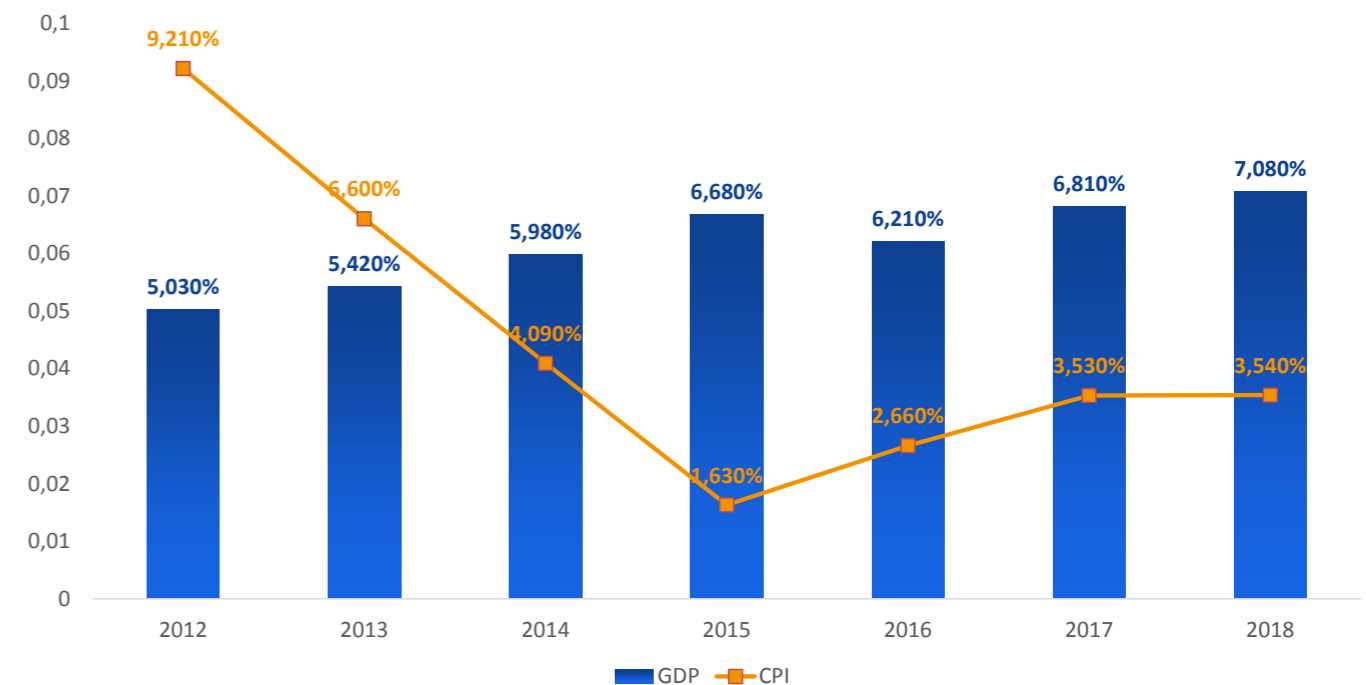
Rủi ro về pháp luật

Các chính sách của Nhà nước, Chính phủ về các lĩnh vực Công ty đang hoạt động cũng ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty như: Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030; Chiến lược phát năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về : các công trình hạ tầng kỹ thuật; về các công trình sử dụng năng lượng hiệu quả.

Hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Cách quản trị: Để hạn chế những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý có rủi ro cao.

GDP và CPI qua các năm



Các rủi ro trọng yếu và cách quản trị (tiếp theo)

Rủi ro đặc thù ngành

Ngành xây lắp điện

- Rủi ro tự nhiên, môi trường

PCC1 thực hiện xây lắp các công trình đường dây tải điện và TBA, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông. Việc xây lắp các công trình trên chủ yếu được tiến hành ngoài trời và tại các khu vực có địa hình phức tạp do đó điều kiện thời tiết và địa hình có thể ảnh hưởng đến mức độ an toàn trong lĩnh vực này.

Cách quản trị: Nhận thức được rủi ro trên, PCC1 luôn chú trọng khâu giám sát an toàn thi công trong quá trình triển khai dự án của mình và tuân thủ các chế độ bảo hiểm cho các Công ty và người lao động để hạn chế ảnh hưởng của yếu tố rủi ro này đến hoạt động kinh doanh chung của toàn Công ty.

Ngành sản xuất điện

- Rủi ro tự nhiên:

Thời tiết và địa hình tự nhiên không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình đầu tư, thi công nhà máy thủy điện mà còn ảnh hưởng đến việc sản xuất kinh doanh điện của các nhà máy.

Cách quản trị: Công ty luôn cùng với các chuyên gia thực hiện đo đạc, theo dõi thủy văn trong nhiều năm trước khi quyết định đầu tư.

- Rủi ro lãi suất

Hiện nay, các dự án đầu tư thủy điện của Công ty sử dụng phần lớn vốn vay (chiếm từ khoảng 70% TMDT). Vào năm 2019 và các năm tiếp theo, nguồn vốn vay ưu đãi từ World Bank sẽ hết và Công ty phải sử dụng nguồn vốn khác. Do đó, biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động đầu tư thủy điện của Công ty.

Cách quản trị: Trả nợ đúng hạn, nâng cao uy tín tín dụng đối với các ngân hàng thương mại để nhận thêm ưu đãi về lãi suất nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của lãi suất vay vốn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro thi công

Quá trình xây dựng công trình và lắp máy đòi hỏi tính chính xác và an toàn cao về mặt kỹ thuật.

Cách quản trị: Để giảm thiểu tối đa rủi ro này, trước, trong và sau quá trình thi công xây dựng, Công ty có lực lượng quản lý

dự án chuyên nghiệp, đội ngũ nhà thầu uy tín, và đều có đội ngũ giám sát, kiểm tra đánh giá tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình và máy móc thiết bị, đảm bảo chất lượng, tiến độ công trình.

Ngành đầu tư và kinh doanh bất động sản

- Rủi ro chu kỳ ngành

Các dự án bất động sản thường mất trên 02 năm để hoàn thành. Trong thời gian này, doanh nghiệp phải chịu rủi ro chu kỳ của ngành bất động sản và ảnh hưởng bởi các chính sách của Chính phủ, đặc biệt là chính sách tín dụng.

Cách quản trị: Công ty cẩn trọng nghiên cứu tổng quan thị trường bất động sản; tính khả thi của dự án, ở cả phần cung (các chi phí đầu vào) và phần cầu (đầu ra cho dự án) trước khi thực hiện...

- Rủi ro pháp lý dự án

Các thủ tục pháp lý và hành chính cho mỗi dự án bất động sản luôn là vấn đề mà các doanh nghiệp phải chú trọng. Công ty có thể gặp rủi ro về khả năng và tiến độ thực hiện dự án nếu việc xin giấy phép triển khai dự án kéo dài hơn dự kiến hoặc nếu có thay đổi trong quy hoạch chung của địa phương, đặc biệt là đối với các yếu tố liên quan đến giao thông, mật độ dân cư, mục đích sử dụng đất.

Cách quản trị: Công ty luôn nghiên cứu kỹ các văn bản pháp lý liên quan đến từng dự án trước khi thực hiện.

Sản xuất công nghiệp

- Rủi ro giá nguyên liệu đầu vào

Ngành sản xuất công nghiệp chịu rủi ro chủ yếu từ giá cả nguyên vật liệu đầu vào. Công ty chủ yếu sản xuất kinh doanh các thiết bị, kết cấu thép vật liệu và phụ kiện công trình điện, do đó biến động giá thép ảnh hưởng trực tiếp đến lĩnh vực hoạt động này của Công ty.

Cách quản trị: Để hạn chế ảnh hưởng của giá thép nguyên vật liệu, Công ty luôn cập nhật tình hình thị trường, thông tin giá thép trên thế giới để tìm ra các biện pháp kiểm soát giá thép ở mức cạnh tranh như mã hóa toàn bộ các nguyên vật liệu, so sánh và đa dạng nhà cung cấp, lựa chọn nhà cung ứng nguyên vật liệu cạnh tranh nhất trên thị trường.



GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và giao dịch của thành viên

Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ tại 28/12/2018	Tỷ lệ sở hữu
Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	23.441.482	17.66%
Ông Nguyễn Minh Đệ	UV HĐQT kiêm phó TGD	1.717.960	1.29%
Ông Vũ Văn Tứ	UV HĐQT kiêm phó TGD	308.424	0.23%
Ông Võ Hồng Quang	UV HĐQT kiêm Phó TGD	2.472.063	1.86%
Bà Nguyễn Thị Hương	UV HĐQT	1.493.003	1.12%
Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó TGD	4.291.001	3,232%
Ông Đặng Văn Nghĩa	Phó TGD	233.796	0,176%
Vũ Ánh Dương	Phó TGD	71.065	0,054%
Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng BKS	19.356	0,015%
Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên BKS	0	0%
Nguyễn Quan Vũ	Ủy viên BKS	27.664	0,021%
TỔNG		34.075.814	25,66%

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Năm 2018, không có phát sinh giao dịch liên quan đến Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan. Tuy nhiên, phát sinh các giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, thi công các công trình với công ty con, công ty liên kết.

Giao dịch với các doanh nghiệp liên quan

Giao dịch giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết phát sinh thường xuyên, luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Công ty về mối quan hệ Công ty mẹ- công ty con, công ty liên kết và quy định của Luật doanh nghiệp. Giao dịch giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết trong năm 2018, thực hiện theo Nghị quyết số 05/NQ-PCC1-HĐQT ngày 31/01/2018 v/v thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng giao dịch giữa công ty CP Xây lắp điện I với doanh nghiệp có liên

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung giao dịch với công ty
Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1 Miền Nam	Công ty con	Mua: Khối lượng xây lắp Doanh thu: CCDC, phí bảo lãnh
Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1- Hà Nội	Công ty con	Mua: Khối lượng xây lắp Doanh thu: Thuê văn phòng, khác
Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1- Đại Mỗ	Công ty con	Mua: Khối lượng xây lắp Doanh thu: CCDC, tiền thuê đất, phí bảo lãnh
Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh	Công ty con	Mua: Gia công cột thép Doanh thu: bán NVL
Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1- Mỹ Đình	Công ty con	Mua: Khối lượng xây lắp Doanh thu: Thuê văn phòng, khác
Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1-Nàng Hương	Công ty con	Mua: Dịch vụ tòa nhà Doanh thu: tiền thuê đất, khác
Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1 Hoàng Mai	Công ty con	Mua: Khối lượng xây lắp Doanh thu: Tiền thuê đất, phí bảo lãnh
Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1- Miền Bắc	Công ty con	Mua: Khối lượng xây lắp, tư vấn giải phóng mặt bằng Doanh thu: Tiền thuê đất, phí bảo lãnh
Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1-Từ Liêm	Công ty con	Mua: Khối lượng xây lắp Doanh thu: Tiền thuê đất, phí bảo lãnh, khác
Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1-Hà Đông	Công ty con	Mua: Khối lượng xây lắp Doanh thu: tiền thuê đất, phí bảo lãnh
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1-Ninh Bình	Công ty con	Mua: Khối lượng xây lắp Doanh thu: tiền thuê đất, phí bảo lãnh
Công ty cổ phần Thủy điện Trung Thu	Công ty con	Doanh thu: Tư vấn, khác
Công ty cổ phần lắp máy công nghiệp Việt Nam	Công ty con	Mua: Khối lượng lắp máy
Công ty CP cơ khí ô tô Hòa Bình	Công ty con	Doanh thu: Tư vấn quản lý dự án BĐS
Công ty CP đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Công ty con	Doanh thu: Tư vấn quản lý dự án BĐS, thuê văn phòng

Giao dịch với các doanh nghiệp liên quan (tiếp theo)

Công ty CP thủy điện Bảo Lâm	Công ty con	Doanh thu thuê văn phòng Mua: Quản lý vận hành thủy điện
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Công ty liên kết	Gia công nghiên cứu tuyển quặng, thương mại
Công ty CP Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Công ty con	Chuyển nhượng dự án Quản lý dự án và các dịch vụ khác

Phụ cấp và thù lao của HĐQT, BKS, và BTGD năm 2018

Phụ cấp của HĐQT và BKS

	Họ và tên	Chức danh	Phụ cấp 1 tháng (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
Hội đồng Quản trị	Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	10.000.000	120.000.000
	Ông Nguyễn Minh Đệ	TV HĐQT	2.000.000	24.000.000
	Ông Vũ Văn Tứ	TV HĐQT	2.000.000	24.000.000
	Ông Võ Hồng Quang	TV HĐQT	2.000.000	24.000.000
	Bà Nguyễn Thị Hương	TV HĐQT	2.000.000	24.000.000
TỔNG			18.000.000	216.000.000
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng BKS	6.000.000	72.000.000
	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Kiểm soát viên	1.500.000	18.000.000
	Ông Nguyễn Quang Vũ	Kiểm soát viên	1.500.000	18.000.000
TỔNG			9.000.000	108.000.000

Phụ cấp và thù lao của HĐQT, BKS, và BTGD năm 2018 (tiếp theo)

Thu nhập của BTGD và HĐQT

Chức danh	Năm 2017	Năm 2018
Tổng Giám đốc	1.694.470.900	1.668.725.300
Thành viên khác trong Ban TGD và HĐQT	5.212.630.500	5.284.540.500

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hệ thống quản trị

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý hệ thống thông qua: Chất lượng nhân lực; Ứng dụng các phần mềm quản lý tiên tiến; Nâng cao thu nhập CBNV và phát triển văn hóa Công ty.
- Tiếp tục hợp lý sơ đồ tổ chức và bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng nhu cầu tăng trưởng nhanh; Thay đổi mô hình hoạt động của nhà máy Yên Thường.
- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ Công ty.
- Triển khai công tác đào tạo hiệu quả theo chiến lược công ty đảm bảo nâng cao năng lực CBCNV và tiết kiệm chi phí; Đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ.

Hệ thống quản trị

- Tiếp tục quản lý chất lượng thi công các công trình điện và sản xuất kết cấu thép theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
- Tiếp tục quản lý môi trường trong sản xuất kết cấu thép theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015

Đào tạo quản trị công ty

- Các khóa đào tạo về quản trị Công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành,

các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị Công ty:

- Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị Công ty, tham gia các cuộc hội thảo về quản trị Công ty do Sở giao dịch CK TP Hồ Chí Minh và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức và sẽ tiếp tục tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty khi các cơ sở đào tạo được UBCK Nhà nước công nhận có các khóa đào tạo phù hợp.

Tuân thủ quy định về quản trị công ty

Công ty có tuân thủ các quy định về quản trị công ty như:

- Tiếp tục tuân thủ và cập nhật các quy định về quản trị công ty như công bố thông tin trên thị trường chứng khoán hay tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
- Nâng cao chất lượng Báo cáo thường niên cả về nội dung cũng như hình thức nhằm truyền tải tốt hơn các thông tin đến cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư.
- Lên kế hoạch kiện toàn nhận sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo những yêu cầu mới của Nghị định 71/2017/NĐ-CP

TỔNG QUAN

Tổng quan nền kinh tế Việt Nam và tình hình chung của ngành điện 2019

Năm 2018 thế giới có nhiều biến cố về kinh tế và chính trị phức tạp. Kinh tế Việt Nam tương đối ổn định và có nhiều dấu ấn tích cực, tăng trưởng GDP vượt kế hoạch với mức 7,08%. Một số yếu tố thuận lợi cho kinh tế phát triển là: Môi trường kinh doanh được tiếp tục cải thiện, lãi suất ngân hàng ổn định và ở mức tương đối thấp, cung tín dụng luôn đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế, đầu tư FDI tăng, xuất khẩu tiếp tục tăng cao, dự trữ quốc gia tăng, thị trường bất động sản tương đối ổn định. Thị trường chứng khoán có nhiều biến động mạnh do ảnh hưởng từ biến động của kinh tế thế giới và đã diễn biến xấu vào thời điểm cuối năm.

Năm 2018 ngành điện đã cung ứng đủ và tin cậy nguồn điện cho phát triển kinh tế xã hội, tổng sản lượng điện tiêu thụ cả nước tăng 10,36% so với năm 2017. Ngành điện mặc dù xây dựng kế hoạch đầu tư tăng trưởng với giá trị đầu tư lớn. Tuy nhiên tiến độ giải ngân cho đầu tư lướn cao áp của EVN NPT chỉ đạt 78% kế hoạch. Dẫn đến việc các dự án phải tập trung đầu tư mạnh vào các giai đoạn sau mới đáp ứng được nhu cầu phụ tải.



**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2018**

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tổng quan tình hình kinh doanh chung của Công ty

Kết quả thực hiện so với kế hoạch

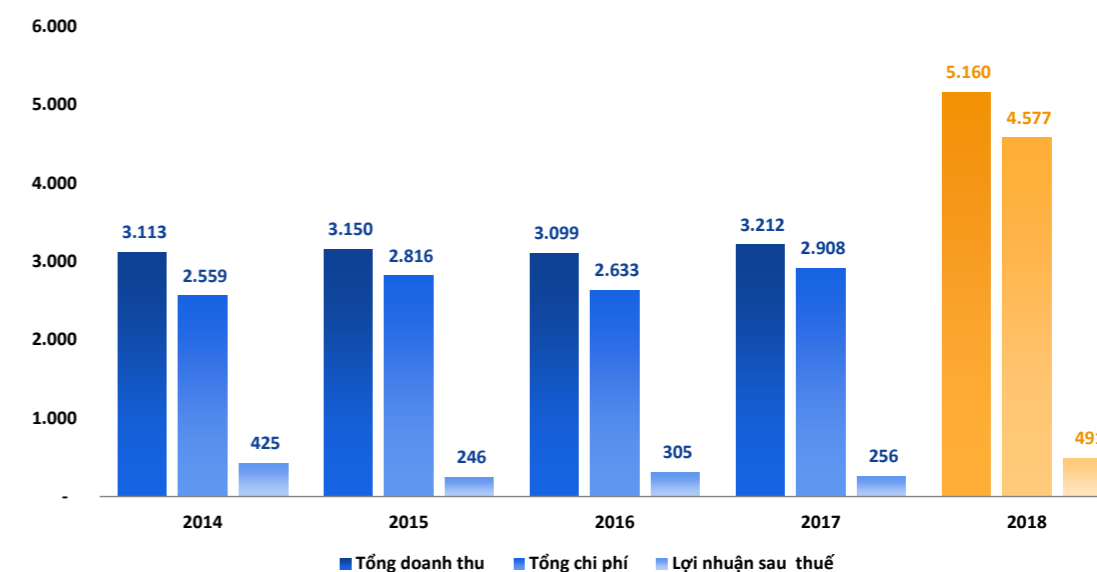
Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	KH 2018	TH 2018	TH 2018/KH 2018
Giá trị SXKD	Tỷ đồng	5.157,04	4.634,32	6.168,58	5277,62	85,86%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.585,92	3.160,56	5.643,46	5.084,42	90,09%
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	Tỷ đồng	306,89	236,66	458,75	466,55	101,70%
Cổ tức	%	20%	15%	15%	15%	100,00%
Trích nộp ngân sách	Tỷ đồng	-	-	250.020	252.60	101,03%
Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	-	-	213.210	201,82	94,66%
Thu nhập bình quân người lao động	Tr.đồng/ người/tháng	-	-	13,2	12,59	95,38%

PCC1 thực hiện mục tiêu kế hoạch năm 2018 bám sát chiến lược giai đoạn 2018 - 2022 với những cơ hội và thách thức đan xen. Bằng sự nỗ lực, sáng tạo và quyết tâm của Ban lãnh đạo Công ty, lãnh đạo các phòng ban cùng với các đơn vị thành viên đã phát huy vị thế và năng lực khác biệt của PCC1, kết quả doanh thu toàn Công ty vượt mốc trên 5.000 tỷ đồng, lợi nhuận vượt mức kế hoạch đề ra.

Kết quả thực hiện 2018 so với các năm trước

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018	Tỷ trọng 2018	2018/2017
Tổng doanh thu	3.113	3.150	3.099	3.212	5.160	100,00%	160,80%
Doanh thu thuần	3.100	3.101	3.008	3.160	5.084	98,45%	160,88%
Doanh thu hoạt động tài chính	8	9	14	11	28	0,55%	254,55%
Doanh thu khác	5	40	77	41	47	1,00%	126,83%
Tổng chi phí	2.559	2.816	2.633	2.908	4.577	100,00%	157,49%
Giá vốn hàng bán	2.433	2.672	2.482	2.679	4.219	92,17%	157,48%
Chi phí tài chính	14	12	22	103	150	3,28%	145,63%
Chi phí hoạt động	112	132	129	126	208	4,55%	165,08%
Chi phí khác	6	2	6	1	8	0,17%	800%
Lợi nhuận trước thuế	549	319	401	303	579	100,00%	191,09%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	549	281	329	263	540	93,26%	205,32%
Lợi nhuận khác	(0,5)	38	72	40	39	6,74%	97,5%
Lợi nhuận sau thuế	425	246	305	256	491	100,00%	191,79%

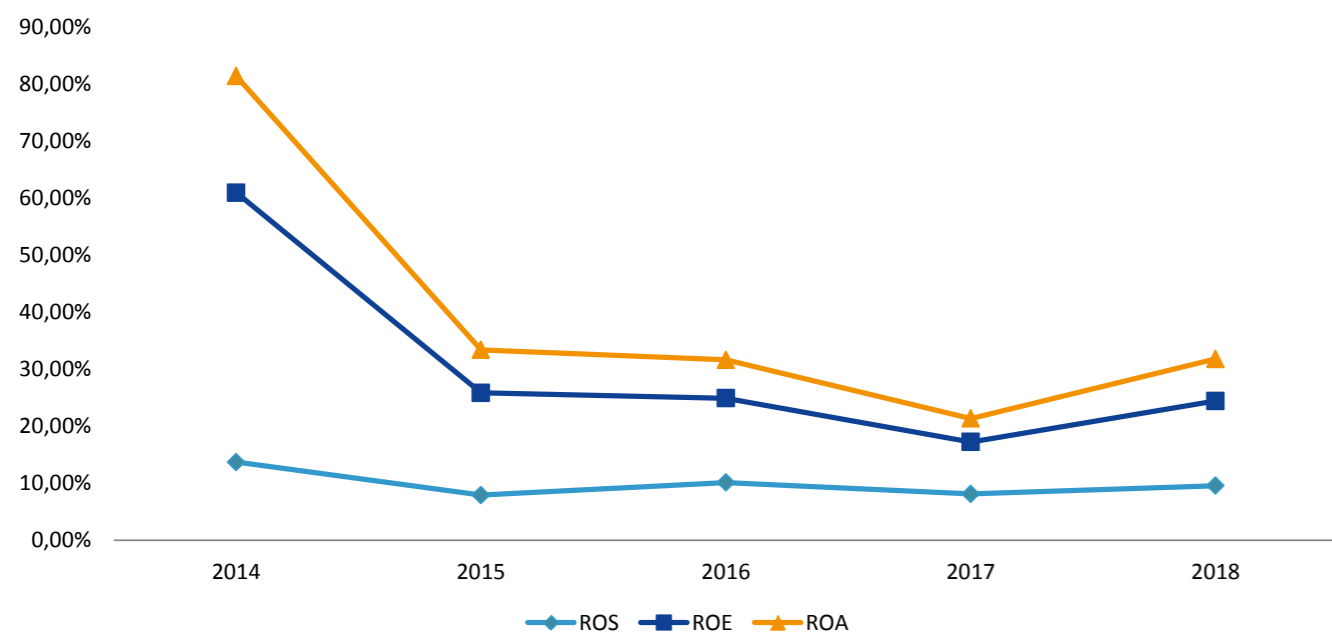
Kết quả kinh doanh



Hiệu quả kinh doanh qua các năm

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	2017	2018	2018/2017
ROS	%	13,70%	7,92%	10,13%	8,11%	9,57%	117,96%
ROE	%	47,18%	17,91%	14,77%	9,11%	14,84%	162,88%
ROA	%	20,44%	7,53%	6,73%	4,12%	7,37%	178,78%
EPS	Đồng	21.064	9.179	3.392	2.336	3.514	58,31%

Hiệu quả kinh doanh



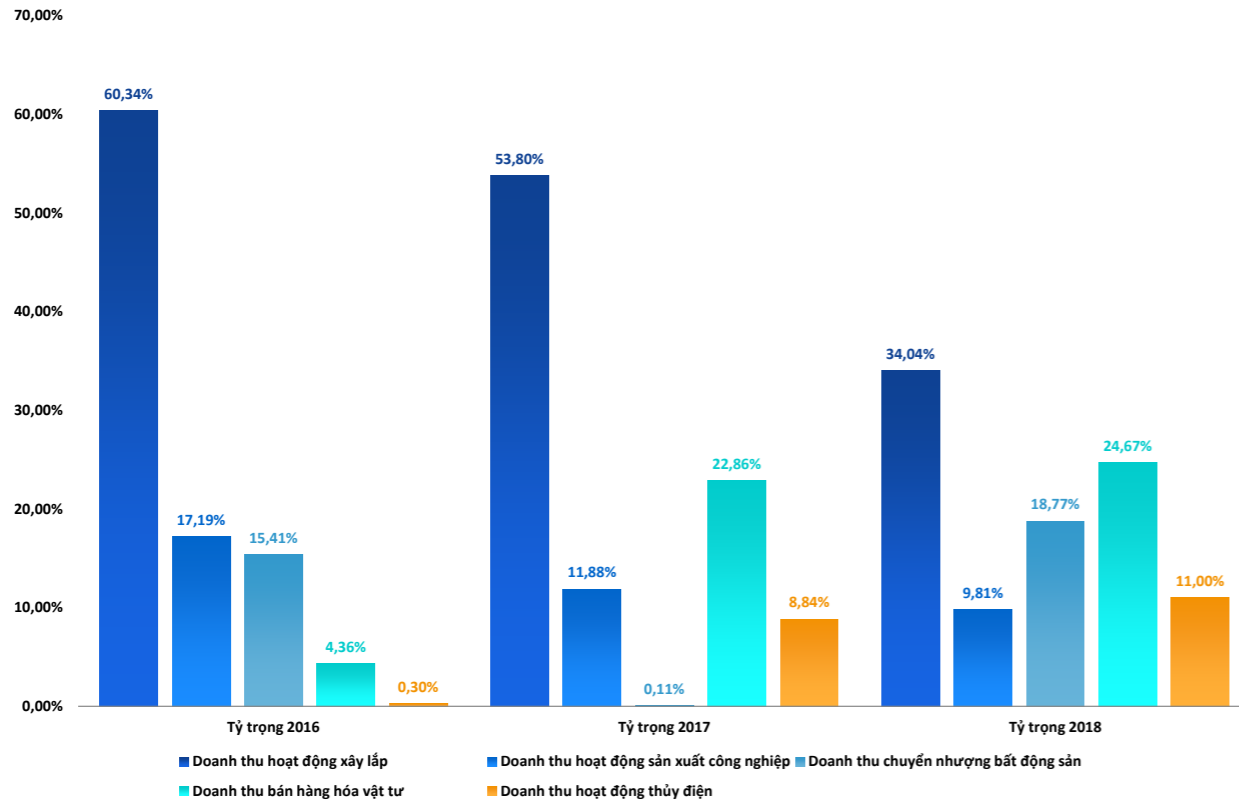
Tình hình kinh doanh theo lĩnh vực hoạt động

Chỉ tiêu	2017	Tỷ trọng	2018	Tỷ trọng	Tăng trưởng (%)
Doanh thu (tỷ đồng)	3.160,56	100%	5.084,42	100%	61%
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.700,44	53,80%	1.730,66	34,04%	2%
Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp	375,63	11,88%	498,87	9,81%	33%
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	3,47	0,11%	954,49	18,77%	27.440%
Doanh thu bán hàng hóa vật tư	722,57	22,86%	1.254,39	24,67%	74%
Doanh thu hoạt động thủy điện	279,40	8,84%	559,42	11,00%	100%
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11,91	0,38%	14,12	0,28%	19%
Doanh thu khác	67,15	2,12%	72,47	1,43%	8%
Giá vốn (tỷ đồng)	2.679,36	100,00%	4.218,67	100,00%	57%
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.467,69	54,78%	1.559,03	36,96%	6%
Giá vốn hoạt động sản xuất công nghiệp	340,77	12,72%	467,24	11,08%	37%
Giá vốn chuyển nhượng BĐS	3,85	0,14%	695,09	16,48%	17941%
Giá vốn hàng hóa, vật tư	697,18	26,02%	1.218,83	28,89%	75%
Giá vốn hoạt động thủy điện	116,88	4,36%	210,24	4,98%	80%
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	4,37	0,16%	6,19	0,15%	42%
Giá vốn khác	48,87	1,82%	62,05	1,47%	27%
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-0,27	-0,01%	0,00	0,00%	-100%
Lãi gộp từ hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)	480,94	100,00%	865,75	100,00%	80,01%
Lãi gộp hoạt động xây lắp	232,75	48,39%	171,63	19,82%	-26,26%
Lãi gộp hoạt động sản xuất công nghiệp	34,85	7,25%	31,63	3,65%	-9,25%
Lãi gộp chuyển nhượng BĐS	-0,39	-0,08%	259,40	29,96%	-
Lãi gộp bán hàng hóa vật tư	25,39	5,28%	35,56	4,11%	40,07%
Lãi gộp hoạt động thủy điện	162,52	33,79%	349,18	40,33%	114,85%
Lãi gộp kinh doanh bất động sản đầu tư	7,54	1,57%	7,93	0,92%	5,22%
Lãi gộp khác	18,28	3,80%	10,42	1,20%	-42,99%

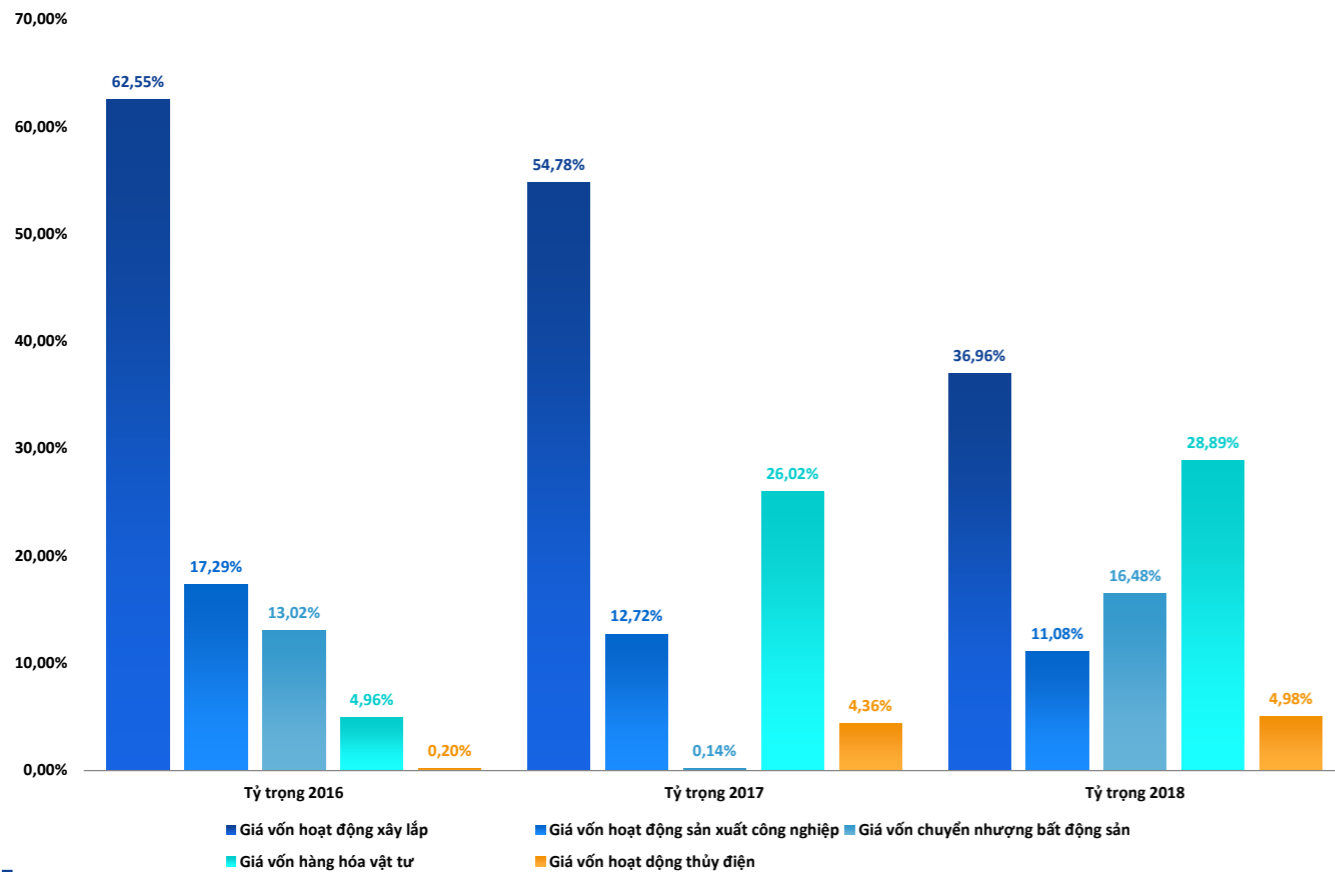


Tình hình kinh doanh theo lĩnh vực hoạt động (tiếp theo)

Tỷ trọng doanh thu theo ngành



Tỷ trọng giá vốn theo ngành



Các hoạt động kinh doanh

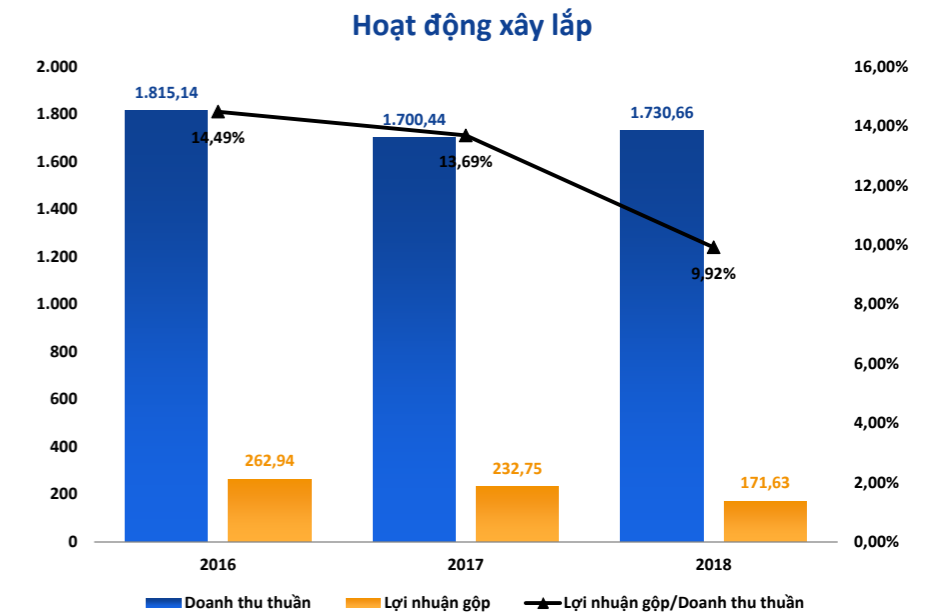
Hoạt động xây lắp

Hoạt động xây lắp	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.815,14	1.700,44	1.730,66	1,78%
Giá vốn	Tỷ đồng	1.552,20	1.467,69	1.559,03	6,22%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	262,94	232,75	171,63	-26,26%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	14,49%	13,69%	9,92%	-27,55%

Năm 2018, hoạt động xây lắp điện của Công ty có nhiều chuyển biến tích cực với tổng giá trị hợp đồng ký mới đạt 3.500 tỷ đồng trong đó có nhiều dự án trọng và ngoài EVN với quy mô lớn (Dự án Bim, dự án Dầu tiếng, Đường dây 500Kv mạch 3....). Kết quả hoạt động xây lắp năm 2018 phần lớn đến từ các Hợp đồng năm 2017 chuyển sang do Hợp đồng ký năm 2018 bắt đầu ghi nhận từ quý 1 năm 2019. Do vậy năm 2018 trong khi Doanh thu đạt 1.730,66 tỷ đồng - tăng 1,78% so với năm 2017, lợi nhuận gộp đạt 171,63 tỷ đồng - giảm 26,26% so với năm 2017. Lợi nhuận gộp giảm chủ yếu đến từ chi phí giá vốn đã tăng 6,15% trong khi Doanh thu chỉ tăng 1,75%.

Nguyên nhân lĩnh vực xây lắp điện tăng trưởng thấp trong 2 năm vừa qua:

+ Quy trình phê duyệt đầu tư dự án bị ảnh hưởng khi Bộ công thương thay đổi mô hình tổ chức;



+ Quyết định 4970/QĐ-BTC quy định về định mức xây dựng công trình điện chưa phù hợp gây khó khăn cho CĐT khi triển khai dự án mới và tác động đến hiệu quả của các nhà thầu xây lắp.

+ Hiện tại đơn giá hợp đồng cải thiện theo hướng tăng do chủ đầu tư, nhà thầu xây lắp nhận thấy bất cập và PCC1

chuyển dịch cơ cấu sang các dự án ngoài EVN, thị trường nước ngoài để giảm thiểu sự tác động trên cũng như cải thiện biên lợi nhuận. Dự kiến doanh thu xây lắp từ EVN chiếm khoảng 40%, doanh thu ngoài EVN chiếm 60%.

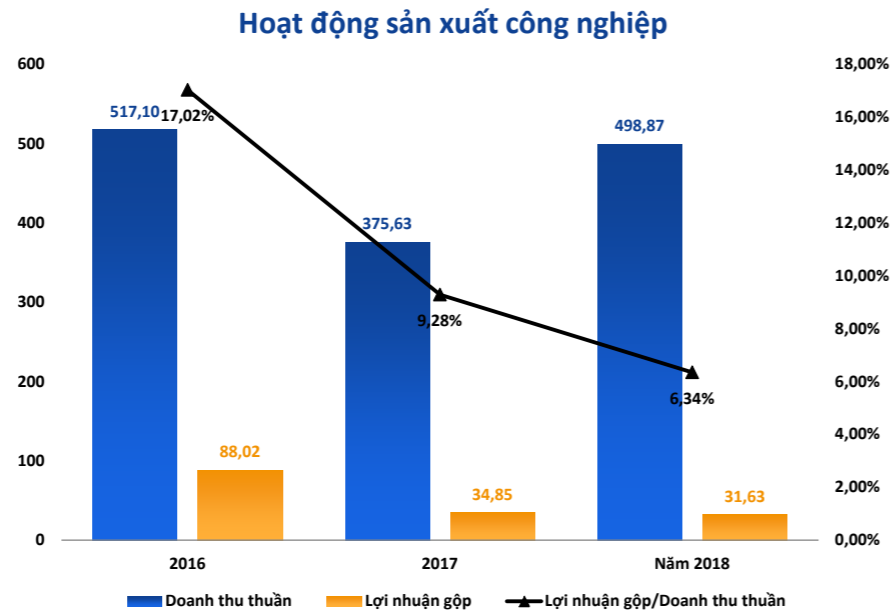
Các hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

Hoạt động sản xuất công nghiệp

Hoạt động sản xuất công nghiệp	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	517,10	375,63	498,87	32,81%
Giá vốn	Tỷ đồng	429,08	340,77	467,24	37,11%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	88,02	34,85	31,63	-9,25%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	17,02%	9,28%	6,34%	-31,67%

Doanh thu sản xuất công nghiệp đạt 498,87 tỷ đồng – tăng 32,81% so với năm 2017, tuy nhiên lợi nhuận gộp chỉ đạt 31,63 tỷ đồng – giảm 9,25% so với năm 2017. Tỷ lệ lợi nhuận gộp/doanh thu thuần của hoạt động sản xuất công nghiệp đạt hơn 6%, giảm so với mức 9,28% của năm 2016.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự sụt giảm lợi nhuận và biên lợi nhuận của mảng này là do các hợp đồng ngoài EVN chưa kịp ghi nhận doanh thu, các hợp đồng trong EVN chịu tác động của việc thay đổi chính sách tương tự như xây lắp.

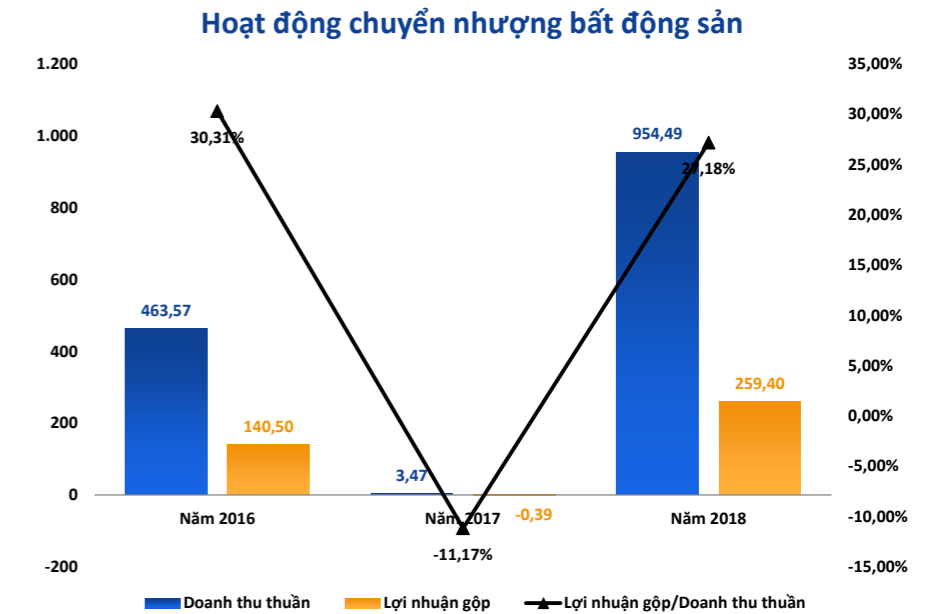


Hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Hoạt động chuyển nhượng BĐS	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	463,57	3,47	954,49	27440,45%
Giá vốn	Tỷ đồng	323,07	3,85	695,09	17940,71%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	140,50	-0,39	259,40	-
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	30,31%	-11,17%	27,18%	-

Doanh thu hoạt động bất động sản của Công ty năm 2018 đạt gần 954 tỷ đồng, tăng đột biến so với năm 2017.

Nguyên nhân là do Năm 2017, các dự án bất động sản của Công ty đều trong giai đoạn triển khai nên doanh thu không đáng kể, năm 2018 công ty mở bán Dự án Mỹ Đình Plaza 02. Lợi nhuận gộp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản đạt 249 tỷ đồng chiếm 29% trong cơ cấu lợi nhuận của công ty trong năm 2018. Hệ số lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần đạt mức cao với 26,12%.



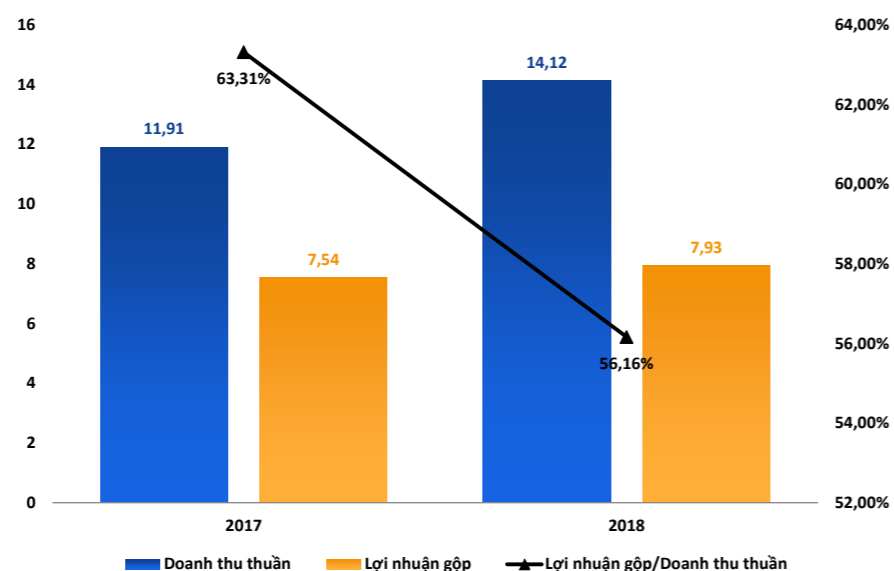
Các hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

Hoạt động cho thuê mặt bằng bất động sản

Hoạt động kinh doanh BĐS	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	11,91	14,12	18,56%
Giá vốn	Tỷ đồng	4,37	6,19	41,65%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	7,54	7,93	5,17%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	63,31%	56,16%	-7,15%

Doanh thu từ hoạt động cho thuê mặt bằng bất động sản tăng 18,56% so với năm 2017 nguyên nhân là do PCC1 đã đưa dự án Mỹ Đình Plaza 02 đi vào hoạt động giúp tăng diện tích mặt sàn thêm 9.000 m2 tuy nhiên doanh thu tăng chậm hơn chi phí do Plaza 02 mới đi vào hoạt động nên độ lấp đầy mặt bằng chưa cao trong khi vẫn phải chịu chi phí tăng thêm từ cả hệ thống tòa nhà. Theo thông tin các hợp đồng cho thuê đã kí, độ lấp đầy của dự án Mỹ Đình Plaza 02 trong năm 2019 đang đạt mức trên 90%, dự báo năm tới mảng hoạt động này sẽ đạt tỷ suất lợi cao nhất.

Hoạt động cho thuê mặt bằng BĐS



Hoạt động cho bán hàng hóa vật tư

Hoạt động bán hàng hóa, vật tư	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	131,29	722,57	1.254,39	73,60%
Giá vốn	Tỷ đồng	122,99	697,18	1.218,83	74,82%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	8,29	25,39	35,56	40,07%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	6,32%	3,51%	2,83%	-19,32%

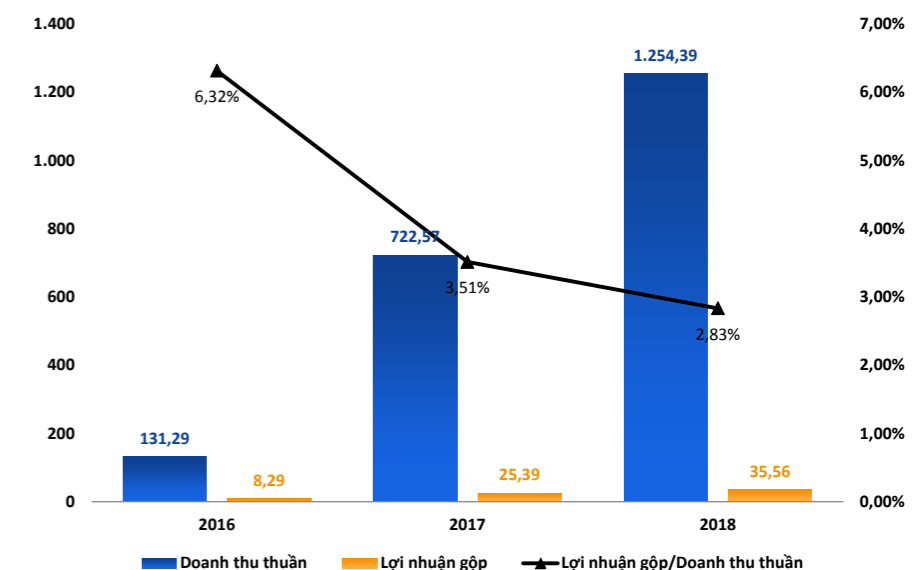
Hoạt động bán hàng hóa, vật tư của Công ty chủ yếu là:

- Chiếm khoảng 40% là bán các vật liệu thiết bị điện phục vụ cho các dự án, công trình trong hoạt động xây lắp điện. Giá trị bán hàng hóa trong hoạt động xây lắp càng tăng sẽ tạo lợi thế cho PC1 được hưởng các mức chiết khấu giảm giá, qua đó hỗ trợ cho hoạt động cốt lõi là xây lắp, đầu tư năng lượng.

- Chiếm khoảng 60% là vật liệu thép liên quan đến các nhà máy sản xuất của PCC1.

Vì vậy, doanh thu của hoạt động này năm 2018 tăng mạnh, đạt 1.254,39 tỷ đồng – tương đương tăng 73,6% so với năm 2017 và đóng góp 24,67% trong

Hoạt động bán hàng hóa vật tư



tổng doanh thu. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp chỉ đạt 35,56 tỷ đồng do đây đơn thuần là hoạt động thương mại nên biên lợi nhuận không cao.

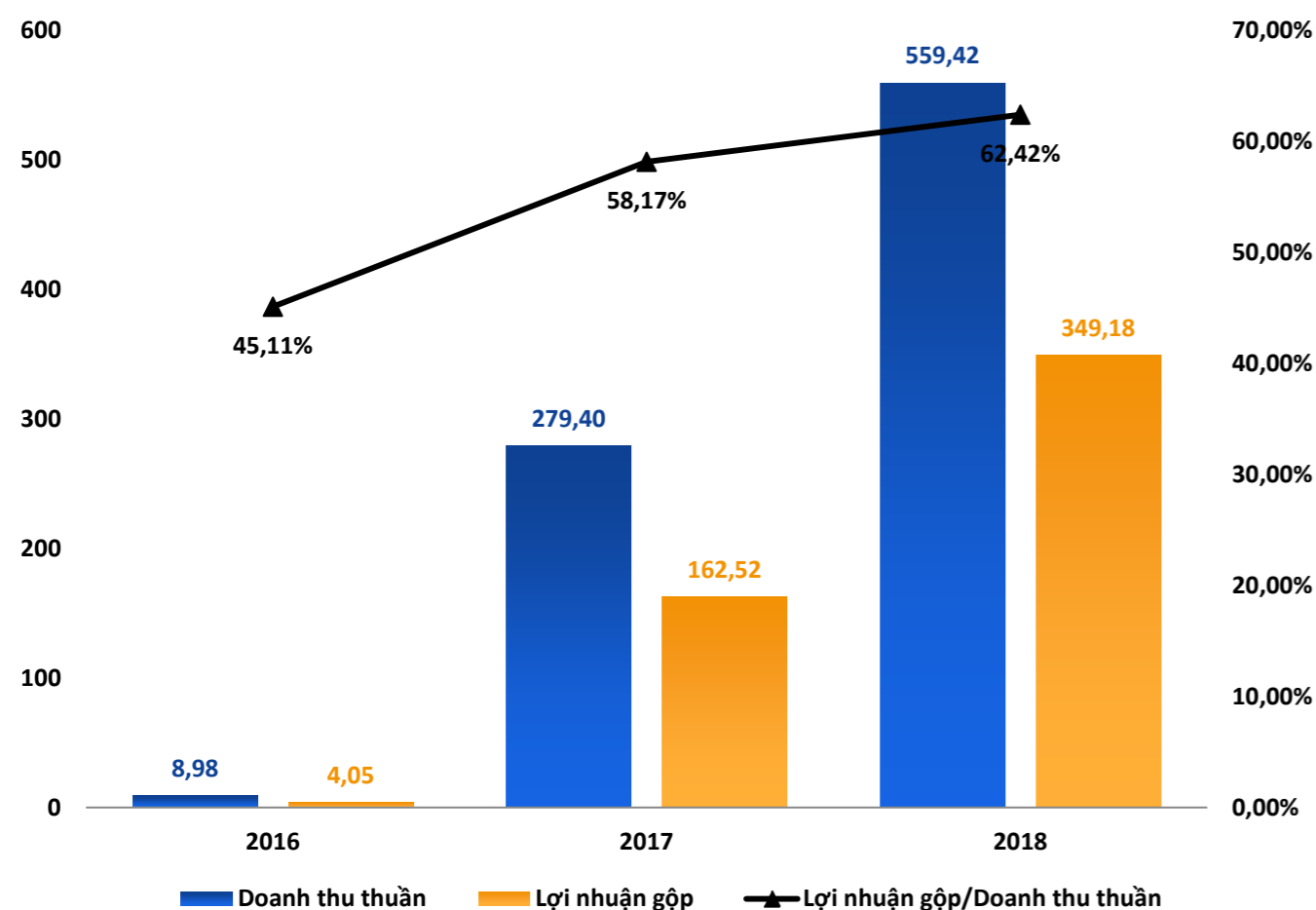


Các hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

Hoạt động thủy điện

Hoạt động thủy điện	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	279,40	559,42	100,22%
Giá vốn	Tỷ đồng	116,88	210,24	79,88%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	162,52	349,18	114,85%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	58,17%	62,42%	7,31%

Hoạt động thủy điện



Hoạt động thủy điện (tiếp theo)

Doanh thu năm 2018 đạt 559,42 tỷ đồng – gấp đôi so với năm 2017, lợi nhuận gộp đạt 349,18 tỷ đồng – tăng 114,89% so với cùng kì dẫn đến tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu tăng 7,31%.

Nguyên nhân doanh thu, lợi nhuận tăng mạnh năm 2018 là do PC1 vận hành thêm 02 nhà máy thủy điện (Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A); đưa số nhà máy đang phát điện của PC1 lên là 4, cụ thể:

- Thủy điện Trung Thu: công suất 30 MW với tổng số vốn đầu tư là 900 tỷ đồng (PCC1 góp 60%) trên địa bàn huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên
- Thủy điện Bảo Lâm 1: công suất 30 MW với tổng số vốn đầu tư là 765,7 tỷ đồng (PCC1 góp 100%) trên địa bàn huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng
- Thủy điện Bảo Lâm 3: công suất 46 MW với tổng số vốn đầu tư là 886,3 tỷ đồng (PCC1 góp 100%) trên địa bàn huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng
- Thủy điện Bảo Lâm 3A: công suất 8 MW với tổng số vốn đầu tư là 291,5 tỷ đồng (PCC1 góp 100%) trên địa bàn huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng

Những dự án thủy điện của PC1 có tỷ suất lợi nhuận cao là do:

- Giá bán điện: các nhà máy thủy điện của PC1 đều được áp dụng biểu giá tránh được cho thủy điện nhỏ với giá bán điện

trung bình ở mức 1.100đ/kWh. Mức giá này cao hơn giá mua hợp đồng (PPA – Power Purchase Agreement) của thủy điện có công suất lớn (trên 30 MW) khoảng 20-30%.

- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Các dự án thủy điện nhỏ được áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm đầu, miễn thuế 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (tương đương thuế suất 5%).

- Chi phí đầu tư thấp, sản lượng điện thương phẩm cao, các nhà máy đều hoạt động hết công suất;

- Nguồn vốn vay lãi suất thấp: 02 dự án thủy điện Trung Thu và Bảo Lâm 1 được vay 1.300 tỷ VND từ chương trình Phát triển năng lượng tái tạo (REDP) của Ngân hàng thế giới. Nguồn vốn này có lãi suất thấp hơn khoảng 3% so với nguồn vốn thương mại, cải thiện đáng kể hiệu quả của 02 dự án này. Mặc dù chương trình REDP đã kết thúc vào 30/06/2018, các dự án đang phát triển mới của PCC1 sẽ phải huy động nguồn vốn thương mại, tuy nhiên PCC1 thường có được lãi suất tốt hơn nhiều so với trung bình của thị trường do là điểm tín dụng tốt; đơn vị uy tín trong việc xây dựng triển khai các dự án điện; hiệu quả của các dự án được duy trì ở mức cao (các dự án thủy điện đều có IRR tối thiểu 13%)



TÌNH HÌNH KINH DOANH CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con

Khối xây lắp

Tên Công ty con	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1- Miền Nam				
Địa chỉ	Cao ốc An Khang, số 28 Đường 19, Khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, Hồ Chí Minh				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Xây lắp điện				
Vốn điều lệ	25.000 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	100,00%				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	123,85	168,60	190,05	168,00
	Doanh thu (tỷ đồng)	355,59	375,87	310,59	246,70
	LNST (tỷ đồng)	14,24	12,16	9,62	3,75

Tên Công ty con	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 – Hà Đông				
Địa chỉ	Thôn Văn La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội.				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Xây lắp điện				
Vốn điều lệ	5.942,87 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	100,00%				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	35,06	56,00	58,62	55,13
	Doanh thu (tỷ đồng)	72,61	77,36	109,16	117,35
	LNST (tỷ đồng)	2,62	1,6	1,91	0,95

Khối xây lắp (tiếp theo)

Tên Công ty con	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 – Mỹ Đình				
Địa chỉ	Số 138 Trần Bình, P. Mỹ Đình 2, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Xây lắp điện				
Vốn điều lệ	10.000 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	100,00%				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	42,68	65,37	102,46	95,85
	Doanh thu (tỷ đồng)	100,74	105,87	145,56	151,72
	LNST (tỷ đồng)	4,00	3,27	3,57	2,25

Tên Công ty con	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 – Hoàng Mai				
Địa chỉ	Số 471, đường Nguyễn Tam Trinh, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hoàng Mai, Hà Nội				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Xây lắp điện				
Vốn điều lệ	5.000 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	100,00%				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	34,12	46,82	58,64	52,65
	Doanh thu (tỷ đồng)	75,55	85,33	81,07	78,62
	LNST (tỷ đồng)	2,73	3,00	1,15	0,77

Khối xây lắp (tiếp theo)

Tên Công ty con	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 – Hà Nội				
Địa chỉ	Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Xây lắp điện				
Vốn điều lệ	5.000 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	100,00%				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	37,43	50,99	45,05	63,67
	Doanh thu (tỷ đồng)	45,52	72,06	41,77	70,48
	LNST (tỷ đồng)	1,3	2,14	1,19	1,54

Khối xây lắp (tiếp theo)

Tên Công ty con	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 – Miền Bắc				
Địa chỉ	Phố Chợ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Xây lắp điện				
Vốn điều lệ	10.236 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	100,00%				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	68,86	82,25	104,17	105,5
	Doanh thu (tỷ đồng)	90,36	126,91	142,39	100,43
	LNST (tỷ đồng)	3,42	4,25	3,02	1,51

Tên Công ty con	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 – Đại Mỗ				
Địa chỉ	Phố Chợ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Xây lắp điện				
Vốn điều lệ	5.000 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	100,00%				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	28,48	38,99	39,31	57,13
	Doanh thu (tỷ đồng)	60,1	89,56	109,64	122,99
	LNST (tỷ đồng)	2,11	2,93	2,2	1,65

Tên Công ty con	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 – Từ Liêm				
Địa chỉ	Tổ 19, P. Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Xây lắp điện				
Vốn điều lệ	10.550 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	100,00%				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	48,15	85,82	93,77	71,93
	Doanh thu (tỷ đồng)	76,72	114,59	111,22	110,38
	LNST (tỷ đồng)	2,63	2,85	1,06	1,00

Khối xây lắp (tiếp theo)

Tên Công ty con	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 – Nàng Hương				
Địa chỉ	Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội.				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Xây lắp điện				
Vốn điều lệ	725,51 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	100,00%				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	3,21	3,26	5,17	6,9
	Doanh thu (tỷ đồng)	8,38	10,84	12,49	14,49
	LNST (tỷ đồng)	(0,01)	(0,48)	0,49	0,58

Khối đầu tư năng lượng

Tên Công ty con	CTCP Thủy điện Trung Thu				
Địa chỉ	Số nhà 157, Tổ dân phố 16 phường Tân Thanh, Điện Biên Phủ				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Sản xuất và kinh doanh điện năng.				
Vốn điều lệ	252.000 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	60%				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	876,47	868,24	819,69	6,9
	Doanh thu (tỷ đồng)	8,98	142,61	153,03	14,49
	LNST (tỷ đồng)	(1,21)	40,13	52,05	0,58

Tên Công ty con	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 – Ninh Bình				
Địa chỉ	Phường Tân Thành, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Xây lắp điện				
Vốn điều lệ	10.000 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	100,00%				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Chỉ tiêu	2017	2018	2017	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	18,11	50,03	5,17	6,9
	Doanh thu (tỷ đồng)	13,47	73,47	12,49	14,49
	LNST (tỷ đồng)	0,22	1,18	0,49	0,58

Tên Công ty con	CTCP Thủy điện Bảo Lâm				
Địa chỉ	Thôn Nà Pồng, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Cao Bằng				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Tư vấn quản lý dự án thủy điện, quản lý sau đầu tư thủy điện.				
Vốn điều lệ	3.670 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	91,83%				
Kết quả HĐKD	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	6,86	9,42	9,56	6,9
	Doanh thu (tỷ đồng)	3,62	17,84	37,95	14,49
	LNST (tỷ đồng)	(0,61)	(0,97)	(0,35)	0,58

Khối đầu tư năng lượng (tiếp theo)

Tên Công ty con	Công ty CP Đầu tư Năng Lượng Miền Bắc				
Địa chỉ	Thôn Nà Pồng, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Cao Bằng				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Sản xuất và kinh doanh điện năng.				
Vốn điều lệ	50.000 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	90,00%				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Chỉ tiêu	2017	2018	2018	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	-	459,89	819,69	6,9
	Doanh thu (tỷ đồng)	142.609	-	153,03	14,49
	LNST (tỷ đồng)	40.133	-	52,05	0,58

Khối kinh doanh bất động sản (tiếp theo)

Tên Công ty con	CTCP Cơ khí Ô tô Hòa Bình				
Địa chỉ	Số 44 Phố Triều Khúc, P.Thanh Xuân Nam, Q.Thanh Xuân, Hà Nội				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Đầu tư dự án bất động sản				
Vốn điều lệ	167.576,2 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	99,34%				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	8,31	156,19	162,07	6,9
	Doanh thu (tỷ đồng)	0,64	0,75	0,85	14,49
	LNST (tỷ đồng)	0,28	-	0,22	0,58

Khối kinh doanh bất động sản

Tên Công ty con	CTCP Địa ốc Mỹ Đình				
Địa chỉ	Thôn Đình Thôn - Mỹ đình 1 - Quận Nam Từ Liêm - Hà nội				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Đầu tư và xây dựng dự án chung cư, văn phòng và Trung tâm thương mại.				
Vốn điều lệ	180.000 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	99,39%				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	103,11	266,95	738,9	487,12
	Doanh thu (tỷ đồng)	-	-	-	956,19
	LNST (tỷ đồng)	(0,88)	(0,08)	-	155,19

Tên Công ty con	Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Tiến Bộ				
Địa chỉ	Số 1, ngõ 321, phố Vĩnh Hưng, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Hà Nội				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Đầu tư, kinh doanh bất động sản; Đầu tư, kinh doanh bất động sản				
Vốn điều lệ	26.000 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	99,77%				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Chỉ tiêu	2017	2018	2018	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	-	23,63	162,07	6,9
	Doanh thu (tỷ đồng)	-	0,15	0,85	14,49
	LNST (tỷ đồng)	-	(1,37)	0,22	0,58

Lợi nhuận đột biến do dự án Mỹ Đình Plaza 02 được mở bán từ năm 2017, bàn giao nhà năm 2018 nên Công ty ghi nhận toàn bộ doanh thu vào năm 2018.

Khối sản xuất công nghiệp

Tên Công ty con	Công ty TNHH chế tạo cột thép Đông Anh				
Địa chỉ	Tổ 23, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan, dịch vụ về mạ; mua bán thép, kẽm, vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép; mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện				
Vốn điều lệ	51.257 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	90,00%				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	266,4	316,3	236,95	403,69
	Doanh thu (tỷ đồng)	601,02	522,67	468,66	634,36
	LNST (tỷ đồng)	35,51	44,16	28,34	25,69

Tên Công ty con	CTCP Lắp máy Công nghiệp Việt Nam				
Địa chỉ	Số 138 Trần Bình, P Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội				
Lĩnh vực kinh doanh chính	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện				
Vốn điều lệ	5.000 triệu đồng				
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	51%				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	7,86	14,36	19,96	20,42
	Doanh thu (tỷ đồng)	6,43	23,32	32,95	33,41
	LNST (tỷ đồng)	0,34	0,93	1,32	1,11

Công ty liên kết

Tên Công ty liên kết	CTCP Khoáng sản Tấn Phát
Địa chỉ	Khách sạn Tây Giang, Tổ 22, P. Sông Bằng, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Lĩnh vực kinh doanh chính	Thăm dò, khai thác khoáng sản
Vốn điều lệ	110.334 triệu đồng
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	33,92%

Tên Công ty liên kết	CTCP Gang thép Cao Bằng
Địa chỉ	Số 52, Phố Kim Đồng - Phường Hợp Giang - TP. Cao Bằng
Lĩnh vực kinh doanh chính	Khai thác quặng sắt
Vốn điều lệ	430.063 triệu đồng
Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ	25,09%

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Nhìn chung, các chỉ số tài chính của PC1 có sự cải thiện đáng kể trong năm 2018 do sự đóng góp của lĩnh vực thủy điện và bất động sản

Tăng trưởng

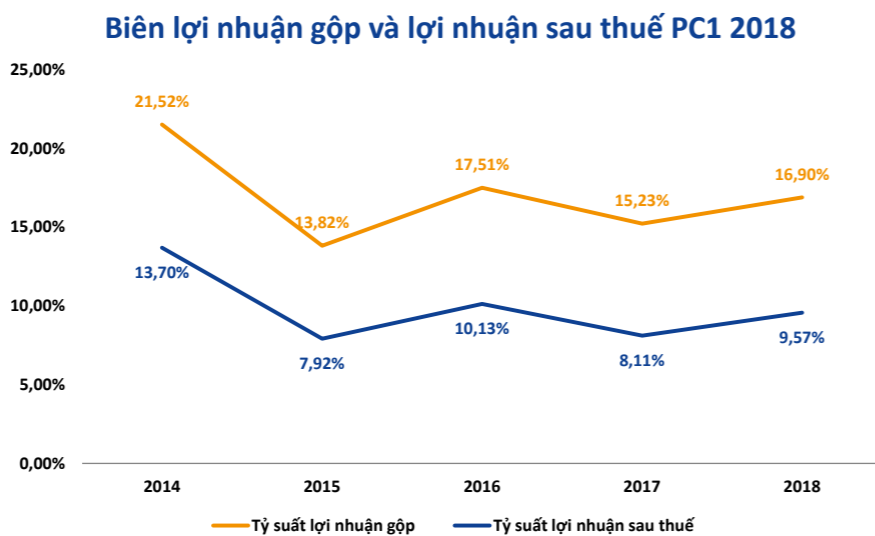
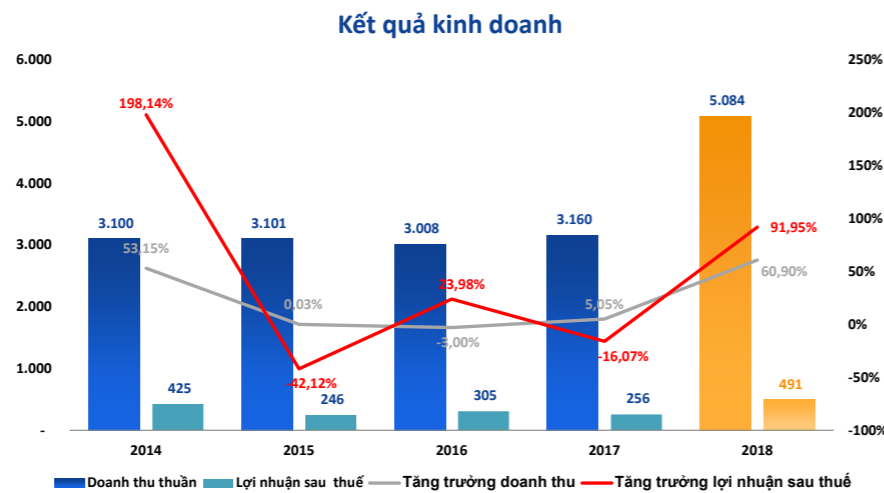
Trong năm 2018, PC1 đạt 5.085 tỷ doanh thu và 486 tỷ lợi nhuận sau thuế, tương ứng mức tăng lần lượt 61% và 90% do (1) ghi nhận 954 tỷ doanh thu từ dự án Mỹ Đình Plaza 2 và (2) doanh thu từ thủy điện đạt 559 tỷ, tăng gấp đôi so với 2017 do nhà máy thủy điện Bảo Lâm 3 (46MW) và Bảo Lâm 3A (8MW) phát điện thương mại từ đầu năm.

Lợi nhuận sau thuế của PC1 có sự biến động lớn qua các năm do tính chất không liên tục của lĩnh vực bất động sản.

Khả năng sinh lời

Trong năm 2018, biên lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế của PC1 có sự cải thiện khoảng 1,6 điểm phần trăm do sự đóng góp của lĩnh vực thủy điện và bất động sản, đây là 02 lĩnh vực có khả năng sinh lời cao hơn so với xây lắp điện và sản xuất công nghiệp.

Trong quá khứ, các chỉ số này cao hơn ở các năm 2014, 2016, đây cũng là thời gian ghi nhận doanh thu và lợi nhuận bất động sản của PC1.



Khả năng hoạt động

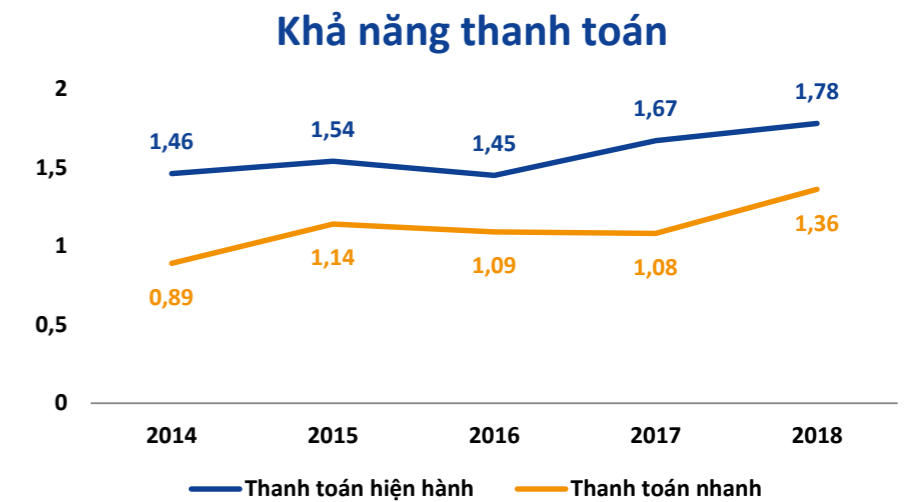
Số ngày chuyển đổi tiền mặt của PC1 giảm từ 89 ngày trong năm 2017 xuống chỉ còn 44 ngày do việc ghi nhận doanh thu và lợi nhuận dự án bất động sản cùng với gia tăng tỷ trọng doanh thu từ đầu tư thủy điện trong năm 2018.

Cả hai lĩnh vực này đều có chung đặc thù là khoản phải thu thấp, thêm nữa việc ghi nhận dự án bất động sản giúp giảm đáng kể hàng tồn kho của PC1. Do đó, trong năm 2018, số ngày phải thu của PC1 giảm từ 141 ngày xuống còn 105 ngày, số ngày tồn kho giảm từ 93 ngày xuống 66 ngày.



Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán của PC1 ở mức an toàn với chỉ số thanh toán hiện hành và chỉ số thanh toán nhanh thường ở mức trên 1 trong nhiều năm gần đây và có xu hướng cải thiện rõ ràng, nghĩa là tài sản ngắn hạn của PC1 đủ khả năng trả các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp.



Cơ cấu tài sản, nguồn vốn

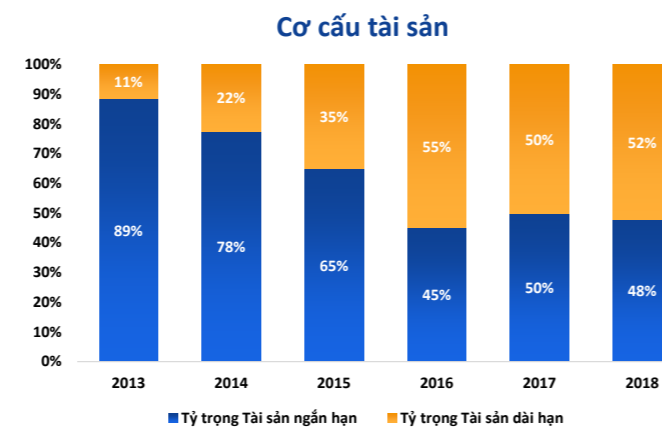
Cơ cấu tài sản

TÀI SẢN	ĐVT	Năm 2018	Tỷ trọng
TÀI SẢN NGẮN HẠN	Đồng	3.150.022.692.977	100,00%
Tiền và các khoản tương đương tiền	Đồng	701.280.173.355	22,26%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	Đồng	90.000.000	0,003%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Đồng	1.551.785.450.653	49,26%
Hàng tồn kho	Đồng	759.475.370.567	24,11%
Tài sản ngắn hạn khác	Đồng	47.481.697.429	1,51%
TÀI SẢN DÀI HẠN	Đồng	3.446.883.370.866	100,00%
Các khoản phải thu dài hạn	Đồng	8.295.573.500	0,24%
Tài sản cố định	Đồng	2.530.560.673.102	73,42%
Bất động sản đầu tư	Đồng	170.668.306.680	4,95%
Tài sản dở dang dài hạn	Đồng	442.210.474.227	12,97%
Đầu tư tài chính dài hạn	Đồng	96.856.179.877	2,81%
Tài sản dài hạn khác	Đồng	198.292.163.480	5,75%

Các khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn với gần 51% tiếp theo lần lượt là hàng tồn kho 24,11%; tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 22,26%, các khoản mục khác không có hoặc chiếm tỷ trọng không đáng kể.

- Về hàng tồn kho công ty thường thực hiện các dự án xây lắp điện từ năm này qua năm khác, dự án này gối đầu dự án kia hoặc thực hiện cùng lúc nhiều dự án nên công ty luôn có hàng tồn kho ở nhiều thời điểm trong năm với tỷ trọng trên tổng tài sản ngắn hạn lớn.

- Trong cơ cấu tài sản dài hạn, tài sản cố định chiếm tỷ trọng vượt trội với 73,42% chủ yếu là tài sản tại các nhà máy thủy điện. Khoản mục tài sản dở dang dài hạn cũng chiếm một tỷ trọng tương đối cao 12,97%, phần lớn là các dự án thủy điện

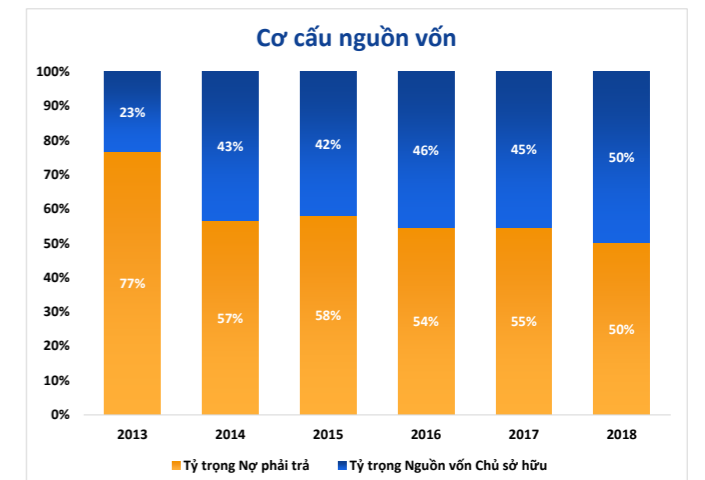


đang trong giai đoạn đầu tư. Còn lại là các khoản mục chiếm tỷ trọng nhỏ như bất động sản đầu tư 4,95%, đầu tư tài chính dài hạn 2,81% và tài sản dài hạn khác 5,75%.

Cơ cấu nguồn vốn

NGUỒN VỐN	ĐVT	Năm 2018	Tỷ trọng
NỢ PHẢI TRẢ	Đồng	3.317.677.404.756	
Nợ ngắn hạn	Đồng	1.740.964.808.403	100,00%
Phải trả người bán ngắn hạn	Đồng	758.370.202.543	43,56%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Đồng	155.330.934.911	8,92%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Đồng	83.657.579.847	4,81%
Phải trả người lao động	Đồng	42.775.331.704	2,46%
Chi phí phải trả ngắn hạn	Đồng	139.453.399.280	8,01%
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	Đồng	261.124.118	0,01%
Phải trả ngắn hạn khác	Đồng	55.248.101.261	3,17%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Đồng	415.790.185.025	23,88%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	Đồng	12.885.406.401	0,74%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	77.192.543.313	4,43%
Nợ dài hạn	Đồng	1.576.712.596.353	100,00%
Phải trả dài hạn khác	Đồng	1.048.203.506	0,07%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Đồng	1.553.956.591.681	98,56%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Đồng	11.613.705.190	0,74%
Dự phòng phải trả dài hạn	Đồng	10.094.095.976	0,64%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	Đồng	3.279.228.658.114	

Nợ vay của PC1 đạt khoảng 2.000 tỷ, tỷ lệ nợ vay tính lãi/vốn chủ sở hữu ở mức khá an toàn (60%). Tuy nhiên, nợ vay dài hạn chiếm 75% tổng nợ vay tính lãi, chủ yếu là các khoản vay để đầu tư thủy điện, có thời hạn trên 10 năm. Trong trường hợp lãi suất tăng cao trong thời gian tới, kết quả kinh doanh của PC1 có thể chịu ảnh hưởng tiêu cực.



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Ông Trịnh Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	23.441.482	17.66%
Ông Nguyễn Minh Đệ	Phó Tổng Giám đốc	1.717.960	1.29%
Ông Vũ Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc	308.424	0.23%
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc	2.472.063	1.86%
Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc	4.291.001	3.23%
Ông Đặng Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	233.796	0.18%
Ông Vũ Ánh Dương	Phó Tổng Giám đốc	71.065	0,054%

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2018

Năm 2018, công ty đã đạt doanh thu 5.082 tỷ đồng doanh thu, tăng 60,9% so với 2017. Biên lợi nhuận gộp hợp nhất tăng 1,7% so với 2017, đạt 16,9% giúp lợi nhuận gộp thu về tăng gấp 1,79 lần 2017.

Dù chi phí bán hàng, quản lý và chi phí tài chính tăng nhưng sự bứt phá của lợi nhuận gộp vẫn giúp PC1 đạt 579 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế (LNST), tăng 89% so với 2017. Lợi nhuận sau thuế (LNST) cổ đông công ty mẹ đạt 461,8 tỷ đồng, thu nhập mỗi cổ phần đạt (EPS) đạt 3.524 đồng/cp.

Với kết quả này, dù mới hoàn thành 90,1% kế hoạch doanh thu, PC1 đã vượt 6,82% kế hoạch lợi nhuận năm. Việc lợi nhuận của PC1 tăng trưởng trong năm qua có sự đóng góp quan trọng đến từ mảng kinh doanh Bất động sản và thủy điện. Trong khi mảng bất động sản đem về 954,5 tỷ đồng doanh thu, đột biến so với chỉ 3,4 tỷ đồng trong năm 2017 thì

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH 2018	TH 2018/ KH 2018
Doanh thu thuần	Tỷ Đồng	5.643,46	5.084,42	90,09%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đồng	458,745	461,8	102%
Cổ tức	Tỷ Đồng	15%	15%	100.00%

doanh thu mảng thủy điện cũng tăng gấp đôi, đạt 559,4 tỷ đồng.

Kinh doanh bất động sản và thủy điện hiện cũng là 2 mảng có biên lợi nhuận tốt nhất của PC1, lần lượt đạt 26,1% và 62,4% trong 2018, giúp biên lợi nhuận gộp hợp nhất tăng 1,7%.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Cải tiến trong cơ cấu tổ chức

- Công ty đã ban hành chiến lược điều chỉnh giai đoạn 2018 – 2022 trong đó xác định các mục tiêu chi tiết và các kế hoạch triển khai cụ thể cho từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh và đầu tư. Trên cơ sở chiến lược công ty mẹ, các đơn vị thành viên khối Xây lắp điện đã tiến hành xây dựng kế hoạch phát triển giai đoạn 2018 – 2020 của từng đơn vị.

- Thực hiện các điều chỉnh về sơ đồ tổ chức, sắp xếp lại các phòng chuyên môn và phân công chức năng nhiệm vụ hợp lý tại văn phòng công ty mẹ.

- Điều chỉnh sơ đồ quản lý, thành lập mới phòng quản lý EPC đúng thời điểm, khắc phục được tình trạng quá tải trong công tác đấu thầu, đồng thời phát triển hiệu quả thị trường xây lắp ngoài ngành, lợi thế các hợp đồng EPC, tăng qui mô xây lắp trong dài hạn.

Tổng thầu EPC, PC ngoài ngành và kinh doanh thương mại

- Thiết lập mới sơ đồ tổ chức của phòng quản lý EPC, tự tin, nỗ lực thực hiện mục tiêu kế hoạch, đổi mới, chuyên nghiệp và hiệu quả.

- Chủ động nghiên cứu thị trường, phân tích các yếu tố liên quan, đưa ra các phương án tiếp cận thị trường phù hợp.

- Công tác mua hàng: Thúc đẩy sơ đồ quan hệ chiến lược với các hãng sản xuất thiết bị trong nước và ngoài nước cung cấp các sản phẩm thiết bị và vật tư mục tiêu. Thực hiện phương án chào giá cạnh tranh nội bộ đi kèm với các chế tài làm tăng tính hiệu lực và hiệu quả của công tác lựa chọn nhà thầu phụ.

Cải tiến trong cơ cấu lao động

- Tuyển dụng bổ sung 33 nhân sự cấp chuyên viên và nhân viên. Tổ chức các khóa học đào tạo về quản lý dự án, quản trị rủi ro, hệ thống lương 3P, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng soạn thảo văn bản...

Cải tiến về chính sách

- Tích cực hoàn thiện quy chế lương mới theo hướng tạo động lực làm việc

Cải tiến về công tác quản lý

- Tích cực hoàn thiện quy chế lương mới theo hướng tạo động lực làm việc

- Công tác đấu thầu và ký kết hợp đồng: Chủ động tiếp cận và đưa ra các giải pháp ưu việt đồng bộ đối với mỗi dự án. Chủ động kiểm soát được yêu cầu kỹ thuật và quản lý rủi ro. Thương thảo và hợp tác hiệu quả với các nhà sản xuất, nhà thầu phụ, đơn vị thi công. Phát huy lợi thế thương hiệu của PCC1 và sáng tạo nâng cao sự khác biệt tạo lợi thế cạnh tranh.

- Công tác thực hiện hợp đồng: Được triển khai chủ động, tổng thể và cải tiến. Kiểm soát chi phí và hạn chế phát sinh. Tiến độ, chất lượng và an toàn lao động được cam kết và kiểm soát.



Kết quả trong lãnh đạo, điều hành

Năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã luôn sát sao trong công tác lãnh đạo điều hành cùng với sự nỗ lực cố gắng và năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các phòng, ban Công ty mẹ và các đơn vị thành viên thực hiện các giải pháp khắc phục khó khăn, tiếp tục giữ vững vị thế số 1 tại Việt Nam. Một số kết quả chính là:

- Bám sát mục tiêu chiến lược công ty 2018 – 2020, xây dựng cụ thể các mục tiêu cụ thể cho năm 2018, điều chỉnh chiến

lược giai đoạn 2019 – 2020.

- Chỉ đạo công tác kế hoạch, phát triển thị trường, mở rộng đối tượng khách hàng theo mục tiêu chiến lược.

- Đáp ứng nguồn lực và đầu tư thành công các dự án nhà máy thủy điện, dự án bất động sản.

- Tăng cường hợp tác, học tập các đối tác trong và ngoài nước với tiêu chí Hội nhập, Tin cậy, Phát triển.

Công tác Tổ chức và Quản lý

Công ty đã triển khai rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển 2019-2020, xây dựng mục tiêu cụ thể theo từng lĩnh vực kinh doanh và làm căn cứ cho việc xây dựng các kế hoạch, mục tiêu năm 2019 và những năm tiếp theo.

- Thực hiện các điều chỉnh về sơ đồ tổ chức, sắp xếp lại các phòng chuyên môn và phân công chức năng nhiệm vụ hợp lý tại văn phòng công ty mẹ.

- Tiền lương, bảo hiểm: Tiền lương và thu nhập ổn định, kịp

thời. Tích cực hoàn thiện quy chế lương mới theo hướng tạo động lực làm việc; Triển khai các quy định về quản lý nội bộ.

- Công tác đảng và đoàn thể được thực hiện tốt. Tổ chức thành công hội thao và hội thi tiếng hát PCC1 2018 và khơi dậy sự đoàn kết, gắn bó, cổ vũ tinh thần tạo động lực cho CBCNV toàn Công ty.

- Thực hiện công tác truyền thông, thông tin nội bộ.

Công tác kế hoạch và thị trường

Công tác nghiên cứu phát triển thị trường

- Phân tích kế hoạch đầu tư lưới điện năm 2018 và giai đoạn 2018 – 2020 của EVN làm cơ sở để xây dựng kế hoạch và định vị thị trường.

- Tổng hợp số liệu và phân tích thị trường các dự án đấu nối nhà máy điện mặt trời giúp chủ động trong việc tiếp cận và tham gia thị trường mới thuận lợi.

Công tác kế hoạch và đấu thầu

- Vượt lên điều kiện thị trường khó khăn, cải thiện tích cực kết quả hoạt động xây lắp, đặc biệt trong 6 tháng cuối năm công ty đã trúng thầu nhiều gói thầu EPC, PC, xây lắp, SXCN

- Thực hiện điều chỉnh phân giao thị trường, tăng hiệu quả đấu thầu của các đơn vị thành viên

- Công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch và báo cáo: Tham gia xây dựng chiến lược của khối XLĐ và SXCN làm cơ sở thực

hiện các kế hoạch dài hạn của Công ty. Hệ thống biểu mẫu phục vụ công tác kế hoạch và báo cáo được cải tiến thường xuyên đảm bảo cung cấp số liệu chính xác, kịp thời hỗ trợ đắc lực cho quá trình ra quyết định của lãnh đạo Công ty và các đơn vị thành viên.

- Hoạt động quản lý hợp đồng thanh quyết toán với chủ đầu tư luôn chủ động và cải tiến. Sự phối hợp nhịp nhàng với các BCH công trường, phòng KTCN và các phòng ban đơn vị liên quan thúc đẩy công tác thanh quyết toán thu hồi vốn đạt kết quả tốt.

- Thanh quyết toán nội bộ: việc lập phương án chi phí cho dự án hỗ trợ tốt cho quá trình ký hợp đồng, phân giao cho các đơn vị nội bộ và B phụ cũng như kiểm soát chi phí dự án. Công tác thanh quyết toán nội bộ và với B phụ được thực hiện kịp thời giúp các đơn vị chủ động sản xuất và thi công.

Công tác tài chính kế toán

- Quản lý dòng tiền hiệu quả.

- Công tác tài chính: Lập và cập nhật kịp thời kế hoạch tài chính ngắn, trung và dài hạn. Tiếp tục mở rộng mối quan hệ với các ngân hàng trong nước và ngân hàng nước ngoài để có chính sách ưu đãi cạnh tranh. Dòng tiền được quản lý hiệu quả đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư trên cơ sở tối ưu về chi phí tài chính. Hoàn thành tăng vốn đúng kế hoạch. Hỗ trợ các đơn vị thành viên trong việc tiếp cận và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn.

- Chủ động tham mưu kịp thời và hiệu quả cho lãnh đạo trong công tác tài chính và quản lý chi phí.

- Công tác kế toán: Tổng hợp số liệu phục vụ công tác quản trị kịp thời. Hoàn thành ban hành quy chế chi tiêu nội bộ. Đảm bảo hạch toán kế toán, báo cáo tài chính chính xác và kịp thời. Thực hiện tốt công tác thanh tra thuế, hoàn thuế, kiểm kê, kiểm toán.

- Công tác thu hồi vốn đạt kết quả cao giúp chủ động tài chính và tăng hiệu quả kinh doanh. thành

Công tác kỹ thuật công nghệ

- Công tác quản lý điều hành dự án: Đảm bảo tiến độ, chất lượng và ATVSLĐ trên các công trường. Hoàn thành đóng điện 22 dự án, bàn giao quyết toán 14 dự án tại công ty mẹ.

- Các BCHCT từng bước nâng cao tính chủ động trong công tác điều hành, xử lý hiện trường. Năng lực quản lý điều hành của các đơn vị thành viên được cải thiện, có 7/9 ĐVTV được giao điều hành các gói thầu từ công ty mẹ.

- Nghiên cứu công nghệ: Triển khai xây dựng phần mềm quản

lý dự án, chạy thử cuối quý 4/2018 và dự kiến áp dụng đầu quý 2/2019. Tiến hành thử nghiệm Robot kéo cáp ngầm và thử nghiệm thành công hệ thống tracking cho pin năng lượng mặt trời.

- Công tác ATVSLĐ và đào tạo: Phòng KTCN đã duy trì và thúc đẩy liên tục công tác giám sát, đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện ATVSLĐ. Không có vụ tai nạn nghiêm trọng nào xảy ra trong năm.

Công tác mua sắm quản lý vật tư – xuất nhập khẩu

- Đảm bảo việc cung ứng vật tư cho các công trình xây lắp, sản xuất công nghiệp đảm bảo đúng, đủ, kịp thời.

- Cơ sở dữ liệu nhà cung cấp được cập nhật và chia sẻ trong hệ thống PCC1 giúp tăng hiệu quả mua sắm của các đơn vị thành viên. Phần mềm quản lý vật tư bước đầu phát huy hiệu quả trong quản lý.

- Công tác phân tích, Dự báo thị trường VTTB được thực hiện thường xuyên. Độ chính xác của Dự báo đạt cao làm Cơ sở cho các giải pháp mua sắm Dự phòng.

- Công tác quản lý hợp đồng mua bán với đối tác trong nước và nước ngoài được thực hiện tốt, cung cấp vật tư Thiết bị đảm bảo chất lượng và kịp thời cho các đơn vị sản xuất và thi công. các hợp đồng nhập khẩu được thực hiện nhanh và chính xác đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thủ tục và tận dụng tối đa các ưu đãi về thuế.

- Công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn: Đã có bước cải thiện về tiến độ hoàn thành và giải quyết các tồn tại vướng mắc.

Kết quả trong lãnh đạo, điều hành (tiếp theo)

Công tác Quản trị Tổng hợp

- Công tác ISO: chủ trì thực hiện đánh giá nội bộ 8 đơn vị thành viên khối XLD và văn phòng Công ty. Hỗ trợ các phòng ban bổ sung, cải tiến, hoàn thiện hệ thống quy trình ISO và xây dựng các quy chế quy định của Công ty.

- Thực hiện kiểm tra nội bộ 4 công ty con về quản lý và kiểm tra quyết toán 9 gói thầu dự án PCC1 Mỹ Đình Plaza 2. Góp phần hoàn thiện quản lý Công ty, quản lý đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả.

- Công tác quản trị rủi ro: Tổ chức đào tạo nhận thức về quản trị rủi ro tới các cấp lãnh đạo và quản lý công ty mẹ và đơn vị

thành viên. Thực hiện sửa đổi quy chế quy trình quản trị rủi ro. Ban hành quy trình xem xét và ký kết hợp đồng góp phần kiểm soát các rủi ro trọng yếu.

- Công tác pháp chế: Tiến hành rà soát các tài liệu pháp chế của Công ty. Cập nhật phổ biến các văn bản pháp luật. Thực hiện hoạt động tư vấn pháp lý.

- Duy trì quan hệ với nhà đầu tư, các cổ đông thông qua các kênh khác nhau. Thực hiện việc công bố thông tin đảm bảo chính xác, kịp thời theo đúng quy định.

Khối xây lắp và lắp máy

. Công tác chiến lược: đã hoàn thành xây dựng chiến lược khối XLD giai đoạn 2018 – 2022, kế hoạch phát triển các đơn vị thành viên giai đoạn 2018-2020. Các chỉ tiêu được phân bổ cụ thể tới từng phòng và từng đơn vị. Kết quả thực hiện các mục tiêu chiến lược 2018 có nhiều tích cực tạo động lực và dẫn hướng cho những năm tiếp theo.

- Công tác thị trường về xây lắp: có nhiều sáng tạo và đưa ra nhiều giải pháp tiếp cận thị trường mới và sản phẩm mới phù hợp. Tổng giá trị hợp đồng ký năm 2018 cao nhất từ trước tới nay trong đó tỷ trọng hợp đồng tổng thầu EPC, PC chiếm tỷ trọng cao. Đối với thị trường các nhà máy điện tái tạo, công ty đã ký 2 hợp đồng EPC đấu nối 220kV lớn nhất và thời gian thực hiện ngắn nhất trong các dự án năng lượng tái

tạo giai đoạn hiện nay.

- Công tác quản lý điều hành: Năng lực quản lý tại các đơn vị thành viên được cải thiện rõ rệt. Hệ thống quản lý thống nhất từ Công ty mẹ xuống các đơn vị thành viên.

- Bước đầu xây dựng mối quan hệ chiến lược với các hãng sản xuất, nhà cung cấp thiết bị lớn, thương hiệu mạnh trong và ngoài nước.

- Năng lực đấu thầu của các công ty thành viên được nâng cao và đạt kết quả tích cực tại một số đơn vị. Tổng giá trị hợp đồng tự tìm kiếm chuyển tiếp của các công ty con sang 2019 lớn nhất từ trước đến nay.

Khối sản xuất công nghiệp

- Khối SXCN đã tích cực trong công tác xây dựng chiến lược khối giai đoạn 2018 – 2022. Quá trình thực hiện luôn bám sát các mục tiêu chiến lược đã ban hành. Kết quả thực hiện các mục tiêu chiến lược năm 2018 đạt được nhiều tín hiệu tích cực tạo tiền đề mạnh mẽ cho năm 2019 và các năm về sau.

- Nghiên cứu, chuyển giao thiết kế và sản xuất sản phẩm mới bổ sung năng lực cung cấp và tạo cơ hội phát triển doanh thu

và lợi nhuận. Dây chuyền sản xuất hiện hữu tại DAST và nhà máy Yên thường được nâng cấp cải tiến liên tục.

- Phát huy lợi thế quy mô, chất lượng sản phẩm và độ tin cậy của khách hàng để tiếp tục mở rộng thị phần đối với thị trường truyền thống và các thị trường mới.

- Phối hợp tốt trong hệ thống thực hiện hiệu quả các hợp đồng tổng thầu EPC, PC.

Khối tư vấn - Dịch vụ

Tư vấn thiết kế công trình điện

- Từng bước nâng cao năng lực thiết kế, xây dựng uy tín và độ tin cậy với các chủ đầu tư trong ngành điện.

Quản lý vận hành và cung cấp dịch vụ dự án bất động sản

- Duy trì quản lý và cung cấp dịch vụ các dự án theo mục tiêu dài hạn.

Thực hiện hợp tác và liên danh, liên kết

- Hợp tác thành công và chuyển giao thiết kế, công nghệ sản xuất cột thanh cái ống từ đối tác AG-Ajikawa Nhật Bản.

- Xúc tiến hợp tác, bước đầu đạt được một số kết quả với các nhà sản xuất thiết bị điện thương hiệu quốc tế, theo sát mục tiêu phát triển của công ty.

- Đã và đang hợp tác thành công với các đối tác nước ngoài trong lĩnh vực cung cấp và chuyển giao các thiết bị sản xuất, thi công và thiết bị cho các nhà máy do PC1 đầu tư.

Đầu tư kinh doanh bất động sản

Xây dựng chiến lược cụ thể, xác định rõ ràng được các mục tiêu. Nỗ lực tập trung thực hiện và hoàn thành các mục tiêu chính.

- Dự án Mỹ Đình Plaza 2: bàn giao đưa vào sử dụng đúng hạn vào tháng 5/2018.

- Công tác bán hàng và chăm sóc khách hàng: xây dựng các chính sách, thực hiện các chương trình bán hàng hiệu quả. Dự án Mỹ Đình Plaza 2 đến 31/12/2018 đã bán 98% tổng số căn hộ dự án. Hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho khoảng 80% số căn hộ. Được thị trường đón nhận và đánh giá cao. Kết quả doanh thu và lợi nhuận hoàn thành kế hoạch năm.

- Công tác phát triển dự án:

+ Dự án PCC1 Vĩnh Hưng: Hoàn thành công tác khoan khảo sát địa chất phục vụ thiết kế.

+ Dự án PCC1 Thanh Xuân: hoàn thành 98,6% kế hoạch năm 2018.

- Dự án PCC1 Thăng Long đang triển khai giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

- Phối hợp với Ban QLDA Bất động sản trong công tác bảo hành, bảo trì dự án.

- Khai thác tài sản, mặt bằng của Công ty tại các dự án.

- Nâng cao kinh nghiệm quản lý, cung cấp dịch vụ tòa nhà.

Đầu tư năng lượng

- Hoàn thành xây dựng các mục tiêu chiến lược định lượng, thách thức và thực tế. Kết quả thực hiện các mục tiêu năm 2018 hoàn thành và vượt các chỉ tiêu cơ bản.

- Công tác quản lý các hợp đồng tư vấn: Phát huy tốt năng lực thiết kế và sự chủ động của đội ngũ cán bộ tư vấn QLDA trong việc xử lý các phát sinh nhằm đảm bảo tiến độ dự án. Sự đồng bộ thiết kế giữa các hạng mục được thực hiện triệt để giúp rút ngắn tiến độ triển khai dự án, kiểm soát và tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Công tác quản lý thi công xây dựng: Tiến độ và chất lượng các công trình được kiểm soát tốt. Lực lượng TVGS của CĐT luôn bám sát công trường, chủ động giải quyết kịp thời các vướng mắc và đề xuất của nhà thầu.

- Công tác mua sắm: Tiến độ cung cấp thiết bị đáp ứng tiến độ xây dựng chung. Thiết bị đạt yêu cầu chất lượng cao.

- Vận hành nhà máy: Làm chủ thiết bị công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất. Sản lượng điện năng suất vượt sản lượng thiết kế. Công tác sửa chữa nhỏ luôn chủ động đảm bảo phát tối đa giờ hiệu quả. Các thủ tục chuyên ngành được thực hiện đầy đủ. Công ty CP thủy điện Bảo Lâm đã tự thực hiện công tác biên soạn quy trình vận hành và sửa chữa cũng như đào tạo đội ngũ vận hành kế cận.

- Phát triển dự án mới: tích cực chủ động nghiên cứu các dạng năng lượng mới về thủy điện và điện gió. Thực hiện bổ sung quy hoạch các dự án mới tại các tỉnh miền núi phía bắc phục vụ chiến lược phát triển của Công ty.

Triển khai kế hoạch 2019

Công tác Tổ chức và quản lý

- Sắp xếp sơ đồ tổ chức Công ty, truyền dựng và đào tạo đáp ứng nguồn nhân lực bổ sung hiện tại và đáp ứng nhu cầu phát triển các năm tiếp theo.

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý và quy mô của các đơn vị trong khối xây lắp điện; Thay đổi mô hình hoạt động của nhà máy Yên Thường.

- Thực hiện tiếp các nhiệm vụ chuyển tiếp từ 2018:

+ Kiện toàn lại bộ máy nhân sự của một số phòng, ban, đơn vị.

+ Hoàn thiện và áp dụng một số Quy chế lương, quy định nội bộ.

+ Đẩy mạnh công tác phong trào, công tác thi đua khen thưởng thường xuyên, sát thực và hiệu quả.

+ Triển khai kế hoạch đào tạo tập trung, đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

+ Gắn hoạt động của Phòng Tổ chức nhân sự đáp ứng các nhiệm vụ trong mục tiêu chiến lược: Tạo động lực làm việc và văn hóa doanh nghiệp.

Công tác kinh tế, kế hoạch.

- Công tác thị trường, đấu thầu cho khối xây lắp và Sản xuất công nghiệp:

+ Điều chỉnh mục tiêu thị trường của các khu vực thuộc EVN theo kế hoạch đầu tư phân bổ năm 2019 và các năm tiếp theo.

+ Chủ động tham gia thị trường ngoài EVN có tiềm năng như điện gió, điện mặt trời, khu công nghiệp, các dự án bất động sản lớn, các dự án ngân sách thuộc các thành phố lớn. Kiên định tham gia thị trường nước ngoài.

- Nhân sự cho công tác thị trường và đấu thầu: Bổ sung và đào tạo kịp thời nhân sự có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ.

Sắp xếp mô hình hoạt động hiệu quả của bộ phận đấu thầu, quản lý hợp đồng EPC, PC, hoạt động thương mại cung cấp vật tư thiết bị điện.

- Các giải pháp đảm bảo doanh thu và lợi nhuận kế hoạch.

- Đầu tư ứng dụng các phần mềm tiên tiến hỗ trợ nghiệp vụ kế hoạch, đấu thầu trực tuyến, quản lý các hợp đồng, quản lý thi công công trình EPC, PC.

- Làm tốt công tác thanh toán, quyết toán và công tác báo cáo định kỳ.

Công tác tài chính - kế toán.

- Kiểm soát dòng tiền hiệu quả, đảm bảo nguồn vốn cho các hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty.

- Thực hiện báo cáo tài chính, Kiểm toán, Công bố thông tin theo quy định.

- Kịp thời cập nhật các kế hoạch tài chính, các báo cáo định kỳ và đột xuất, phân tích Dự báo các rủi ro tài chính và tham mưu chính xác cho lãnh đạo trong các quyết định tài chính và quản trị.

- Tiếp tục mở rộng quan hệ với các tổ chức tín dụng để huy động các nguồn vốn ngắn và dài hạn với chi phí thấp nhất.

- Thực hiện đầy đủ kịp thời các hoạt động kế toán theo quy định của pháp luật.

- Lập các báo cáo nội bộ, theo dõi đối chiếu thu hồi Công nợ.

- Thực hiện và hỗ trợ các đơn vị triển khai các chiến lược tài chính của các lĩnh vực SXKD. đề xuất và xây dựng các giải pháp thu hồi vốn hiệu quả.

- Cập nhật chính sách quy định của pháp luật, xây dựng các quy định nội bộ và hướng dẫn nghiệp vụ kế toán cho các đơn vị.

Công tác nghiên cứu phát triển.

- Nâng cao năng lực của CBCNV đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng.

- Phối kết hợp trong hệ thống, nghiên cứu thị trường mục tiêu đã xác định.

- Phân tích các ảnh hưởng từ các Hiệp định hợp tác quốc tế, từ cách mạng công nghệ 4.0.

- Triển khai nghiên cứu sản phẩm và công nghệ mới trong các khu vực quan tâm của PC1.

- Tập trung hơn nữa về hiệu quả triển khai chiến lược PC1.

- Quản lý hiệu quả các dự án, các hợp đồng đặc thù.

Công tác quản trị tổng hợp.

- Tổ chức thực hiện các giải pháp chiến lược về quản trị trong toàn Công ty.

- Mở rộng các chương trình kiểm tra nội bộ, kiểm toán quyết toán vốn đầu tư.

- Phân tích các báo cáo và tham mưu cho HĐQT về đầu tư các dự án mới.

- Công tác ISO: Rà soát, đánh giá và hệ thống lại các tài liệu quản trị Công ty. Tổ chức xây dựng, áp dụng và cải tiến các quy trình trong hệ thống.

- Công tác quản trị rủi ro: Xây dựng các tài liệu và bộ máy quản trị rủi ro; Hướng dẫn đào tạo nâng cao năng lực quản trị rủi ro cho các CBNV liên quan; Thực hiện và đánh giá bước đầu hệ thống QTRR.

- Pháp chế: Cập nhật phổ biến kịp thời văn bản pháp luật liên quan. Tham gia và hỗ trợ các hoạt động pháp chế và hợp đồng trong Công ty.

- Tiếp xúc nhà đầu tư và công bố thông tin: Cải tiến hoạt động tiếp xúc và thông tin tới nhà đầu tư. Tăng tần suất công bố thông tin hoạt động tới các nhà đầu tư.

Nhiệm vụ 2019**Nhiệm vụ khối xây lắp và lắp máy****“Đột phá về doanh thu và cải thiện biên lợi nhuận”**

- Bám sát chiến lược 2018 – 2022, ban hành mục tiêu 2019 của khối và triển khai cụ thể mục tiêu xuống các phòng. Tiếp tục hỗ trợ các đơn vị thành viên triển khai kế hoạch phát triển của đơn vị.
- Tăng cường quan hệ với khách hàng truyền thống, chủ động tiếp cận khách hàng ngoài ngành. Tận dụng cơ hội thị trường năng lượng tái tạo và các dự án khu công nghiệp, khu công nghệ cao.
- Nâng cao năng lực quản lý điều hành dự án quy mô lớn, nhiều dự án đồng thời cả công ty mẹ và đơn vị thành viên. Giải pháp tăng công suất thi công trong toàn hệ thống.
- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị cho từng dòng sản phẩm xây lắp. Áp dụng hiệu quả phần mềm quản lý dự án.

Nhiệm vụ khối sản xuất công nghiệp**“Tăng trưởng cao về doanh thu, phát triển sản phẩm mới, cải thiện biên lợi nhuận”**

- Thực hiện chiến lược giai đoạn 2018 – 2022, triển khai chi tiết cho năm 2019.
- Thúc đẩy các gói thầu cung cấp cột thép thanh cái ống.
- Phát huy tối đa cơ hội tham gia các dự án đặc thù. Hợp tác và khai thác thị trường nước ngoài.
- Tổ chức sản xuất hiệu quả, an toàn, đảm bảo chất lượng, đáp ứng tiến độ gắt gao của các dự án đặc biệt các dự án điện tái tạo và các dự án trọng điểm quốc gia.
- Nâng cao năng lực tự tìm kiếm hợp đồng và năng lực sản xuất của nhà máy Yên Thường.

Đầu tư Năng lượng**“Định vị giai đoạn đầu tư mới”**

- Phân tích và lựa chọn đầu tư các dạng năng lượng mới đảm bảo mục tiêu công suất phát điện 600MW vào năm 2025. Tiếp tục phân tích và đầu tư làm chủ các dự án mới về thủy điện, điện mặt trời và điện gió.
- Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lãnh đạo ban quản lý. Đào tạo, nâng cao kỹ năng và khả năng sáng tạo cho đội ngũ cán bộ thực hiện dự án. Áp dụng công nghệ trong quản lý và triển khai hiệu quả tiêu chuẩn QLDA PMI trong một số quy trình.
- Chuẩn hóa kế hoạch đầu tư dài hạn, hoàn thành thủ tục chuẩn bị đầu tư và chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực để triển khai các dự án tiếp theo.
- Kiểm soát tốt chất lượng, giải quyết vướng mắc, phấn đấu rút ngắn tiến độ dự án đang thi công và dự án sắp phát điện.
- Hoàn thành quyết toán và kiểm toán dự án thủy điện Bảo Lâm 3 và 3A.

Vận hành tin cậy, hiệu quả 5 nhà máy phát điện.

Đầu tư và kinh doanh bất động sản**“Khẳng định nhà đầu tư tin cậy”**

- Tập trung triển khai các mục tiêu chiến lược của khối BĐS, tăng cường sự đồng bộ giữa các bộ phận nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu 2019.
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý dự án của Ban quản lý để có thể triển khai đồng thời nhiều dự án.
- Tiếp tục phát triển các dự án mới. Thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư cho 2 dự án PCC1 Vĩnh Hưng và PCC1 Thăng Long. Thực hiện kế hoạch khởi công 2 dự án trong quý 3 và quý 4 năm 2019.
- Lựa chọn các nhà thầu tin cậy, kiểm soát tốt chất lượng và tiến độ các hạng mục công việc.
- Hoàn tất bán hàng dự án hoàn thành trong quý 1/2019, thu hồi vốn, quyết toán dự án Mỹ Đình Plaza 2. Xây dựng kế hoạch bán hàng đúng thời điểm và hiệu quả cho dự án PCC1 Thanh Xuân.
- Thực hiện đúng cam kết công tác dịch vụ sau bán hàng: bảo hành, bảo trì, cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các dịch vụ quản lý tòa nhà. Tiếp tục khẳng định uy tín chủ đầu tư của PCC1.

Đầu tư vốn vào các lĩnh vực khác

- Phân tích, đánh giá hiệu quả vốn đã đầu tư vào các Công ty liên kết, quản lý phần vốn đã đầu tư. Xây dựng kế hoạch tiếp tục duy trì, rút vốn hoặc tiếp tục đầu tư thêm tùy thuộc từng trường hợp cụ thể.
- Phân tích, quyết định đầu tư vốn vào các Công ty nhà nước thoái và nằm trong định hướng chiến lược của PC1.

Khối tư vấn và dịch vụ**Tư vấn thiết kế công trình điện**

- Thực hiện kế hoạch nâng cao năng lực thiết kế, quy mô và vị thế với các chủ đầu tư trong và ngoài EVN.
- Phối hợp đồng bộ và hiệu quả đối với PCC1 và các công ty thành viên.

Về cung cấp dịch vụ quản lý tòa nhà, khu dân cư

- Tiếp tục nâng cao năng lực, quy mô quản lý, tính chuyên nghiệp cho đội ngũ CBCNV.
- Chuẩn hóa các quy trình vận hành, cung cấp dịch vụ. Ứng dụng các phần mềm quản lý tiên tiến.
- Khai thác hiệu quả tài sản của Công ty tại các dự án hoàn thành.
- Chuẩn bị tiếp nhận và quản lý dự án PCC1 Thanh Xuân vào quý 4/2019.

Tư vấn giải phóng mặt bằng

- Tập trung nhiệm vụ trọng tâm là GPMB các dự án do PCC1 làm chủ đầu tư, các công trình lưới điện trọng điểm mà PCC1 tham gia thi công.
- Tham gia các hợp đồng tư vấn GPMB các dự án trọng điểm ngành điện.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Ông Trịnh Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	23.441.482	17.66%
Ông Nguyễn Minh Đệ	Phó Tổng Giám đốc	1.717.960	1.29%
Ông Vũ Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc	308.424	0.23%
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc	2.472.063	1.86%
Bà Nguyễn Thị Hương	TV HĐQT	1.493.003	1.12%

Đặc điểm môi trường kinh doanh 2018

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty

PCC1 thực hiện mục tiêu kế hoạch năm 2018 bám sát chiến lược giai đoạn 2018 - 2022 với những cơ hội và thách thức đan xen. Bằng sự nỗ lực, sáng tạo và quyết tâm của Ban lãnh đạo Công ty, lãnh đạo các phòng ban cùng với các đơn vị thành viên đã phát huy vị thế và năng lực khác biệt của PCC1, kết quả doanh thu toàn Công ty lần đầu vượt mốc trên 5.000 tỷ đồng, lợi nhuận vượt mức kế hoạch đề ra.

* Các yếu tố tác động tích cực đến kết quả kinh doanh 2018 và công tác chuẩn bị kế hoạch 2019:

- Kết quả kinh doanh khối Phát điện và Bất động sản đạt kết quả tốt, vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận. Khối kinh doanh thương mại vượt kế hoạch về doanh thu.

- Sự nỗ lực, quyết tâm, sự đổi mới kịp thời của Ban lãnh đạo công ty, lãnh đạo các phòng ban chuyên môn, sự cố gắng cao của các đơn vị. Trong đó khối xây lắp điện, chúng ta đã chớp thời cơ và bước đầu thành công với các dự án của các CĐT ngoài ngành đặc biệt các nhà máy điện mặt trời, điện gió, các dự án đặc thù, dự án kỹ thuật cao trong ngành, bắt đầu phát triển kinh doanh thương mại.

Kết quả trong lãnh đạo, điều hành

Ban Giám đốc tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo cùng với sự nỗ lực cố gắng và năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các Phòng, Ban Công ty, sự cố gắng của các đơn vị thành viên, của cán bộ CNV toàn Công ty, thực hiện các mục tiêu chiến lược, tiếp tục khẳng định vị thế, hình ảnh PCC1 trên thị trường, khắc phục khó khăn và kiểm soát các hoạt động SXKD và đầu tư, theo đó một số kết quả quan trọng đạt được như sau:

- Hoàn thiện điều chỉnh báo cáo chiến lược Công ty 2018-2022, tầm nhìn 2030; triển khai bám sát các chỉ tiêu năm 2018 cho các khối kinh doanh và đầu tư.

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, điều hành chuyên nghiệp trong toàn công ty.

- Luôn gương mẫu, phát huy giá trị cốt lõi Công ty: sáng tạo - tốc độ - tin cậy tạo động lực phát triển, góp phần tích cực trong giải quyết khó khăn và thúc đẩy hệ thống đạt được các chỉ tiêu quan trọng.

- Điều chỉnh sơ đồ quản lý, thành lập mới phòng quản lý EPC đúng thời điểm, khắc phục được tình trạng quá tải trong công tác đấu thầu, đồng thời phát triển hiệu quả thị trường xây lắp ngoài ngành, lợi thế các hợp đồng EPC, tăng qui mô tổng thầu xây lắp trong dài hạn.

- Chỉ đạo tiếp tục ứng dụng các giải pháp thi công tiên tiến, đầu tư và vận hành hiệu quả máy móc, thiết bị mới, phát triển sản phẩm mới trong sản xuất và thi công;

- Kiên định và chỉ đạo sát sao mục tiêu đầu tư năng lượng và đầu tư BĐS cho kế hoạch năm 2018 và thúc đẩy kế hoạch đầu tư dài hạn .

Báo cáo tình hình thực hiện tăng vốn điều lệ

Năm 2018 Công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch tăng vốn điều lệ của công ty từ 1.154.528 triệu đồng tăng lên 1.327.707 triệu đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%.

Định hướng kinh doanh năm 2019

Nhận định tình hình năm 2019

Kết quả tích cực đạt được trên các mặt của năm 2018 rất quan trọng, tạo không khí phấn khởi, hào hứng khơi dậy niềm tin vào sự thành công chiến lược và tương lai phát triển của PCC1.

Bước vào năm 2019 trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với những thời cơ thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, biến động tỷ giá, lãi suất, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng.

Kinh tế Việt Nam 2019 dự báo có nhiều thuận lợi, ổn định và tích cực. Mục tiêu của Chính Phủ là tăng trưởng GDP 6,8%; tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) bình quân dưới 4%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 33-34% GDP; tăng trưởng tín dụng 14%.

Đầu tư EVN năm 2019

- Tổng đầu tư nguồn điện giảm 27% so với 2018, giá trị đầu tư: 20.337 tỷ.

- Tổng đầu tư lưới điện tăng 8,2% so với 2018, giá trị đầu tư: 48.617 tỷ. Trong đó đầu tư của các tổng công ty là:

+ EVN NPT: 12.650 tỷ đồng, tăng 22,3%;

+ EVN HCM: 4.106 tỷ đồng, tăng 15%;

+ EVN NPC: 11.598 tỷ đồng, giảm 14,3%;

+ EVN SPC: 8.785 tỷ đồng, tăng 30,3%;

+ EVN CPC: 5.816 tỷ đồng, tăng 5,7%;

+ EVN HN: 5.662 tỷ đồng, tăng 8,2%;

- Nhu cầu tăng phụ tải điện năng các năm tới vẫn giữ mức cao, dự báo tăng trưởng phụ tải năm 2019 khảng 9,9% so với 2018.

- Đầu tư điện mặt trời có xu hướng có chậm lại so với 2018

nhưng mức độ quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài vẫn cao, điện gió được nhiều nhà đầu tư tiếp tục quan tâm.

Thu hút FDI, khu CN, khu đô thị được dự báo tiếp tục tăng trưởng. Nhà nước tiếp tục thoái vốn tại các công ty nhà nước là những cơ hội tốt đối với PCC1.

Cơ hội năm 2019

- Nhu cầu phụ tải điện tăng và tiếp tục duy trì trong dài hạn, giá trị đầu tư ngành điện đang duy trì ở mức cao, sức hấp dẫn cao về đầu tư dự án điện gió, điện mặt trời: Cơ hội đầu tư và tăng trưởng doanh thu xây lắp, sản xuất từ ngành điện.

- Xu hướng áp dụng hình thức chọn thầu EPC, PC với các dự án điện tăng dần cả trong và ngoài EVN: Cơ hội phát huy thế mạnh của PCC1.

- Nhu cầu phát triển các dự án đặc thù, đầu tư các dự án cấp ngầm, trạm GIS tăng: Cơ hội phát huy thế mạnh của PCC1.

- Thị trường bất động sản thắt chặt các điều kiện phát triển dự án mới và nhu cầu thị trường vẫn cao: Cơ hội cho PCC1 có nguồn lực và uy tín trên thị trường.

Một số thách thức:

- Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, lộ trình giảm thuế nhập khẩu theo cam kết của Việt nam, các đối thủ trong nước phát triển nhanh cả về số lượng và năng lực dẫn đến sự gia tăng mức độ cạnh tranh đối với PCC1.

- Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, diễn biến xung đột chính trị và thương mại dẫn đến biến động về tỷ giá, thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế và lãi suất trong nước tăng cao.

- Mục tiêu chiến lược của công ty về chỉ tiêu tăng trưởng bình quân các năm ở mức cao: doanh thu 20%/năm, lợi nhuận sau thuế/doanh thu trên 8% trong khi tăng trưởng GDP hàng năm của quốc gia chỉ dưới 7% là thách thức lớn để hoàn thành mục tiêu chiến lược.

Mục tiêu và chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

Mục tiêu cơ bản

- Bám sát các mục tiêu chiến lược 2018- 2022 tầm nhìn 2030, duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân 20%/năm; lợi nhuận sau thuế/ doanh thu bình quân hàng năm từ 8% trở lên.

- Duy trì quy mô và tốc độ đầu tư năng lượng, hoàn thành các chỉ tiêu đầu tư dự án BĐS hàng năm theo mục tiêu chiến lược đã xây dựng.

- Tiếp tục khẳng định uy tín và giữ vững vị trí số 1 Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng công trình lưới điện, thiết kế và chế tạo các loại cột điện cao áp và siêu cao áp.

Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản

Công ty quyết tâm phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu:

1. Giá trị SXKD 8.325,34 tỷ đồng; Tăng 58% so với năm 2018.
2. Doanh thu 6.042,94 tỷ đồng; Tăng 19% so với năm 2018.
3. Lợi nhuận sauthuế: 423,86 tỷ đồng;
4. Trích nộp ngân sách: 249,32 tỷ đồng.
5. Tổng quỹ lương : 232,10 tỷ đồng.
6. Thu nhập bình quân của người lao động: 14,37tr.đồng/người/tháng – tăng 14%.

Nhiệm vụ kế hoạch năm 2019

Nhiệm vụ trọng tâm năm 2019

Khẩu hiệu của năm là:

“Phát triển các nguồn lực - Kiểm soát tốc độ và chất lượng tăng trưởng”

Các nhiệm vụ trọng tâm:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý hệ thống thông qua: Chất lượng nhân lực; Ứng dụng các phần mềm quản lý tiên tiến; Nâng cao thu nhập CBNV và phát triển văn hóa công ty.

- Triển khai nhanh và thành công các giải pháp Nâng cao năng lực thi công xây lắp, năng lực sản xuất cột thép, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng cao của 02 khối kinh doanh truyền thống.

- Mở rộng qui mô SXCN, phát triển thành công sản phẩm Cột thanh cái ống rộng rãi trên thị trường.

- Đầu tư Năng lượng và đầu tư BĐS: Vận hành hiệu quả các dự án đã hoàn thành, kiểm soát tiến độ, chất lượng, chi phí dự án đang đầu tư. Phát triển thành công các dự án mới theo mục tiêu chiến lược.

- Kiểm soát hiệu quả dòng tiền, đáp ứng sẵn sàng nguồn vốn, duy trì tốt giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

- Nhiệm vụ kế hoạch 2019 đặt ra là khả thi nhưng thách thức, đòi hỏi Đội ngũ lãnh đạo cần đoàn kết, gương mẫu, sáng tạo và trách nhiệm hơn nữa; CBNV toàn công ty tự tin, nỗ lực nhiều hơn nữa, chủ động và không ngừng cải tiến, đổi mới trong tư duy và hành động, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm 2019 .



**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

TỔNG QUAN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI PC1

Với mục tiêu trở thành công ty hàng đầu trong ngành xây lắp điện và mở rộng sang các lĩnh vực khác, PC1 luôn chú trọng, quan tâm xây dựng doanh nghiệp theo hướng ổn định, bền vững, mang lại sự hài lòng cao nhất cho cổ đông, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn cho người lao động, đảm bảo hài hòa lợi ích cho các bên liên quan và đóng góp tích cực cho sự phát triển của công đồng. PC1 hi vọng sẽ góp một phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Năm 2018, PC1 tiếp tục triển khai và phát triển các chính sách, giải pháp nhằm đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn phát triển bền vững hiện nay.

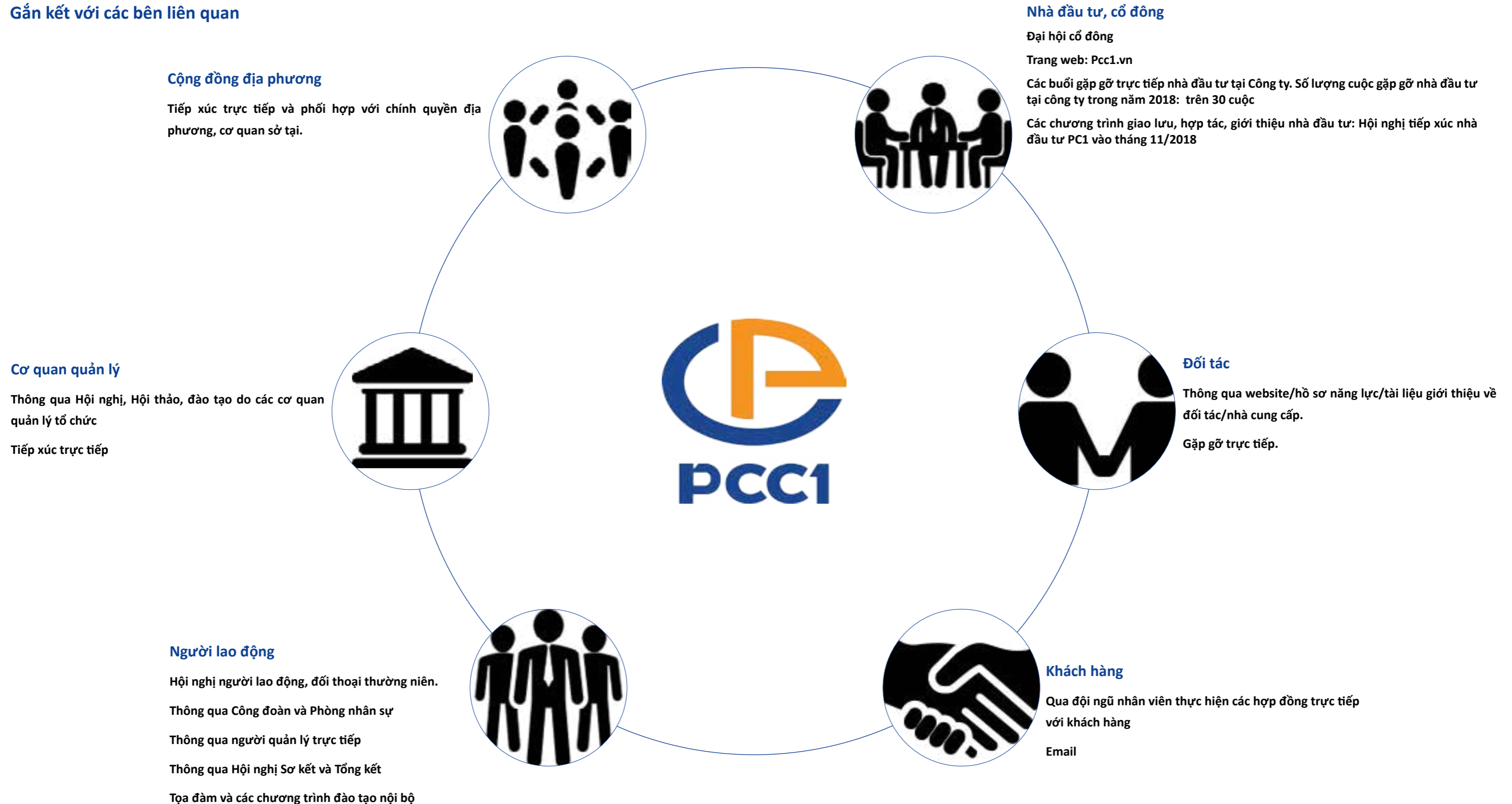
Mô hình quản trị phát triển bền vững

PC1 luôn gắn chiến lược phát triển bền vững vào chiến lược phát triển chung của doanh nghiệp để đảm bảo tăng trưởng trong dài hạn. Bên cạnh đó, PC1 mong muốn tạo ra các giá trị cho xã hội, môi trường, đáp ứng kỳ vọng và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền lợi đối với các bên liên quan. Từ đó các kế hoạch hành động được đặt ra dựa trên nền tảng sự chia sẻ chủ động và tích cực từ các bên liên quan nhằm nhanh chóng phát hiện những vấn đề cần thay đổi và phát triển để hoàn thiện hơn các chính sách của Công ty hiện nay.



ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI PC1

Gắn kết với các bên liên quan



Các kênh tiếp nhận ý kiến đóng góp, phản hồi

Đánh giá kết quả hoạt động của PC1 với các bên liên quan

Nhà đầu tư, cổ đông

Các kỳ vọng

- Kết quả kinh doanh khả quan
- CBTT minh bạch
- Khả năng tăng trưởng, quản trị
- Chính sách cổ tức

Kết quả đạt được

- Tổng doanh thu tăng 60,80%
- Lợi nhuận sau thuế tăng 91,79%
- Top 30 báo cáo thường niên tốt nhất 2017
- ROE đạt 14,84%, EPS đạt 3.698 đồng/cp
- Đảm bảo chỉ trả cổ tức 20% đạt 133% kế hoạch đầu năm.
- Trong năm 2018, Bộ phận quan hệ nhà đầu tư PC1 đã tổ chức 30 cuộc gặp gỡ tiếp xúc nhà đầu tư

Giải pháp phát triển

- Tập trung mọi nguồn lực hoàn thành kế hoạch kinh doanh
- Chủ động CBTT đúng, đủ và kịp thời
- Liên tục hoàn thiện, phát triển hệ thống quản trị
- Thực hiện các cam kết về cổ tức



Đối tác

Các kỳ vọng

- Đảm bảo thực hiện đúng trong cam kết của các hợp đồng
- Ký kết và triển khai hợp đồng tuân thủ pháp luật, đảm bảo tiến độ thanh toán.

Kết quả đạt được

- Quy trình chọn lựa nhà cung cấp luôn đảm bảo tính minh bạch khi thực hiện đánh giá năng lực, việc lựa chọn dựa trên cơ sở chào giá cạnh tranh công khai
- Kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm soát việc thực hiện Hợp đồng ký kết với các nhà cung cấp thông tin.

Giải pháp phát triển

- Xây dựng quy trình đánh giá lựa chọn nhà cung cấp
- Hợp đồng được rà soát kỹ để đảm bảo tuân thủ pháp luật trước khi ký.
- Tiến hành kiểm soát nội bộ về quy trình thực hiện Hợp đồng với các nhà cung cấp.

Khách hàng

Các kỳ vọng

- Hoàn thành đúng tiến độ các dự án trúng thầu với chất lượng cao nhất

Kết quả đạt được

- Các dự án mà PC1 tham gia đều đúng tiến độ, chất lượng được kiểm chứng qua nhiều năm

Giải pháp phát triển

- Tăng cường đầu tư, nghiên cứu các công nghệ xây lắp mới để ứng dụng vào hoạt động thực tiễn nhằm nâng cao năng suất của các hoạt động kinh doanh



Đánh giá kết quả hoạt động của PC1 với các bên liên quan

Người lao động

Các kỳ vọng

- Đảm bảo ổn định việc làm
- Thu nhập phù hợp với năng lực và có sự tăng trưởng qua các năm
- Đảm bảo chế độ phúc lợi (nghỉ hưu, thai sản, bảo hiểm, du lịch,..)
- Quan tâm về sức khỏe, môi trường làm việc, an toàn vệ sinh lao động
- Có những cơ hội được học hỏi và phát triển
- Sự công bằng, những đóng góp, thành tích được ghi nhận

Kết quả đạt được

- Kinh doanh tăng trưởng tốt trong năm 2018 tạo cơ hội việc làm ổn định cho người lao động. Tạo thêm cơ hội việc làm trong năm với việc tuyển dụng thêm 38 người, tương đương 2,82%
- Thực hiện trả lương đúng hạn, trả thưởng xứng đáng với sự đóng góp cho công ty. Năm 2018, thu nhập bình quân người lao động tăng 2,9% so với năm 2017.
- Đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc bao gồm bảo hiểm y tế, xã hội, thất nghiệp.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho CBCNV

Giải pháp phát triển

- Mở rộng hoạt động kinh doanh tạo cơ hội việc làm ổn định cho người lao động
- Kinh doanh hiệu quả đảm bảo chi trả thu nhập ổn định cho người lao động
- Thường xuyên rà soát điều chỉnh chính sách lương thưởng đãi ngộ cạnh tranh, phù hợp với xu hướng chung của thị trường
- Trang bị cho người lao động các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước
- Xây dựng các chương trình thi đua và tôn vinh, cơ chế trả lương dựa trên hiệu quả làm việc tạo sự công bằng nội bộ
- Đầu tư ngân sách cho hoạt động đào tạo, khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động được học tập nâng cao trình độ chuyên môn
- Đầu tư ngân sách và tạo điều kiện để công đoàn, đoàn thanh niên phát huy vai trò nhằm xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở



Cơ quan quản lý

Các kỳ vọng

- Tuân thủ pháp luật và tuân thủ nghĩa vụ thuế với nhà nước
- Tích cực đóng góp các ý kiến nhằm xây dựng và phát triển ngành xây lắp tại Việt Nam

Kết quả đạt được

- Luôn chấp hành tốt các quy định pháp luật và chính sách Nhà nước
- Năm 2018: Trích nộp ngân sách nhà nước 252,60 tỷ đồng.

Giải pháp phát triển

- Tuân thủ tốt các quy định pháp luật
- Đóng góp đầy đủ vào ngân sách nhà nước
- Thuê các chuyên gia tư vấn pháp lý
- Tham gia các diễn đàn, đóng góp ý kiến xây dựng các chính sách quản lý của nhà nước.

Cộng đồng

Các kỳ vọng

- Điều kiện sống cơ bản của người dân vùng sâu vùng xa được đảm bảo
- Đầu tư cho giáo dục, thể hệ tương lai
- Địa phương bị thiệt hại do thiên tai lũ lụt cần được hỗ trợ để khắc phục hậu quả
- Thực hiện tốt quy định về bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng.

Giải pháp phát triển

- Hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn thông qua các chương trình thiện nguyện
- Hỗ trợ cộng đồng địa phương thông qua đóng góp xây dựng và ủng hộ các điều kiện sống cơ bản, chăm sóc sức khỏe cho bà con vùng sâu vùng xa nơi công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tuân thủ quy định chính quyền sở tại về bảo vệ môi trường
- Đề xuất và thực hiện các giải pháp trong sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm năng lượng điện, nước.



Hiệu quả hoạt động kinh tế

- Năm 2018, PC1 đã nỗ lực tập trung mọi nguồn lực, phát huy những truyền thống, năng lực nội tại cùng với đó là triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh nhằm hoàn thành tốt nhất các mục tiêu đã được đại hội đồng cổ đông thông qua. Đây là nhân tố then chốt để PC1 thực hiện trách nhiệm với các bên liên quan từ đó hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.
- Doanh thu thuần trong năm đạt 5.084 tỷ đồng tăng 61% so với năm 2017 và đạt 90% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 466 tỷ đồng, bằng 102% so với kế hoạch và bằng 197,14% so với cùng kỳ năm trước.
- Tổng tài sản năm 2018 của Công ty đạt 6.597 tỷ đồng, tăng 383 tỷ đồng, tương ứng 6,16% so với năm 2017. Mức tăng trưởng này thể hiện sự ổn định và bền vững về hoạt động của PC1.
- Các tỷ lệ an toàn hoạt động của công ty đều ở mức tốt khi các chỉ số về năng lực thanh toán đều lớn hơn 1. Tỷ lệ nợ trên

- tổng tài sản luôn nằm dưới mức 0,5. Đây là những con số vô cùng an toàn nếu so với các doanh nghiệp cùng ngành, thể hiện công ty có tình hình tài chính lành mạnh, kiểm soát tốt các rủi ro về đầu tư và các rủi ro thanh toán, hoạt động của Công ty.
- Không chỉ hoàn thành các chỉ tiêu tài chính, PC1 liên tục hoàn thiện các chính sách quản trị, mô hình hoạt động, nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của Công ty giúp cho cổ đông, nhà đầu tư thấy được các giá trị cốt lõi mà Công ty đã xây dựng trong suốt nhiều năm. Năm 2017, PC1 nằm trong top 30 doanh nghiệp niêm yết có báo cáo thường niên tốt nhất thị trường.
- PC1 luôn giữ mối quan hệ uy tín, cùng phát triển với khách hàng, đối tác. Các dự án PC1 tham gia (xây lắp, bất động sản...) đều đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

Sử dụng năng lượng

- Hiện nay, PC1 đang kinh doanh đa ngành với 4 mảng hoạt động chính là xây lắp, đầu tư năng lượng, bất động sản và sản xuất công nghiệp. Cho nên cần sử dụng rất nhiều năng lượng.



Đối với khối văn phòng:

Hệ thống chiếu sáng

- PC1 cho lắp đặt, nâng cấp toàn bộ hệ thống chiếu sáng bằng các thiết bị tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm, đèn chiếu sáng tự động bật tắt,...)
- Xây dựng các tòa nhà văn phòng theo hướng tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên thay vì sử dụng hệ thống chiếu sáng.
- Quy định tắt toàn bộ hệ thống điện sau khi tan làm



Hệ thống điều hòa không khí

- Định kì bảo dưỡng hệ thống 6 tháng/lần nhằm duy trì hiệu suất tối đa cho hệ thống và tiết kiệm năng lượng.
- Duy trì mức nhiệt độ phù hợp 24-27 độ C, tránh chênh lệch quá nhiều với nhiệt độ bên ngoài
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa nhiệt độ sau 18:00
- Quy định mở điều hòa không được mở cửa sổ.



Đối với khối sản xuất

Tiêu chuẩn 5S

5S là nền tảng cơ bản để thực hiện các hệ thống đảm bảo chất lượng xuất phát từ quan điểm: Nếu làm việc trong một môi trường lành mạnh, sạch đẹp, thoáng đãng, tiện lợi thì tinh thần sẽ thoải mái hơn, năng suất lao động sẽ cao hơn và có điều kiện để việc áp dụng một hệ thống quản lý chất lượng hiệu quả hơn. Phương pháp 5S được phát minh bởi người Nhật và họ cũng rất tự hào khi cả thế giới áp dụng phương pháp này của họ. 5S là chữ cái đầu của các từ tiếng Nhật: “SERI”; “SEITON”; “SEISO”; “SEIKETSU” và “SHITSUKE”.

Sử dụng nguồn nước, nước thải, chất thải

Vì một mục tiêu chung bảo vệ môi trường toàn cầu PC1 liên tục đưa ra các chính sách nhằm duy trì hoạt động đánh giá nguồn nước sử dụng, tác động của nước thải chất thải đến môi trường qua việc kiểm soát đầu vào (nước) và đầu ra (phát thải từ hoạt động vận hành của khối văn phòng và đặc biệt là của khối sản xuất công nghiệp. Các loại chất thải, rác thải có khả năng gây hại đến môi trường được PC1 tích cực xử lý trong năm 2018.

Các biện pháp tiết kiệm nước được Công ty sử dụng

- Sử dụng hệ thống nhà vệ sinh tiết kiệm nước (vòi xả tự ngắt, bồn xả tự động,...)
- Thường xuyên có những hoạt động kiểm tra nước rò rỉ và có những biện pháp xử lý kịp thời.
- Tái sử dụng nước cho các hoạt động khác của công ty, nhà máy.
- Không sử dụng nước bồn cầu vào những mục đích khác.

Nhà máy chế tạo cột thép Đông Anh

Nhà máy chế tạo cột thép Đông Anh nhận hai chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào ngày 28/02/2018 và ISO 14001:2015 vào ngày 09/04/2018 do tổ chức AFNOR – thành viên của một trong các tổ chức chứng nhận lớn nhất được công nhận cấp quốc tế.



Sử dụng nguồn nước, nước thải, chất thải (tiếp theo)

Năm 2018, Công ty đã ban hành nhiều quyết định liên quan đến quản trị chất lượng, môi trường và các biện pháp thực hiện cụ thể đối với nhà máy chế tạo cột thép Đông Anh như sau:

CÔNG TY TNHH CỘT THÉP ĐÔNG ANH		MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG, MÔI TRƯỜNG VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN		
MỤC TIÊU (Targets)	BIỆN PHÁP THỰC HIỆN (Actions)	Thực hiện (Performance)		
		Thời gian (Schedule)	Trách nhiệm (Duty)	Tài liệu (Doc't)
1) Duy trì tỷ lệ sản phẩm sai hỏng không phù hợp dưới 0,2%	- Kiểm soát các quá trình	Liên tục	Các phòng ban	B/C thực hiện mục tiêu CL, B/C khắc phục & cải tiến
	- Thực hiện hành động khắc phục kịp thời, không để xảy ra sai hỏng hàng loạt.	Hàng ngày	Ban QA và các Phòng Ban liên quan	Báo cáo khắc phục và cải tiến
	- Kiểm soát sản phẩm từ khâu nhập nguyên liệu đầu vào cho đến khi giao cho khách hàng	Hàng ngày	Ban QA và các Phòng Ban liên quan	Phiếu kiểm tra đầu vào và biên bản làm việc
	- Đào tạo	Theo kế hoạch đào tạo các phòng ban	Các phòng ban	Hồ sơ đào tạo
2) Đảm bảo đạt 100% sự hài lòng của khách hàng.	- Kiểm soát chất lượng sản phẩm của Nhà máy và nhà thầu phụ	Hàng ngày	- Ban QA, Sản xuất, Kinh doanh	Báo cáo kiểm tra sản phẩm biên bản làm việc
	- Đảm bảo 100% tiến độ giao hàng các dự án	Hàng ngày	Ban sản xuất, Ban kinh doanh	Báo cáo tiến độ sản xuất
	- Xử lý phàn nàn của khách hàng	Ngay khi có phàn nàn	Ban Kinh doanh và các phòng ban liên quan	Báo cáo xử lý phàn nàn của KH
3) 100% các loại rác thải được phân loại, thu gom và xử lý theo quy định	- Kiểm soát quá trình phân loại rác thải	Hàng ngày	Các phòng ban	Biên bản kiểm tra
	- Hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng để xử lý rác thải	Liên tục	Ban sản xuất, P.HCNS	Các hợp đồng, bảng kê khối lượng rác xử lý
	- Đào tạo cho nhân viên mới, người thực hiện chưa tốt	Khi có nhân viên mới	P.HCNS	Hồ sơ đào tạo
4) Tạo môi trường làm việc an toàn, không để xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng	- Bảo trì các trang thiết bị an toàn tại các máy, kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Kế hoạch bảo dưỡng, kiểm định	Xưởng cơ điện, Ban TK&KT	Hồ sơ thiết bị
	- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động	Liên tục	HCNS, Sản xuất, Vật tư, Mua hàng	Hồ sơ theo dõi cấp phát thiết bị bảo hộ lao động
	- Huấn luyện về VS&ATLD	Theo kế hoạch năm	Cán bộ an toàn, P.HCNS	Hồ sơ đào tạo
	- Định kỳ tập huấn ứng phó với các tình trạng khẩn cấp (Cháy, tràn đổ hoá .v)	Theo kế hoạch năm	Ban sản xuất, P.HCNS, đội ngũ an toàn viên	Kế hoạch tập huấn và kết quả đào tạo

Tuân thủ về môi trường

Trong năm 2018, PC1 không ghi nhận các biên bản/ thông báo nào liên quan đến việc vi phạm các điều Luật và Quy định về môi trường.

- PC1 liên tục triển khai các chương trình nhằm khuyến khích CBNV thường xuyên dọn dẹp góc làm việc gọn gàng, sạch sẽ, sắp xếp tài liệu một cách khoa học. Ngoài ra, PC1 phát động 2 chương trình nội bộ liên quan đến Tiết kiệm năng lượng và Bảo vệ môi trường. Thông điệp của các chương trình đều được lan tỏa rộng rãi và nhận được những phản hồi tích cực từ CBNV Công ty.



Việc làm

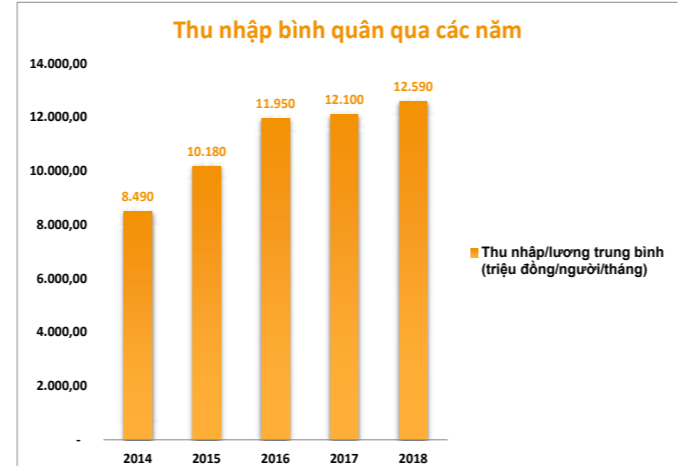
Số lượng lao động và mức thu nhập

Tổng số lao động tại PC1 trong năm 2018 là 1.348 người tăng 2,9% so với năm 2017. Chủ yếu trong số này là nguồn nhân lực có nhiều kinh nghiệm, chuyên môn đặc thù phù hợp với từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty. Mức lương trung bình của người lao động cũng được cải thiện khi liên tiếp 5 năm liền con số này có chiều hướng gia tăng.

Trong cơ cấu lao động, nam giới chiếm 82,79% còn nữ giới chỉ chiếm 17,21%, lý do có sự chênh lệch này là do đặc thù các ngành xây lắp, thủy điện và sản xuất của công ty cần nhiều

nam trong khi nữ giới chủ yếu làm việc tại các khối văn phòng. Tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học ở mức trên 40%, trình độ cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp chiếm 15,80% và chiếm tỷ lệ cao nhất là sơ cấp và công nhân kỹ thuật với tỷ 43,69%. Cơ cấu lao động theo độ tuổi được giữ ở mức cân bằng khi số lao động từ 25-35 tuổi và số lao động trên 35 tuổi đều chiếm hơn 40% cho thấy Công ty có sự kết hợp hài hòa giữa kinh nghiệm và sức trẻ tạo nên sức bật vững chắc và an toàn cho Công ty trong giai đoạn thị trường diễn biến khó lường như hiện nay

Tiêu chí	2014	2015	2016	2017	2018
Số lượng lao động (người)	1.100	1.202	1.305	1.310	1.348
Thu nhập/lương trung bình (triệu đồng/người/tháng)	8.490,00	10180	11.950	12.100	12.590

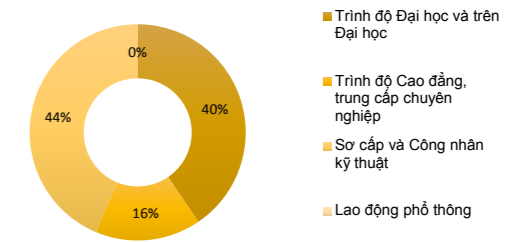


Việc làm (tiếp theo)

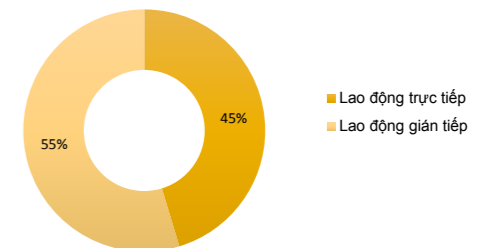
Cơ cấu lao động

Tiêu chí (người)	Số lượng 2017	Số lượng 2018	Tỷ trọng 2018
Theo trình độ lao động	1.310	1.348	100%
Trình độ Đại học và trên Đại học	501	546	40,50%
Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	205	213	15,80%
Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	604	589	43,69%
Lao động phổ thông	-	-	0,00%
Theo đối tượng lao động	1.310	1.348	100%
Lao động trực tiếp	583	611	45,33%
Lao động gián tiếp	727	737	54,67%
Theo giới tính	1.310	1.348	100%
Nam	1082	1.116	82,79%
Nữ	228	232	17,21%
Theo độ tuổi	1.310	1.348	100%
Dưới 25	181	113	8,38%
Từ 25-35	554	567	42,06%

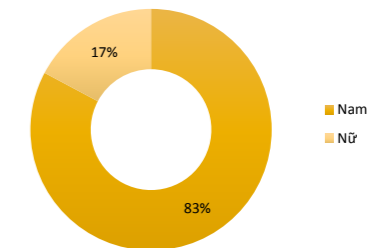
Cơ cấu lao động theo trình độ



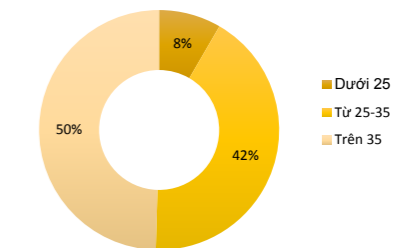
Cơ cấu lao động theo đối tượng



Cơ cấu lao động theo giới tính



Cơ cấu lao động theo độ tuổi



An toàn, sức khỏe và phúc lợi lao động

Đảm bảo an toàn lao động

Để hạn chế tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất và thi công, PC1 xây dựng một quy trình vận hành an toàn cho người lao động theo quy chuẩn của các cơ quan chức năng, tuân thủ đúng quy định về an toàn lao động. Công ty ban hành nội quy về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác thực hiện tại các công trường, tổ chức các khóa học tập, huấn luyện an toàn vệ sinh, phòng chống tai nạn cho người lao động, trang bị bảo hộ lao động như quần áo, nón, giày,... đầy đủ, kịp thời theo tính chất công việc, theo quy định của luật lao động; đầu tư và cải tiến công nghệ trong sản xuất nhằm đảm bảo an toàn cho nhân viên.

Cam kết của PC1

Nguồn nhân lực trong tổ chức của PC1 được xem là tài sản quý giá nhất. PC1 luôn đặt vấn đề an toàn sức khỏe nghề nghiệp và môi trường vào vị trí ưu tiên nhất và xem đây là trách nhiệm của PC1 trong việc đảm bảo rằng các điều kiện làm việc sẽ không ảnh hưởng tới sức khỏe, an toàn của người lao động và không gây nguy hại cho môi trường.

An toàn sức khỏe nghề nghiệp và môi trường được xem là điều kiện tiên quyết cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Không một nhân viên nào của PC1 bị bắt buộc phải làm việc trong môi trường không an toàn.

Chính sách, quy định về an toàn sức khỏe nghề nghiệp

Hệ thống chính sách quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp và môi trường được lập thành văn bản, áp dụng và liên tục cải tiến.

An toàn sức khỏe nghề nghiệp và môi trường tại tất cả các nơi làm việc (công trường, nhà máy, văn phòng...) được thực hiện thông qua việc thiết lập tiêu chuẩn, chính sách và phối hợp với khách hàng và các bên liên quan để áp dụng các quy trình thi công, quy trình sản xuất thích hợp, cam kết tuân thủ các quy định của nhà nước Việt Nam.

An toàn sức khỏe nghề nghiệp và môi trường trong các hoạt động của Công ty được triển khai đồng bộ bằng việc chú trọng biện pháp thi công, sử dụng các thiết bị, máy móc và bằng cách tạo động lực cũng như huấn luyện liên tục toàn bộ nhân viên.



Liên tục cải tiến: yêu cầu tất cả lực lượng lao động tuân thủ chính sách, quy trình, quy định, đánh giá và liên tục cải tiến cách thức thực hiện an toàn lao động và môi trường.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

PC1 xây dựng chính sách lương thưởng dựa trên các tiêu chí: năng lực, hiệu quả công việc, mức độ đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty. CBCNV được xét nâng lương hàng năm đúng quy định và quy chế lương, tùy theo mức độ phức tạp của công việc mà có mức lương tương ứng.

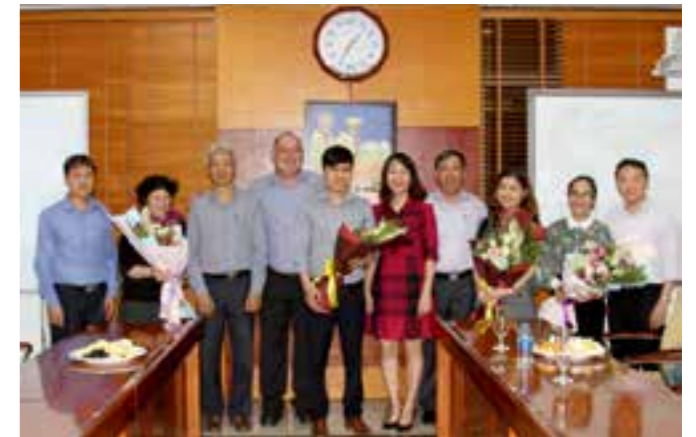
Mọi chế độ phúc lợi, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đều được PC1 thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước. Tiền lương thu nhập ổn định, kịp thời. Chính sách bảo hiểm xã hội, BHYT được duy trì tốt. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ tại các bệnh viện có uy tín cho 100% CBCNV công ty. Ngoài ra, người lao động còn được hưởng các chế độ phúc lợi như thưởng vào các ngày lễ lớn, tham gia các chuyến tham quan du lịch, nghỉ mát...

Thực hiện tốt quy chế dân chủ, Thỏa ước lao động tập thể trong toàn Công ty. Bên cạnh đó, sự quan tâm, hỗ trợ và các chế độ thăm hỏi, ốm đau... được Công ty và công đoàn đặc biệt quan tâm, kịp thời động viên CBCNV hoạn nạn, khó khăn. Mỗi hoạt động, mỗi phong trào đều thể hiện những nét văn hóa riêng của PC1, là sự động viên của Ban lãnh đạo Công ty, khuyến khích mỗi CBCNV nỗ lực phấn đấu vì một PC1 phát triển bền vững.

Đào tạo

PC1 khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực của mình trong công việc. Công ty tổ chức cho CBCNV tham gia các khóa đào tạo, trong đó có đào tạo kỹ thuật ở nước ngoài để cải tiến chất lượng, nâng cao chuyên môn và phát huy tiềm năng sẵn có ở mỗi cá nhân. Trong năm 2018, PC1 đã tổ chức đào tạo nhiều lớp tập trung và các chương trình đào tạo riêng cho các cá nhân đơn vị. Một số chương trình đào tạo năm 2018 với các nội dung sau:

- Thay đổi mô thức lãnh đạo (Leader Mindset) do CTCP Đào tạo phát triển giáo dục TOPPION đào tạo;
- Hướng dẫn xây dựng cơ chế lương 3P
- Đào tạo Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế phiên bản ISO 9001:2015
- Kỹ năng đánh giá nội bộ ISO 9001-2015 do BSI đào tạo;
- Quản lý dự án chuẩn PMI- Viện FMIT - CTCP Đào tạo và tư vấn quốc tế FMIT
- Tiếng anh chuẩn đầu ra TOEIC 500- Trung tâm Tiếng anh AROMA
- Đào tạo và hướng dẫn triển khai chiến lược.



Sự đa dạng và bình đẳng

Không phân biệt đối xử

Mọi người lao động tại PC1 đều được đối xử bình đẳng, không có sự phân biệt về giới tính, dân tộc, màu da, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, tình trạng sức khỏe. PC1 luôn tuân thủ nguyên tắc bình đẳng nam nữ trong tuyển dụng, giao việc, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, nâng lương, quy hoạch, bổ nhiệm... Có thể thấy, bình đẳng giới là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực cũng như các kế hoạch nhân sự hàng năm.

Đảm bảo bình đẳng giới

Công ty cũng chú trọng đến vấn đề bình đẳng giới – bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, với các minh chứng cụ thể như sau:

- Mức lương bình quân của người lao động nữ tương đương với mức lương bình quân của lao động nam.
- Các lao động nữ không gặp bất kỳ rào cản nào trong công việc cũng như phát triển sự nghiệp.
- Định kỳ hàng năm, Công ty có các chương trình dành riêng cho chị em phụ nữ nhân các dịp như Quốc tế phụ nữ 08/03 và Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.



Hoạt động tập thể

Ngoài việc quan tâm đến đời sống vật chất, PC1 luôn chú trọng đến chăm sóc đời sống tinh thần của CBCNV trong công ty. Hàng loạt hoạt động được tổ chức từ thể thao, du lịch, giải trí,... Sau đây là những hoạt động tập thể tiêu biểu do Công ty tổ chức trong năm 2018



Hội thao PC1 2018



Hoạt động tập thể (tiếp theo)



Giao lưu với công đoàn Tổng công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam



Giải bóng đá thủy điện Mông An mở rộng 2018



Du lịch Vinpearl Land

Cộng đồng địa phương

Tài trợ xã hội tỉnh Cao Bằng

Trong các ngày 24 và 25/11/2018, ông Trịnh Văn Tuấn – Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc PC1 đã tham dự sự kiện xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch tại tỉnh Cao Bằng.

Trong bài tham luận tại hội nghị lần này, ông Trịnh Văn Tuấn đã kiến nghị các cấp đặc biệt là tỉnh Cao Bằng cải thiện hơn nữa thủ tục pháp lý đầu tư và hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án mà các doanh nghiệp đang và sẽ đầu tư trong thời gian tới. Tổng Giám đốc PC1 cũng đã cam kết trách nhiệm của Công ty Cổ phần Xây lắp điện I trong quá trình đầu tư dự án cũng như quá trình vận hành an toàn và hiệu quả các nhà máy, cam kết đồng hành lâu dài cùng với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tại hội nghị, PC1 đóng góp 1,2 tỷ đồng cho hoạt động An sinh xã hội của tỉnh Cao Bằng. Trong các năm từ 2014 đến nay, hằng năm PC1 thực hiện tốt công tác An sinh xã hội tại Cao Bằng với mức ủng hộ hàng năm từ vài trăm triệu đến vài tỷ đồng/năm.

Tại Hội nghị xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch Cao Bằng, PC1 đã được trao Giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án lớn sẽ thực hiện trong thời gian tới. Theo kế hoạch đầu tư giai đoạn 1 trong 7 năm từ 2014 đến 2021 của PC1, tổng mức đầu tư giai đoạn 1 cho các dự án tại Cao Bằng là 8.000 tỷ đồng. Trong đó lĩnh vực thủy điện, Công ty phấn đấu hoàn thành 7 nhà máy thủy điện với tổng công suất 190MW, tổng mức đầu tư cho thủy điện là trên 6.000 tỷ. Các dự án thủy điện của Công ty được thi công xây dựng dọc trên dòng sông Gâm và sông Nho Quế thuộc huyện Bảo Lâm, huyện Bảo Lạc – Cao Bằng.



Tài trợ an sinh xã hội tỉnh Cao Bằng 1,2 tỷ đồng

Cộng đồng địa phương (tiếp theo)

Thực hiện chương trình thiện nguyện “ Nâng bước em đến trường” tại Trường Nà Rò, xã Bảo Toàn, Huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 23/03/2018, được sự đồng ý của BLĐ Công ty cổ phần Xây lắp điện I (PC1), BCH Công Đoàn, Đoàn Thanh niên PC1 đã có chuyến đi thiện nguyện ý nghĩa, gửi gắm tình cảm, sẻ chia tấm lòng, tặng quà cho các em học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn điểm Trường Nà Rò, xã Bảo Toàn, Huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

Vượt qua chặng đường dài quanh co hơn 400 cây số, Đoàn đến với điểm trường Nà Rò trong niềm hân hoan, chờ đón. Cảnh tượng đầu tiên hiện ra trước mắt Đoàn là một ngôi trường đang được xây dựng dở dang, phía sân trường ngổn ngang gạch đá, cát sỏi, bùn lầy, cơ sở vật chất nghèo nàn, đơn sơ... Các thành viên trong Đoàn ai nấy không khỏi chạnh lòng, thương cảm với hoàn cảnh thiếu thốn của các em.

Với thông điệp “ Nâng bước em đến trường”, phát huy tinh thần truyền thống tương thân tương ái “lá lành đùm lá rách” của Công ty đối với các em học sinh và thầy cô có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vùng sâu, vùng xa. Đoàn đã trao tặng gần 100 suất quà thiết thực gồm: sách vở, bút, ủng, ô, áo mưa, bánh kẹo... cho nhà trường và các em học sinh.

Đây là nguồn cổ vũ, động viên tinh thần, vật chất để giúp các thầy cô, các em học sinh có điều kiện học tập tốt hơn, góp



phần thực hiện ước mơ, hoài bão của các em trong tương lai.

PC1 là chủ đầu tư của các dự án thủy điện đang triển khai trên địa bàn 2 huyện Bảo Lâm, Bảo Lạc. Trong đó có 3 dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng gồm Thủy điện Bảo Lâm 1, Thủy điện Bảo Lâm 3, Thủy điện Bảo Lâm 3A. Chương trình “Nâng bước em đến trường” là hoạt động từ thiện xã hội được Công ty cổ phần Xây lắp điện I tổ chức thường xuyên, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện trách nhiệm của Công ty với cộng đồng xã hội.

Ngoài ra PC1 còn thực hiện chương trình thiện nguyện “ Nâng bước em đến trường” tại xã Khâu Vải, huyện Mèo Vạc, tỉnh Bắc Giang



Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lê Văn Phúc, phường Cai Lành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 55
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07 - 08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 30
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 55

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
(đã được kiểm toán)

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I tiền thân là Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm được thành lập từ ngày 02/03/1963. Công ty chính thức được cổ phần hóa trở thành Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 07 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 19 tháng 10 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Vũ Văn Từ	Thành viên
Ông Võ Hồng Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đệ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Từ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Đệ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Ánh Dương	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 02/01/2019)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Vũ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trịnh Văn Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019



Số: 270319.010/BCTC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I được lập ngày 25 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 55, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Vũ Xuân Biên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0743-2018-002-1
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thị Nhân
Nguyễn Thị Nhân
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2959-2016-002-1

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MA số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.150.022.692.004	3.093.186.279.977
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	701.280.173.355	567.443.915.134
111	1. Tiền		137.553.458.977	158.242.040.134
112	2. Các khoản tương đương tiền		563.726.714.378	409.201.875.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	90.000.000.000	100.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		90.000.000.000	100.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.551.785.450.653	1.302.166.698.273
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.032.394.818.863	876.196.710.384
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	399.630.701.745	276.602.517.757
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	1.655.000.000	1.655.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	121.337.165.730	151.460.258.726
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.232.235.685)	(3.747.788.594)
140	IV. Hàng tồn kho	10	759.475.370.567	1.085.490.907.212
141	1. Hàng tồn kho		759.475.370.567	1.085.490.907.212
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		47.481.697.429	38.084.759.358
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	3.435.757.372	2.560.869.361
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		44.044.807.296	35.413.911.896
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	1.132.761	109.978.101
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.446.883.370.866	3.120.585.956.203
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.295.573.500	37.744.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	8.295.573.500	37.744.000
220	II. Tài sản cố định		2.530.560.673.102	2.755.397.437.663
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.528.901.750.118	2.754.199.345.142
222	- Nguyên giá		2.953.784.555.189	3.056.368.931.188
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(424.882.805.071)	(302.169.586.046)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	1.658.922.984	1.198.092.521
228	- Nguyên giá		2.072.207.819	1.478.376.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(413.284.835)	(280.283.479)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	170.668.306.680	102.258.924.687
231	- Nguyên giá		195.626.223.128	120.617.951.458
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.957.916.448)	(18.359.026.771)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		442.210.474.227	61.331.708.529
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	442.210.474.227	61.331.708.529

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	96.856.179.877	90.549.997.410
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		93.687.300.942	85.728.227.410
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.321.770.000	4.321.770.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.652.891.065)	-
260	V1. Tài sản dài hạn khác		198.292.163.480	111.010.143.914
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	99.726.614.910	35.619.879.289
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	35	-	2.108.100.000
269	3. Lợi thế thương mại	16	98.565.548.570	73.082.164.625
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.596.906.062.870	6.213.772.236.180

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.317.677.404.756	3.399.779.952.840
310	I. Nợ ngắn hạn		1.740.964.808.403	1.832.794.372.215
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	758.370.202.543	793.696.801.921
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	155.330.934.911	295.301.291.571
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	83.657.579.847	50.066.188.704
314	4. Phải trả người lao động		42.775.331.704	41.045.922.770
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	139.453.399.280	205.846.786.068
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		261.124.118	1.529.612.945
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	55.248.101.261	37.582.941.037
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	415.790.185.025	293.997.080.253
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	12.885.406.401	61.599.873.581
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		77.192.543.313	52.127.873.365
330	II. Nợ dài hạn		1.576.712.596.353	1.566.985.580.625
337	1. Phải trả dài hạn khác	22	1.048.203.506	241.516.269
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	1.553.956.591.681	1.527.129.584.424
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35	11.613.705.190	14.639.705.752
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	23	10.094.095.976	24.974.774.180
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.279.228.658.114	2.813.992.283.340
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	3.279.228.658.114	2.813.992.283.340
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.327.702.940.000	1.154.528.420.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.327.702.940.000	1.154.528.420.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		711.136.556.786	711.136.556.786
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		22.906.800.000	-
415	4. Cổ phiếu quỹ		(4.320.000)	(4.320.000)
416	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		708.285.511	354.142.756
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		99.388.290.758	78.810.312.228
420	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		32.420.124.534	23.130.682.547
421	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		924.983.334.575	716.171.632.480
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		472.840.812.174	479.510.543.690
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		452.142.522.401	236.661.088.790
429	9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		159.986.645.950	129.864.856.543
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.596.906.062.870	6.213.772.236.180

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Phạm Thị Thanh Bình
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng

Trần Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	5.084.421.836.905	3.160.556.015.495
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.084.421.836.905	3.160.556.015.495
11	4. Giá vốn hàng bán	27	4.218.667.947.739	2.679.355.613.403
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		865.753.889.166	481.200.402.091
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	28.419.210.108	10.682.208.251
22	7. Chi phí tài chính	29	150.084.886.599	103.214.805.934
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		147.742.764.402	95.637.929.738
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		4.722.305.941	592.279.403
25	9. Chi phí bán hàng	30	46.926.242.004	(16.514.489.887)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	161.494.624.544	142.600.368.266
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		540.389.652.068	263.174.205.432
31	12. Thu nhập khác	32	46.967.843.168	40.922.282.888
32	13. Chi phí khác	33	7.887.800.863	1.212.777.733
40	14. Lợi nhuận khác		39.080.042.305	39.709.505.155
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		579.469.694.373	302.883.710.587
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	88.786.118.062	48.848.906.901
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35	(717.900.562)	(2.267.072.625)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		491.401.476.874	256.301.876.310
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		466.549.998.401	236.661.088.790
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		24.851.478.473	19.640.787.520
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	3.514	1.782

Phạm Thị Thanh Bình
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng


Trần Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		579.469.694.373	302.883.710.587
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		154.213.426.209	115.292.859.448
03	- Các khoản dự phòng		(62.457.807.228)	(76.876.021.425)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(24.901.495)	(37.935.519)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(29.325.164.868)	(6.669.901.222)
06	- Chi phí lãi vay		147.742.764.402	95.637.929.738
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		789.618.011.393	430.230.641.607
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(245.458.731.553)	(113.187.530.202)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		326.181.045.745	(552.932.889.286)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(142.224.264.561)	228.191.464.553
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		6.688.883.648	(23.087.400.115)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(149.336.724.123)	(77.672.173.576)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(65.975.169.370)	(62.703.602.242)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.338.424.049)	(8.743.104.160)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		513.154.627.130	(179.904.593.421)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(531.462.238.777)	(820.525.360.891)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		3.913.339.311	1.999.156.386
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(42.200.000.000)	(84.655.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		52.200.000.000	4.250.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(43.368.429.318)	(5.962.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.421.535.310
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.814.393.175	8.649.729.035
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(535.102.935.609)	(894.821.940.160)

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		16.710.000.000	518.588.593.468
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(286.992.387)
33	3. Tiền thu từ đi vay		1.811.721.582.654	2.199.846.778.844
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.663.101.470.625)	(1.494.625.603.642)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.570.446.824)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		155.759.665.205	1.223.522.776.283
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		133.811.356.726	148.796.242.702
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		567.443.915.134	418.609.736.913
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		24.901.495	37.935.519
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	701.280.173.355	567.443.915.134

(Handwritten signature)



Phạm Thị Thanh Bình
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng

Trần Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành
phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I tiền thân là Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm được thành lập từ ngày 02/03/1963. Công ty chính thức được cổ phần hóa trở thành Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 07 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 19 tháng 10 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 1.327.702.940.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.327.702.940.000 đồng; tương đương 132.770.294 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Xây lắp điện, Sản xuất Công nghiệp, Kinh doanh bất động sản và sản xuất điện, cụ thể:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình điện, công nghiệp, dân dụng, tư vấn giám sát, đền bù, giải phóng mặt bằng; Tư vấn quản lý dự án thủy điện, quản lý sau đầu tư thủy điện; Quản lý dự án đầu tư bất động sản; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm những nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất điện;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Tư vấn đầu tư;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình; Hàn nối cáp quang, thi nghiệm trước và sau khi hàn nối cáp quang; Thi nghiệm, đo điện trở tiếp địa các công trình điện; Lắp đặt, thi nghiệm; hiệu chỉnh thiết bị điện, đường dây cáp quang;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2018, Dự án Trung tâm thương mại và nhà ở Mỹ Đình Plaza 2 đã hoàn thành và bàn giao cho khách hàng nên doanh thu, giá vốn và lợi nhuận của hoạt động kinh doanh bất động sản tăng. Bên cạnh đó các nhà máy Thủy điện hoạt động hiệu quả khiến cho lợi nhuận gộp từ hoạt động này của Công ty tăng. Cũng trong năm nay, hoạt động kinh doanh hàng hóa tăng trưởng mạnh cũng đóng góp lớn cho sự tăng trưởng doanh thu của Công ty. Tổng thể các lý do trên khiến cho Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty năm nay tăng mạnh so với năm trước.

Mặt khác, trong năm Công ty tiếp tục quyết toán cho nhà cung cấp liên quan đến các gói thầu của các dự án Thủy điện nên số dư trích trước chi phí phải trả, phải trả người bán giảm so với đầu năm.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính, trong năm, Công ty đã thực hiện điều tiết dòng tiền hợp lý, ưu tiên sử dụng nguồn vốn vay từ ngân hàng phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

Cấu trúc tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết	Tỷ lệ cam kết góp	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Đại Mỗ	Phố Chợ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	100%	100%	Xây lắp điện
2	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Hà Nội	Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội	100%	100%	Xây lắp điện
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Miền Nam	Cao ốc An Khang, số 28 Đường 19, Khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây lắp điện
4	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Miền Bắc	Phố Chợ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	100%	100%	Xây lắp điện
5	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Mỹ Đình	Số 138 Trần Bình, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	100%	100%	Xây lắp điện
6	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Từ Liêm	Tổ 19, P. Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%	Xây lắp điện
7	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Hà Đông	Thôn Văn La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội.	100%	100%	Xây lắp điện
8	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Năng Hương	Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội	100%	100%	Dịch vụ
9	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Hoàng Mai	Số 471, đường Nguyễn Tam Trinh, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hoàng Mai, Hà Nội	100%	100%	Xây lắp điện
10	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Ninh Bình	Phường Ninh Thành, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	100%	100%	Xây lắp điện

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết	Tỷ lệ cam kết góp	Hoạt động kinh doanh chính
11	Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Tổ 23, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội	90%	90%	Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan, dịch vụ về mạ; mua bán thép, kẽm, vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép; mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện
12	Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Số nhà 157, Tổ dân phố 16 phường Tân Thanh, Điện Biên Phủ	60%	60%	Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Sản xuất và kinh doanh điện năng
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Thôn Đình Thôn - Mỹ Đình 1 - Quận Nam từ Liêm - Hà Nội	99,39%	99,39%	Đầu tư, kinh doanh bất động sản
14	Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Số 138 Trần Bình, P Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	51%	51%	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
15	Công ty Cổ phần Thủy điện Bảo Lâm	Thôn Nà Pồng, Huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	91,83%	91,83%	Tư vấn quản lý dự án thủy điện, quản lý sau đầu tư thủy điện.
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Lượng Miền Bắc	Thôn Nà Pồng, Huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	82,36%	51%	Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Sản xuất và kinh doanh điện năng.
17	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Số 44 Phố Triệu Khúc, P.Thanh Xuân Nam, Q.Thanh Xuân, Hà Nội	99,39%	99,39%	Đầu tư kinh doanh bất động sản
18	Công ty CP Đầu tư Thương mại Tiến Bộ	Số 1, Ngõ 321 Phố Vĩnh Hưng, P.Thanh Trì, Q.Hoàng Mai, Hà Nội	99,77%	99,77%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

- Công ty có hai công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết	Tỷ lệ theo cam kết góp	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Km5 Đê Thâm Thị Xá Cao Bằng, P. Hợp Giang, Cao Bằng	25,09%	25,09%	Khai thác, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản.
2	Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Khách sạn Tây Giang, Tổ 22, Phường Sông Bằng, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng	33,92%	27,13%	Thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản; Khai thác quặng sắt, Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con:

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

2.4. Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính không quá 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tồn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên hàng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác, bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư và cổ phiếu niêm yết được lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu; khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lằm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06	năm
- Tài sản cố định khác	04 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao	
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
--------------------------	---------	-----

2.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.14. Thuế hoạt động

Thuế hoạt động là loại hình thuế tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuế hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty thực hiện kế toán cho BCC, ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Chi phí của BCC bao gồm cả khoản lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.

2.16. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.17. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.18. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Căn cứ trích trước các công trình thủy điện hoàn thành dựa trên giá trị ước tính theo khối lượng nghiệm thu thực tế trừ đi khoản đã tập hợp chứng từ.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.21. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Dưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Căn cứ trích dự phòng bảo hành công trình dựa vào thống kê công tác bảo hành công trình qua các năm và đánh giá chất lượng công trình của các phòng ban để ước tính mức trích lập dự phòng. Trong trường hợp xét đoán phải trích dự phòng, mức trích lập dự phòng cũng được xem xét phù hợp với nghĩa vụ bảo hành theo điều khoản bảo hành trên hợp đồng (thông thường mức bảo hành từ 3% đến 5% trên doanh thu được xác định chắc chắn, được khách hàng chấp nhận)

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.22. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chun thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.23. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.24. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Căn cứ để hạch toán doanh thu là Quyết toán A-B đối với các công trình đã hoàn thành nghiệm thu bán giao đưa vào sử dụng hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn và Phiếu giá thanh toán A-B đối với các công trình có thời gian thi công dài. Giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình/giá trị thanh toán giai đoạn (không bao gồm thuế GTGT).

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn, chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm Khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.25. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Giá vốn công trình xây lắp: Đối với các công trình xây lắp đã hoàn thành, nghiệm thu bán giao hoặc được chủ đầu tư phê duyệt quyết toán thì toàn bộ chi phí tập hợp cho công trình đó được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Đối với các công trình có thời gian thi công dài mà doanh thu được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận thì giá vốn để xác định kết quả kinh doanh tương ứng với khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản (nếu có) đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

2.26. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.27. Thuế thu nhập doanh nghiệp*a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Ưu đãi thuế

(1): Dự án đầu tư Thủy điện Báo Lám 1, Thủy điện Báo Lám 3, Thủy điện Báo Lám 3A:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 11121/000149 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng cấp ngày 21/08/2013 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 11121/000149/GCNĐC1/11/1 ngày 17/09/2014 cho dự án đầu tư Thủy điện Báo Lám 1; Giấy chứng nhận đầu tư số 11121/000151 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng cấp ngày 21/08/2013 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 11121/000151/GCNĐC1/11/1 ngày 17/09/2014 cho dự án đầu tư Thủy điện Báo Lám 3; Quyết định chủ trương đầu tư số 2548/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng cấp ngày 25/12/2015 cho dự án đầu tư Thủy điện Báo Lám 3A thì ưu đãi đối với các dự án như sau:

- Được hưởng thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời gian 15 năm;
- Được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo;
- Được bù trừ tiền bồi thường giải phóng mặt bằng vào tiền thuế đất phải nộp hàng năm.

Năm 2017 là năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế từ 3 dự án trên. Công ty lựa chọn năm 2017 là năm đầu tiên thực hiện việc miễn giảm thuế cho dự án thủy điện Báo Lám 1, năm 2018 là năm đầu tiên thực hiện việc miễn giảm thuế của dự án thủy điện Báo Lám 3 và thủy điện Báo Lám 3A theo các ưu đãi này.

(2): Dự án đầu tư Thủy điện Trung Thu:

Theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22/06/2015, Công ty Cổ phần Thủy điện Trung thu được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm 2016 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo.

d) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính và hoạt động khác, đối với thu nhập chịu thuế từ hoạt động thủy điện được miễn thuế TNDN phải nộp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.28. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khên thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.29. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phức, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

3. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

3.1 Mua Công ty Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến bộ

Vào ngày 23/08/2018, công ty đã mua 99% cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến bộ, một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100509545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12 tháng 09 năm 2018. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến bộ là dịch vụ cho thuê nhà, đầu tư bất động sản. Tập đoàn mua cho mục đích mở rộng kinh doanh bất động sản.

Giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến bộ vào ngày hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh như sau:

Diễn giải	Giá trị ghi số tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát
	VND
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.045.331
Các khoản phải thu	1.879.803.391
Hàng tồn kho	165.509.100
Tài sản ngắn hạn khác	1.374.486.636
Tài sản cố định hữu hình (thuần)	1.323.414.246
Cộng tài sản	4.774.258.704
Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	199.910.713
Cộng nợ phải trả	199.910.713
Tổng giá trị tài sản thuần	4.574.347.991
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	45.743.480
Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Công ty mẹ (99%)	4.528.604.511
Tổng giá phí của khoản đầu tư này	40.145.058.545
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 16)	35.616.454.034

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Tiền mặt	13.296.066.142	10.294.359.040
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	124.257.392.835	147.947.681.094
- Các khoản tương đương tiền (*)	563.726.714.378	409.201.875.000
	701.280.173.355	567.443.915.134

(*) Tại 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 đến 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 5,5%/năm.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phức, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	90.000.000.000	-	100.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	90.000.000.000	-	100.000.000.000	-
	90.000.000.000	-	100.000.000.000	-

Tại ngày 31/12/2018, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 4 tháng đến 12 tháng, có giá trị 40.000.000.000 VND và 50.000.000.000 VND, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 5,5%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên kết

Địa chỉ	31/12/2018			01/01/2018			
	Tỷ lệ lợi ích / Quyền biểu quyết	Tỷ lệ theo cam kết góp	Giá trị ghi số theo phương pháp Viên chức sốหุ้น VND	Tỷ lệ lợi ích / Quyền biểu quyết	Tỷ lệ theo cam kết góp	Giá trị ghi số theo phương pháp Viên chức sốหุ้น VND	
			VND			VND	
* Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	25,09%	25,09%	56.257.300.942	25,09%	25,09%	51.590.227.410
* Công ty Cổ phần Khương sơn Tân Phát (*)	Cao Bằng	33,92%	27,13%	37.430.000.000	32,84%	27,13%	34.178.000.000
			93.687.300.942			85.728.227.410	

(*) Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I góp vốn bổ sung bằng tiền vào Công ty Cổ phần Khương sơn Tân Phát theo cam kết góp với số tiền là 1.252.000.000 (một tỷ 252 triệu đồng) cổ phần).



Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I Báo cáo tài chính hợp nhất
Số 18 Lý Văn Phức, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ lợi ích và biểu quyết	31/12/2018			01/01/2018		
				Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
				VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) (*)	Hà Nội	82.177	0,00126%	821.770.000	2.826.888.800	-	821.770.000	2.095.513.500	-
- Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaicon	Hải Dương	40.000	10,00%	4.000.000.000	(1.790.546.994)	4.000.000.000	-	-	-
				<u>4.821.770.000</u>	<u>2.826.888.800</u>	<u>(1.790.546.994)</u>	<u>4.821.770.000</u>	<u>2.095.513.500</u>	<u>-</u>

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) là 2.826.888.800 đồng, được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán này trên sàn HoSE tại ngày 29/12/2017 và 29/12/2018.

Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaicon, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I Báo cáo tài chính hợp nhất
Số 18 Lý Văn Phức, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Ban Quản lý dự án các Công trình Điện Miền Bắc	56.221.017.035	-	45.755.720.012	-
- Ban Quản lý dự án các Công trình Điện Miền Nam	29.982.604.929	-	17.543.840.566	-
- Ban Quản lý dự án lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh	26.615.418.323	-	74.052.177.496	-
- Ban Quản lý dự án các Công trình Điện Miền Trung	44.794.365.181	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	51.725.068.436	-	44.846.944.387	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	51.904.875.521	-	38.313.056.018	-
- Văn phòng điều hành ĐAU TIENG	36.617.681.355	-	-	-
- Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	66.433.701.404	-	89.183.953.183	-
- Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	21.600.087.492	-	-	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ điện và Đầu tư Hạ tầng	35.565.770.592	-	-	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo BIM	35.784.740.722	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	575.149.487.873	(662.047.795)	566.501.018.722	(1.177.600.704)
	<u>1.032.394.818.863</u>	<u>(662.047.795)</u>	<u>876.196.710.384</u>	<u>(1.177.600.704)</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>29.270.626.000</u>	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Phát triển Khu Công nghệ Cao Hoà Lạc	-	-	6.531.468.410	-
- Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp (MIE)	24.222.309.650	-	13.330.602.069	-
- Dongfang Electric International Corporation	53.461.137.239	-	11.160.504.591	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 4	17.674.242.008	-	33.287.181.012	-
- Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát	10.701.432.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thông tin (AIT)	18.167.388.185	-	-	-
- Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP	-	-	19.795.464.343	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	275.404.192.663	-	192.497.297.332	-
	399.630.701.745	-	276.602.517.757	-

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Vận tải Vạn Xuân	600.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Quyền lợi	-	-	350.000.000	-
- Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Hùng	1.000.000.000	-	900.000.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	55.000.000	-	405.000.000	-
	1.655.000.000	-	1.655.000.000	-

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.928.728	-	-	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.193.276.711	-	764.777.779	-
- Tạm ứng	34.492.095.501	-	25.270.302.701	-
- Ký cược, ký quỹ	331.908.000	-	8.535.529.500	-
- Phải thu tạm ứng các đội, ban chỉ huy Công trình	21.901.339.588	-	5.284.307.570	-
- Phải thu về tiền tạm ứng chi đến bù	48.209.741.405	-	24.514.549.135	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Mai (*)	-	-	77.863.916.983	-
- Phải thu khác	13.206.875.797	(2.570.187.890)	9.226.875.058	(2.570.187.890)
	121.337.165.730	(2.570.187.890)	151.460.258.726	(2.570.187.890)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	8.295.573.500	-	37.744.000	-
	8.295.573.500	-	37.744.000	-

(*): Đây là khoản ứng trước tương ứng với lợi ích cố định được hưởng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Mai trong Dự án xây dựng Tòa nhà hỗn hợp Trung tâm thương mại, văn phòng, chung cư cao cấp và các chức năng công cộng khác (Dự án Trung tâm thương mại và nhà ở Mỹ Đình Plaza 2) tại thôn Đình Thôn, Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội theo Giấy phép đầu tư số 7665/UBND-KH&ĐT của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 10 năm 2012 trên cơ sở của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2011/HĐHTKD ngày 18/01/2011 và phụ lục VI ngày 20/07/2015 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Mai và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình. Sau khi ứng khoản thụ hưởng trên, Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Mai sẽ không còn bất kỳ quyền lợi gì liên quan đến Dự án trên và phải hoàn thành thủ tục bàn giao, chuyển quyền sử dụng 6.028 m2 đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L117423 (vào sổ số 00426) do UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/12/2000 và Hợp đồng thuê đất số 08-99 ngày 14/05/1999 cho Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình. Trong năm dự án đã hoàn thành và bàn giao, Công ty Cổ phần Địa ốc Mỹ Đình đã tiến hành kết chuyển khoản ứng trước này vào chi phí của công trình và ghi giảm tương ứng số dư công nợ này.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng mua đang đi đường	7.473.091.584	-	9.173.957.631	-
- Nguyên liệu, vật liệu	140.455.430.831	-	110.807.433.756	-
- Công cụ, dụng cụ	710.959.991	-	1.270.131.627	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	478.959.525.897	-	959.624.630.589	-
- Thành phẩm (**)	131.451.516.338	-	1.719.061.719	-
- Hàng hoá	424.845.926	-	2.895.691.890	-
	759.475.370.567		1.085.490.907.212	

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Dự án kinh doanh bất động sản:	124.319.171.907	657.359.168.302
- Khu nhà ở thấp tầng Dự án trung tâm Thương mại và Nhà ở Mỹ Đình - Mỹ Đình Plaza	23.694.214.895	23.694.214.895
- Trung tâm thương mại và nhà ở Mỹ Đình Plaza 2 ⁽¹⁾	-	596.547.877.858
- Dự án PCC1 Thanh Xuân ⁽²⁾	100.007.558.648	37.117.075.549
- Dự án khác	617.398.364	-
Hoạt động xây lắp:	317.951.645.286	275.266.127.157
- Gói 4 Xây lắp ĐZ từ điểm đầu đến G7 - Dự án ĐZ 500 kV Sông Hậu - Đức Hòa	8.553.124.400	-
- Lô 10.1 xây lắp đường dây 500/220kV và mở rộng Trạm biến áp 500kV Hiệp Hòa dự án đường dây 500/220kV Hiệp Hòa - Đống Anh - Bắc Ninh 2	-	5.011.153.581
- Đường dây 220kV Bình Long-Tây Ninh	7.954.046.746	28.444.045
- ĐZ 500kV ND Long Phú - Ô Môn Gói 8 (VT174-CC)	5.615.481.447	3.610.996.043
- Lô 4.1 XL CCCT Cải tạo và nâng cấp ĐZ 220kV Long An - Cai Lậy 2 (Phố Lãm - Cai Lậy 2)	10.568.822.003	3.890.698.159
- Công trình TBA 220kV Cần Đước	1.125.309.232	10.173.925.488
- Gói 8 Lô 8.2 XLDZ từ VT56- Trạm Đức Hòa dự án ĐZ 500kV Mỹ Tho - Đức Hòa	728.998.211	4.166.106.036
- Gói DMS-10 TK CC LĐT TN trạm và ĐZ 110kV thuộc dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	19.112.932.602	-
- EPC Di dời lưới điện qua khu Nhà Bè Metrocity	3.148.431.391	9.238.090.975
- ĐZ 110kV Tuyến cáp ngầm Bến Thành- Suối Tiên	7.900.377.628	7.743.451.314
- Gói 5 Xây lắp ĐZ 220kV Ninh Bình - Nam Định	1.257.932.257	6.261.698.482
- Gói 6 Xây lắp trạm - Dự án Trạm biến áp 220 kV Quỳnh Lưu	15.322.260.004	-
- Gói thầu CP-3 Cấp điện thuộc dự án Phát triển cơ sở hạ tầng khu Công nghệ cao Hòa Lạc	14.052.019.605	2.907.641.123
- Gói NPC-110/QX-G01 KS TK CCVT và TCDA ĐZ và TBA 110kV Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	25.489.331.186	-
- ĐZ và TBA NM phát điện NL mặt trời quang điện Phước Ninh-Thuận Nam-Ninh Thuận DA BIM 250MW Bắc Nam	14.597.088.872	-

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
- Gói CPC-QN.NB-EPC: TK CCTBCN TCXD ĐZ 110kV TBA 220kV Quảng Ngãi - Núi Bút	181.820.994	14.577.606.065
- Gói 3 KS, lắp TKKT, TKBVTC-TDT, CCVTB, XL ĐZ 110kV Nghĩa Lộ - Ba Khe - Cẩm Khê	4.183.253.339	23.598.670.131
- Tư vấn KS, Lắp TKBVTC-TDT, CCVTB, TCXD dự án xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Nông Cống	-	21.563.991.426
- Gói thầu E03: Công tác đấu thầu và thi công cho TBA 110kV 63MVA Dự án điện gió Đầm Nại giai đoạn 2	8.572.212.396	-
- Các công trình khác	169.588.202.973	162.493.654.289
Hoạt động sản xuất công nghiệp:	22.725.560.235	17.989.866.080
- GCCT ĐZ 230kV Hathazari-Sikalbaha (Bangladesh - AG)	9.128.988.303	9.106.014.144
- CCCT TBA 500kV Việt Trì	-	2.625.247.406
- CCCT ĐZ 220kV NĐMT Hòa Hội	4.252.867.732	-
- Các công trình khác	9.343.704.200	6.258.604.530
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác:	13.963.148.469	9.009.469.050
	478.959.525.897	959.624.630.589

(**) Chi tiết thành phẩm:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Dự án kinh doanh bất động sản:	131.451.516.338	1.682.253.719
- Trung tâm thương mại và nhà ở Mỹ Đình Plaza 2 ⁽¹⁾	129.769.262.619	-
- Dự án Hà Đông Complex	1.682.253.719	1.682.253.719
Thành phẩm khác	-	36.808.000
	131.451.516.338	1.719.061.719

(1) Trung tâm thương mại và nhà ở Mỹ Đình Plaza 2 - Dự án tòa nhà hỗn hợp Trung tâm thương mại, văn phòng, chung cư cao cấp, Giấy phép đầu tư số 7665/UBND-KH&ĐT của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 10 năm 2012, đã hoàn thành bàn giao nhà từ quý 2/2018.
Tại ngày 31/12/2018: khoảng 90% khách hàng đã nhận bàn giao nhà từ dự án.

(2) Thông tin chi tiết về dự án PCC1 Thanh Xuân như sau:

- + Mục đích đầu tư: đầu tư tòa nhà hỗn hợp Trung tâm Thương mại và Chung cư cao tầng tại địa chỉ 44 Triều Khúc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- + Quyết định đầu tư: được xây dựng theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1644/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 4 năm 2018.
- + Nguồn vốn thực hiện: dự án có tổng vốn đầu tư khoảng 735,31 tỷ đồng, nguồn vốn chủ sở hữu tối thiểu 20%, nguồn vốn tín dụng và thu tiền theo tiến độ của khách hàng là 80%.
- + Thời gian dự kiến hoàn thành: quý 1/2020.
- + Tiến độ thực tế tại 31/12/2018: hiện nay dự án đang tiến hành đổ sàn tầng 1 và thi công đến tầng 2.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Mua sắm	-	875.660.000
+ Mua sắm dụng cụ thi công xây lắp	-	875.660.000
Xây dựng cơ bản	442.077.916.152	60.374.806.285
+ Dự án thủy điện Mông Ân (1)	379.963.497.868	45.596.304.276
+ Dự án thủy điện Bảo Lạc B (2)	40.404.633.919	9.881.306.354
+ Dự án thủy điện Sông Nhiệm 4 (3)	9.899.215.594	4.505.835.835
+ Dự án Nhà máy Thủy điện Nặm Pô 5 (4)	7.355.186.817	19.220.000
+ Dự án khác	4.455.381.954	372.139.820
Sửa chữa lớn	132.558.075	81.242.244
+ Công trình khác	132.558.075	81.242.244
	442.210.474.227	61.331.708.529

Thông tin chi tiết về các dự án thủy điện cụ thể như sau:

(1) Thông tin chi tiết về Dự án Thủy điện Mông Ân cụ thể như sau:

+ Quyết định đầu tư số 2019/QĐ-UBND tỉnh Cao Bằng ngày 30/10/2015, và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 259/QĐ-UBND tỉnh Cao Bằng ngày 10/03/2017.

+ Mục tiêu đầu tư: xây dựng nhà máy thủy điện với công suất 30MW.

+ Tổng mức đầu tư 916 tỷ, khởi công quý 3/2017, dự kiến hoàn thành vào quý 3/2019.

+ Nguồn vốn thực hiện dự án: 30% vốn tự có, 70% từ nguồn vốn vay ngân hàng.

+ Đến thời điểm 31/12/2018 dự án đang ở giai đoạn thi công các hạng mục xây dựng và mua sắm thiết bị...

(2) Thông tin chi tiết về Dự án Thủy điện Bảo Lạc B cụ thể như sau:

+ Quyết định chủ trương đầu tư số 100/QĐ-UBND ngày 01-02-2018 do UBND tỉnh Cao Bằng cấp.

+ Mục tiêu đầu tư: xây dựng nhà máy thủy điện với công suất 18MW.

+ Tổng mức đầu tư 592 tỷ, đã khởi công trong năm 2018, dự kiến hoàn thành quý 4/2019.

+ Nguồn vốn thực hiện dự án: 30% vốn tự có, 70% từ nguồn vốn vay ngân hàng.

+ Đến thời điểm 31/12/2018 dự án đang ở giai đoạn thi công các hạng mục xây dựng và mua sắm thiết bị.

(3) Thông tin chi tiết về Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 4 cụ thể như sau:

+ Quyết định chấp thuận thực hiện dự án đầu tư số 1529/QĐ-UBND ngày 20-07-2018 do UBND tỉnh Hà Giang cấp.

+ Mục tiêu đầu tư: xây dựng nhà máy thủy điện với công suất 6 MW.

+ Tổng mức đầu tư 196 tỷ, đã khởi công trong quý 4/2018, dự kiến hoàn thành quý 3/2020.

+ Nguồn vốn thực hiện dự án: 30% vốn tự có, 70% từ nguồn vốn vay ngân hàng.

+ Đến thời điểm 31/12/2018 dự án đang bắt đầu triển khai các hạng mục xây dựng.

(4) Thông tin chi tiết về Dự án nhà máy thủy điện Nặm Pô 5 cụ thể như sau:

+ Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-THC-HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Trung thu ngày 01/11/2017 về việc thông qua chủ trương thực hiện Dự án Thủy điện Nặm Pô 5 tại xã Chà Tô, huyện Nặm Pô, tỉnh Điện Biên.

+ Quy mô dự án: xây dựng nhà máy thủy điện với công suất là 18MW.

+ Đến thời điểm 31/12/2018, dự án đang trong quá trình thực hiện giai đoạn 1 bao gồm: tư vấn khảo sát, tư vấn bổ sung quy hoạch, tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi...

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

12. TÀI SẢN CÓ DÍNH HỮU HÌNH

	Nhà cái, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCD khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.591.191.382.338	1.301.323.804.287	152.437.098.228	10.419.868.474	797.557.849	3.056.268.931.188
- Mua trong năm	2.194.127.036	8.800.894.000	3.748.226.481	757.701.247	-	15.508.948.764
- Đào tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.153.078.199	-	-	-	-	10.153.078.199
- Phân loại lại	-	401.592.296	-	-	-	401.592.296
- Tăng do hợp nhất	-	1.370.918.246	-	40.199.852	-	1.411.118.098
- Thanh lý, nhượng bán	(7.189.325.029)	(9.247.748.803)	(4.756.167.071)	(481.979.505)	-	(21.675.220.358)
- Điều chỉnh khác	5.635.367.068	(5.155.442.454)	(3.169.104.623)	32.966.190	-	(1.858.213.819)
- Tăng/giảm do quyết toán dự án	(59.158.187.883)	(60.658.805.677)	13.096.522.471	-	-	(106.719.671.089)
Số dư cuối năm (*)	1.542.826.443.651	1.236.035.221.895	163.356.575.536	10.768.756.258	797.557.849	2.953.784.558.189
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	88.071.355.612	161.122.915.232	47.707.736.358	6.633.837.268	633.741.556	302.169.586.046
- Khấu hao trong năm	50.379.337.836	68.566.125.681	17.392.042.509	1.092.826.358	58.928.627	137.639.261.011
- Phân loại lại	-	160.636.919	-	-	-	160.636.919
- Tăng do hợp nhất	-	47.504.000	-	40.199.852	-	87.703.852
- Thanh lý, nhượng bán	(4.533.416.817)	(5.470.297.335)	(3.733.060.936)	(11.314.006)	-	(13.748.089.094)
- Điều chỉnh khác	5.394.272.524	(5.631.083.249)	(1.172.161.433)	(67.321.465)	-	(1.476.293.663)
Số dư cuối năm	137.911.549.155	218.795.801.248	60.194.556.458	7.688.228.007	692.670.183	424.882.805.071
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.305.120.026.726	1.140.200.889.055	104.729.361.870	3.786.031.206	163.816.293	2.754.199.345.142
Tại ngày cuối năm	1.405.314.894.496	1.017.239.420.647	103.162.019.078	3.080.528.251	104.887.666	2.528.981.758.118

33

10/2/2019

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(*) Tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các nhà máy thủy điện sau:
- Nhà máy Thủy điện Bào Lân 1, hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 11121000149 do UBND Tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 21/08/2013, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 17/09/2014, công suất 30MW, đã khánh thành và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 08/01/2017. Giá trị tài sản tạm tính tại ngày 01/01/2018 là 758.584.753.193 đồng, trong năm điều chỉnh giảm so với quyết toán là 54.444.941.525 đồng, bổ sung tăng 519.075.000 đồng. Giá trị tài sản Nhà máy thủy điện Bào Lân 1 đã được điều chỉnh theo Quyết toán dự án, nguyên giá trên sổ kế toán tại ngày 31/12/2018 là 704.638.836.668 đồng.
- Dự án Thủy điện Bào Lân 3 hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 11121000133 do UBND Tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 21/08/2013, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 17/09/2014, công suất 46MW, đã khánh thành và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 15/11/2017. Giá trị tài sản tạm tính là 873.684.292.250 đồng, bổ sung tăng tài sản là nhà quản lý vận hành thủy điện Bào Lân 3 trong năm 2018 là 7.463.423.960 đồng nên tổng giá trị tài sản nhà máy thủy điện Bào Lân 3 tạm tính tại 31/12/2018 là 881.147.716.210 đồng căn cứ vào chỉ phí phát sinh và dự kiến quyết toán của các gói thầu.
- Dự án Thủy điện Bào Lân 3A hoạt động theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2548 do UBND Tỉnh Cao Bằng cấp ngày 25/12/2015, công suất 98MW, đã khánh thành và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 15/11/2017. Giá trị tài sản tạm tính là 272.089.292.943 đồng căn cứ vào chỉ phí phát sinh và dự kiến quyết toán của các gói thầu.
- Dự án Thủy điện Trung Thu được hình thành theo Quyết định số 1883/QĐ-BTC ngày 15/04/2009 của Bộ Công thương và Giấy chứng nhận đầu tư của UBND tỉnh Điện Biên cấp ngày 10/02/2010 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 24/05/2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu (Công ty con của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I - PCCI), công suất 29,6 MW, đã khánh thành và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 18/11/2016. Giá trị tài sản tạm tính là 834.874.380.011 đồng, trong năm điều chỉnh giảm so với quyết toán là 52.274.729.564 đồng. Giá trị tài sản Nhà máy thủy điện Trung Thu theo Quyết toán dự án là 780.899.000.447 đồng.

Trong đó:
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã đăng ký chấp, sẵn có đảm bảo vào khoản vay: 2.444.494.231.085 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 140.036.041.033 VND.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.108.070.000	370.306.000	1.478.376.000
- Mua trong năm	-	643.831.819	643.831.819
- Giảm khác	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Số dư cuối năm	1.108.070.000	964.137.819	2.072.207.819
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	280.283.479	280.283.479
- Khấu hao trong năm	-	134.188.571	134.188.571
- Giảm khác	-	(1.187.215)	(1.187.215)
Số dư cuối năm	-	413.284.835	413.284.835
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.108.070.000	90.022.521	1.198.092.521
Tại ngày cuối năm	1.108.070.000	550.852.984	1.658.922.984

(*) Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn tại thôn Yên Khê, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm với tổng diện tích 122,6 m2 đang được sử dụng làm một phần Nhà máy Chế tạo Kết cấu thép Yên Thường với nguyên giá là 1.108.070.000 VND.

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 279.286.000 VND.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I Báo cáo tài chính hợp nhất
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Chung cư Năng Hương	Chung cư Mỹ Đình plaza	Chung cư PCCI 181 Đông Complex	Chung cư Mỹ Đình plaza 2	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.076.525.175	85.271.905.313	24.269.520.970	-	120.617.951.458
- Đều tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	75.008.271.670	75.008.271.670
Số dư cuối năm	11.076.525.175	85.271.905.313	24.269.520.970	75.008.271.670	195.626.223.128
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.904.283.279	13.994.582.728	1.460.160.764	-	18.359.026.771
- Khắc hao trong năm	398.779.182	3.729.164.227	970.780.835	1.500.165.433	6.598.889.677
Số dư cuối năm	3.303.062.461	17.723.746.955	2.430.941.599	1.500.165.433	24.957.916.448
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	8.172.241.896	71.277.322.585	22.809.360.206	-	102.258.934.687
Tại ngày cuối năm	7.773.462.714	67.548.158.358	21.838.579.371	73.508.106.237	170.668.306.680

36

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I Báo cáo tài chính hợp nhất
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.293.513.105	1.308.002.414
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.142.244.267	1.252.866.947
	3.435.757.372	2.560.869.361
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.273.646.435	6.694.613.926
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	4.320.853.181	2.873.983.531
- Thuê đất trả trước nhiều năm	91.208.137	147.405.109
- Chi phí giải phóng mặt bằng các Nhà máy Thủy điện (*)	90.346.012.978	21.629.190.232
- Chi phí trả trước dài hạn khác	694.894.179	4.274.686.491
	99.726.614.910	35.619.879.289

(*): Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1,3,3A được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế tỉnh Cao Bằng cụ thể như sau:

- Công trình Thủy điện Bảo Lâm 1, theo Thông báo số 192/TB-CT ngày 24/11/2016, tổng số tiền được trừ là 11.413.476.782 đồng;
 - Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3, theo Thông báo số 849/TB-CT ngày 21/08/2017, tổng số tiền được trừ là 10.061.418.000 đồng;
 - Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3A, theo Thông báo số 798/TB-CT ngày 07/08/2017, tổng số tiền được trừ là 668.410.942 đồng;
 - Công trình Thủy điện Trung Thu tổng số tiền giải phóng mặt bằng là 70.790.693.435 đồng;
- Tiền thuê đất đã được bù trừ trong năm là: 2.073.870.689 đồng, chi phí giải phóng mặt bằng của các công trình nêu trên còn được bù trừ với tiền thuê đất các năm tiếp theo tại ngày 31/12/2018 là 90.346.012.978 đồng

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Số dư đầu năm	73.082.164.625	81.434.412.011
- Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong năm	35.616.454.034	
- Giá trị lợi thế thương mại phân bổ trong năm	(10.133.070.089)	(8.352.247.386)
Số dư cuối năm	98.565.548.570	73.082.164.625

37

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I Báo cáo tài chính hợp nhất
Số 18 Lý Văn Phức, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

17. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	169.921.963.132	169.921.963.132	1.475.220.873.917	1.234.435.770.396	370.706.266.653	370.706.266.653
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	124.075.117.121	124.075.117.121	304.674.501.480	383.665.700.229	45.083.918.372	45.083.918.372
	293.997.080.253	293.997.080.253	1.779.894.575.397	1.658.101.470.625	415.790.185.025	415.790.185.025
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	1.651.204.701.545	1.651.204.701.545	336.501.508.737	388.665.700.229	1.599.040.510.053	1.599.040.510.053
	1.651.204.701.545	1.651.204.701.545	336.501.508.737	388.665.700.229	1.599.040.510.053	1.599.040.510.053
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(124.075.117.121)	(124.075.117.121)	(304.674.501.480)	(383.665.700.229)	(45.083.918.372)	(45.083.918.372)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.527.129.584.424	1.527.129.584.424			1.553.956.591.681	1.553.956.591.681

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

	Loại tiền	Kỳ hạn	Hình thức đảm bảo	31/12/2018		01/01/2018	
				VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	Dưới 12 tháng	Tin chấp	31.246.247.334	34.586.882.791		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	Dưới 12 tháng	Tin chấp	250.197.566.207	87.147.811.745		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	9 tháng	Tin chấp	54.617.970.924	39.079.722.651		
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	Dưới 12 tháng	Tin chấp	8.245.418.819	-		
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	VND	3-6 tháng	Tin chấp	14.560.063.169	1.195.943.945		
Đối tượng khác	VND	Dưới 12 tháng	Tin chấp	11.843.000.000	7.920.600.000		
				370.706.266.653	169.921.963.132		

38

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I Báo cáo tài chính hợp nhất
Số 18 Lý Văn Phức, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	31/12/2018		01/01/2018	
					VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	Tổng tài sản bảo đảm với khoản vay ngắn hạn 12 tháng và bảo độ	180 tháng kể từ ngày giải ngân	Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Bảo Lâm 3	353.500.000.000		364.590.366.669	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	Lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ chương trình phát triển Năng lượng tái tạo (HEDP) của WII và bảo độ	180 tháng kể từ ngày giải ngân	Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Trung Thu	493.768.000.000		549.878.000.000	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ chương trình phát triển Năng lượng tái tạo (HEDP) của WII và bảo độ	180 tháng kể từ ngày giải ngân	Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Bản Lầm 1	504.168.395.700		518.806.344.822	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Tổng tài sản bảo đảm với khoản vay ngắn hạn 12 tháng và bảo độ	14 năm kể từ ngày giải ngân và không quá 31/12/2031	Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Mông Ân	177.987.193.062		63.027.373.676	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Tổng tài sản bảo đảm với khoản vay ngắn hạn 12 tháng và bảo độ	180 tháng kể từ ngày giải ngân	Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 A	69.339.170.283		4.612.343.854	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	8,0%	60 tháng kể từ ngày giải ngân	Đảm bảo bằng dòng tiền dự án bất động sản	-		149.496.803.144	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	VND	Lãi suất linh hoạt	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Tài sản hình thành từ khoản vay	277.551.008		473.469.380	
Đối tượng khác	VND	10,50%	18 tháng kể từ ngày giải ngân	Tin chấp	-		328.000.000	
					1.399.040.510.053		1.651.204.701.545	
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(45.083.918.372)		(124.075.117.121)	
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					1.553.956.591.681		1.527.129.584.424	

39

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Tianjin Tianfa Heavy Machinery & Hydropower Equipment Manufacture	7.411.506.518	7.411.506.518	38.517.707.854	38.517.707.854
- Công ty Cổ phần Sông Đà 5	23.721.431.636	23.721.431.636	52.784.540.616	52.784.540.616
- Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP	-	-	84.387.502.100	84.387.502.100
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ricons	70.200.323.350	70.200.323.350	111.439.391.189	111.439.391.189
- Công ty TNHH TM Đức Giang	50.508.018.610	50.508.018.610	-	-
- Công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Việt Phát	71.961.445.345	71.961.445.345	-	-
- Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp-CTCP	26.812.839.068	26.812.839.068	-	-
- Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Thiết bị Năng lực Hoàng Anh	24.347.766.330	24.347.766.330	-	-
- Phải trả các đối tượng	483.406.871.686	483.406.871.686	506.567.660.162	506.567.660.162
	758.370.202.543	758.370.202.543	793.696.801.921	793.696.801.921

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Người mua trả tiền trước chi tiết theo đối tượng		
- Ban quản lý dự án các Công trình Điện Miền Trung	27.030.938.010	4.149.182.906
- Ban quản lý dự án Phát triển Cơ sở Hạ tầng Khu công nghệ cao Hòa Lạc	-	8.696.334.360
- Ban quản lý dự án lưới điện	9.496.448.106	-
- Ban quản lý dự án Lưới điện Miền Trung	-	13.353.796.337
- Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Mỹ Sơn - Hoàn Lạc Việt	27.400.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim	15.704.155.345	-
- Người mua trả tiền trước tại dự án Mỹ đình Plaza 2	-	230.720.071.400
- Công ty AG Ajikawa Corporation	9.176.662.560	9.176.662.560
- Người mua trả tiền trước khác	66.522.730.890	29.205.244.008
	155.330.934.911	295.301.291.571

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Điều chỉnh khác (*)	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	12.018.763.231	99.340.721.312	91.230.178.128	-	-	20.129.306.415
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	60.963.744	55.228.467.764	88.786.118.062	65.975.169.370	265.405.808	-	58.243.858.520
Thuế Thu nhập cá nhân	39.383.361	362.814.860	3.004.919.264,00	2.725.745.938,00	-	1.132.761	803.737.586
Thuế Tài nguyên	-	1.383.107.508	37.598.470.481,00	36.797.722.651,00	-	-	2.183.855.258,00
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	9.630.996	-	4.400.701.877,00	4.391.070.881,00	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	732.805.844,00	732.805.844,00	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	873.035.341	18.733.416.860,00	17.309.630.133,00	-	-	2.296.822.008
	109.978.101	50.964.188.704	252.597.153.620	219.162.322.945	265.405.808	1.132.761	83.657.579.847

Quyết toán thuế của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay tại các Công ty con.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

- Chi phí lãi vay vốn hóa
- Chi phí lãi vay
- Chi phí trích trước các công trình xây lắp và sản xuất công nghiệp
- Chi phí trích trước công trình thủy điện đã hoàn thành
- Trích trước chi phí liên quan đến hàng hóa bất động sản
- Chi phí vận chuyển
- Chi phí nguyên vật liệu
- Chi phí phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
	-	1.248.658.456
	16.429.902.768	18.023.862.489
	3.812.086.923	11.705.762.186
	72.659.355.817	172.491.251.055
	6.701.170.760	-
	4.954.308.739	581.182.139
	30.058.687.313	706.660.987
	4.837.350.120	1.089.408.756
	139.453.399.280	205.846.786.068

22. PHẢI TRẢ KHÁC

- a) Ngắn hạn**
- Kinh phí công đoàn
 - Bảo hiểm xã hội
 - Bảo hiểm y tế
 - Bảo hiểm thất nghiệp
 - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn
 - Phải trả các đội xây lắp, Ban chỉ huy công trình
 - Phải trả tiền bảo tri dự án bất động sản
 - Phải trả tiền GPMB nhận từ chủ đầu tư chưa quyết toán
 - Các khoản phải trả, phải nộp khác
- b) Dài hạn**
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
	1.660.407.727	1.480.917.585
	678.583.927	1.051.754.625
	75.270.230	133.436.826
	39.735.703	60.183.098
	3.473.178.589	3.015.559.121
	5.096.364.465	6.530.741.679
	36.144.911.389	14.308.512.538
	1.114.668.868	1.901.043.183
	6.964.980.363	9.100.792.382
	55.248.101.261	37.582.941.037
	1.048.203.506	241.516.269
	1.048.203.506	241.516.269

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

- a) Ngắn hạn**
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa
 - Dự phòng bảo hành công trình xây dựng
- b) Dài hạn**
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa
 - Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
	6.689.128.783	19.020.708.217
	6.196.277.618	42.579.165.364
	12.885.406.401	61.599.873.581
	2.832.417.263	9.585.025.330
	7.261.678.713	15.389.748.850
	10.094.095.976	24.974.774.180

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

34. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đổi chiếu giữa đồng của chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi tích lũy khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (***)	752.629.140.000	209.631.183.218	-	(4.328.000)	432.841.346	56.798.473.123	13.684.934.477	744.936.664.300	364.979.236.219	2.962.674.832.643
Tăng vốn trong năm trước (**)	176.111.220.000	312.220.440.000	-	-	-	-	-	-	6.093.740.700	534.435.401.700
Giảm do thanh lý Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(286.912.347)	(286.912.347)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	236.661.888.700	39.649.787.520	276.311.676.220
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	225.794.040.000	-	-	-	-	-	-	(225.794.040.000)	-	-
Phân phối lợi nhuận trong năm:	-	-	-	-	22.028.122.101	9.445.748.878	-	(27.054.152.999)	(43.497.910)	(38.225.240.780)
Trích quỹ đầu tư phân phối	-	-	-	-	22.028.122.101	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(22.435.717.114)	(43.497.910)	(22.462.221.094)
Trích quỹ thưởng theo đầu hình	-	-	-	-	-	-	-	(3.743.147.740)	-	(3.743.147.740)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn đầu tư	-	-	-	-	-	-	8.447.748.878	(8.447.748.878)	-	-
Phí phát hành cổ phiếu	-	(10.723.046.532)	-	-	-	-	-	-	-	(10.723.046.532)
Báo lãi vẫn tại Công ty con	-	-	-	-	-	(78.498.346)	-	-	-	(78.498.346)
Giảm khác:	-	-	-	-	-	(16.677.000)	-	(1.987.937.461)	(12.436.133)	(21.117.511.230)
Số dư cuối năm trước	1.154.528.428.000	711.124.586.786	-	(4.328.000)	354.142.756	78.808.312.228	23.130.682.847	716.171.432.480	129.864.866.842	2.813.992.265.348
Số dư đầu năm nay	1.154.528.428.000	711.124.586.786	-	(4.328.000)	354.142.756	78.808.312.228	23.130.682.847	716.171.432.480	129.864.866.842	2.813.992.265.348
Tăng vốn trong năm nay	-	-	22.966.800.000	-	-	-	-	-	16.730.800.000	39.716.800.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	446.549.908.403	34.871.478.473	481.421.386.876
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con (*)	173.174.510.000	-	-	-	-	18.176.968.854	9.188.484.427	(219.116.942.137)	-	(18.376.968.854)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	173.174.510.000	-	-	-	-	-	-	(173.174.510.000)	-	-
Trích quỹ đầu tư phân phối	-	-	-	-	-	18.176.968.854	-	-	-	18.176.968.854
Trích quỹ ETP, Allow thường theo đầu hình	-	-	-	-	-	-	-	(18.176.968.854)	-	(18.176.968.854)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn đầu tư	-	-	-	-	-	-	9.188.484.427	(9.188.484.427)	-	-
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	-	-	-	2.287.266.676	186.917.540	(38.802.937.178)	(11.430.148.841)	(47.349.418.803)
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2017	-	-	-	-	-	-	-	(22.966.800.000)	(1.447.473.624)	(24.414.273.624)
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2018	-	-	-	-	-	-	-	(8.224.971.000)	(8,124.971.000)	(16,349.942.000)
Trích quỹ tại công ty con từ lợi nhuận 2017	-	-	-	-	2.287.266.676	-	186.917.540	(12.876.137.770)	(669.762.841)	(10,872,172,841)
Trích quỹ tại công ty con từ lợi nhuận 2018	-	-	-	-	-	-	-	(2.228.000.000)	(2,488,000,000)	(4,716,000,000)
Giảm khác:	-	-	-	-	334.542.719	(5,790,000)	-	(618,416,393)	(41,235,774)	(312,230,842)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	-	-	36,715,573	36,715,573
Số dư cuối năm nay	1.327.702.948.000	734.124.586.786	22,966,800,000	(4,328,000)	388,285,511	99,308,298,758	33,420,124,524	924,883,314,876	186,586,646,966	3,279,228,698,114

(*) Vốn phân phối lợi nhuận năm 2017 được thanh toán theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ-PCCC-DHKK2017 ngày 26/04/2018.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

(**) Trong năm 2017, thực hiện Nghị quyết số 31/PCC1-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 09 năm 2017, Công ty đã hoàn thành đợt chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư tài chính.

Số lượng cổ phần đã phát hành thêm là 17.611.522 cổ phần, tương ứng với tổng vốn điều lệ tăng thêm là 176.115.220.000 đồng. Tổng số tiền thu ròng từ việc chào bán cổ phiếu: 517.620.593.468 đồng.

Tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2018, Đại hội thông qua việc thay đổi mục đích sử dụng vốn từ đợt phát hành chào bán riêng lẻ năm 2017 từ hình thức PCC1 đầu tư trực tiếp dự án Thủy điện Mông Ân, chuyển sang góp vốn chi phi phối vào Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Lượng Miền Bắc, đảm bảo đầu tư dự án hiệu quả hơn. Đồng thời, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty sử dụng nguồn vốn còn dư do việc giảm tỷ lệ sở hữu tại dự án Mông Ân vào mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư dự án khác, trên nguyên tắc đảm bảo an toàn và tăng hiệu quả sử dụng vốn.

Trên cơ sở đó, ngày 28/9/2018 Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 39/NQ-PCC1-HĐQT thay đổi mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành này cho phù hợp với thực tế khi dự án Thủy điện Mông Ân được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc.

Đến ngày 31/12/2018, số vốn huy động từ đợt phát hành đã sử dụng như sau:

+ Đầu tư dự án thủy điện Mông Ân là 78.030.000.000 đồng thông qua việc đầu tư vào Công ty con thực hiện dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc.

+ Đầu tư dự án thủy điện Bảo Lạc B 83.757.637.562 đồng, dùng để tạm ứng và thanh toán các gói mua sắm thiết bị, xây dựng.

+ Đầu tư dự án bất động sản PCC1 Thanh Xuân là 199.877.121.947 đồng thông qua việc đầu tư vào Công ty con thực hiện dự án: Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình.

Số vốn huy động đã được sử dụng đến 31/12/2018 là 361.664.759.509 đồng, số vốn này được sử dụng đúng với mục đích huy động vốn đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

(***) Trong năm 2016, thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-PCC1-ĐHĐCĐ ngày 19/08/2016 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã hoàn thành đợt chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược. Số lượng cổ phần đã phát hành thêm là 11.480.718 cổ phần, tương ứng với tổng số vốn điều lệ tăng thêm là 114.807.180.000 đồng (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu). Tổng giá trị vốn huy động ròng từ đợt phát hành là 378.793.694.000 đồng. Số tiền thu được từ đợt phát hành được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án thủy điện Bảo Lâm 3. Đến ngày 31/12/2018, số vốn huy động được từ đợt phát hành này đã sử dụng đúng với mục đích huy động vốn ban đầu là 378.793.694.000 đồng.

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.154.528.420.000	752.629.140.000
- Vốn góp tăng trong năm	173.174.520.000	401.899.280.000
- Vốn góp cuối năm	1.327.702.940.000	1.154.528.420.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	173.174.520.000	225.784.060.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	173.174.520.000	225.784.060.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	(173.174.520.000)	(225.784.060.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(173.174.520.000)	(225.784.060.000)
- Số dư cuối năm	-	-

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

c) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	132.770.294	115.452.842
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	132.770.294	115.452.842
- Cổ phiếu phổ thông	132.770.294	115.452.842
Số lượng cổ phiếu được mua lại	432	432
- Cổ phiếu phổ thông	432	432
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	132.769.862	115.452.410
- Cổ phiếu phổ thông	132.769.862	115.452.410
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Các quỹ Công ty

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	99.388.290.758	78.810.312.228
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	32.420.124.534	23.130.682.547
	131.808.415.292	101.940.994.775

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2018, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
- Từ 1 năm trở xuống	14.200.502.318	15.734.875.112
- Trên 1 năm đến 5 năm	22.485.760.732	18.781.645.370
	36.686.263.050	34.516.520.482

b) Tài sản thuê ngoài

Tên lô đất/Địa điểm lô đất	Diện tích thuê	Thời gian thuê	Mục đích thuê	Tiền thuê đất phải trả 2018	Ghi chú
Khu đất tại số 18 Lý Văn Phúc - P.Cát Linh - Q.Đống Đa- Hà Nội	510 m ²	50 năm	Trụ sở làm việc	184.080.420	Đơn giá ổn định 5 năm/lần
Khu đất tại xã Yên Thường- Huyện Gia Lâm - Hà Nội	9.629 m ²	Hàng năm	Trụ sở làm việc	433.989.325	Trả tiền thuê đất hàng năm
Khu đất Phường Phương Canh- Q. Nam Từ Liêm- Hà Nội	6.475 m ²	50 năm	Trụ sở làm việc	555.855.000	Đơn giá ổn định 5 năm/lần
Khu đất Phường Đồng Ngạc- Q.Bắc Từ Liêm- Hà Nội	2.903 m ²	25 năm	Trụ sở làm việc	256.136.200	Đơn giá ổn định 5 năm/lần
Khu đất Phường Mỹ Đình 2- Q. Nam Từ Liêm- Hà Nội	3.334 m ²	50 năm	Bãi đỗ xe, công trình công cộng	718.574.362	Đơn giá ổn định 5 năm/lần
Khu đất Phường Phú Lãm- Q. Hà Đông- Hà Nội	812,5 m ²	25 năm	Trụ sở làm việc	40.737.034	Đơn giá ổn định 5 năm/lần

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Tên lô đất/Địa điểm lô đất	Diện tích thuê	Thời gian thuê	Mục đích thuê	Tiền thuê đất phải trả 2018	Ghi chú
Khu đất tại xã Mai Sơn- Yên Mô- Ninh Bình	2505 m ²	33 năm	Trụ sở làm việc	42.296.000	Đơn giá ổn định 5 năm/lần
Khu đất Tại Phường Tân Thanh- TP Ninh Bình	2.887 m ²	Hàng năm	Trụ sở làm việc	48.738.000	Trả tiền thuê đất hàng năm
Khu đất tại đường Nguyễn Tam Trinh- Q. Hoàng Mai- Hà Nội	961 m ²	Hàng năm	Trụ sở làm việc	128.644.266	Trả tiền thuê đất hàng năm
Khu đất tại xã Đại Mỗ- Q. Nam Từ Liêm- Hà Nội	3.274 m ²	Lâu dài	Trụ sở làm việc	331.712.701	Đơn giá ổn định 5 năm/lần
Khu đất Phường Phú La- Q. Hà Đông- Hà Nội	1.193 m ²	Hàng năm	Trụ sở làm việc	113.074.568	Trả tiền thuê đất hàng năm
c) Ngoại tệ các loại (USD)				13.141,22	15.655,92
d) Nợ khó đòi đã xử lý				13.659.646.137	13.659.646.137
<i>Công ty AG Ajikawa Corporation</i>				<i>12.373.726.137</i>	<i>12.373.726.137</i>
<i>Các đối tượng khác</i>				<i>1.285.920.000</i>	<i>1.285.920.000</i>

26. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.730.664.054.934	1.700.440.306.186
Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp	498.868.808.529	375.625.465.285
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	14.124.213.215	11.910.644.498
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	954.485.096.946	3.465.775.328
Doanh thu mua bán điện	559.423.054.774	279.396.332.318
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	1.254.390.183.750	722.571.770.335
Doanh thu khác	72.466.424.757	67.145.721.545
	5.084.421.836.905	3.160.556.015.495
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	65.466.955.200	9.211.217.600

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.559.030.989.531	1.467.694.615.123
Giá vốn hoạt động sản xuất công nghiệp	467.239.814.459	340.772.826.797
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	6.193.398.513	4.374.056.841
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	695.092.869.585	3.852.897.896
Giá vốn mua bán điện	210.235.303.799	116.875.496.918
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.218.829.483.293	697.183.775.892
Giá vốn khác	62.046.088.559	48.867.131.663
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(265.187.726)
	4.218.667.947.739	2.679.355.613.403

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	28.242.892.107	9.266.983.208
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	71.968.050
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	116.933.686	1.305.321.474
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	59.369.075	37.935.519
Doanh thu hoạt động tài chính khác	15.240	-
	28.419.210.108	10.682.208.251

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	147.742.764.402	95.637.929.738
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	3.965.713.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	654.762.440	3.611.161.937
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	34.467.580	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.652.891.065	-
Chi phí tài chính khác	1.112	1.059
	150.084.886.599	103.214.805.934

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.701.072	21.045.332
Chi phí nhân công	1.221.178.194	1.575.661.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.498.634.030	21.962.296.758
Chi phí khác bằng tiền	1.240.803.270	816.217.287
Hoàn nhập dự phòng	(19.052.074.562)	(40.889.711.115)
	46.926.242.004	(16.514.489.887)

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.627.778.534	6.993.386.421
Chi phí nhân công	97.607.600.196	79.216.087.608
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.069.485.156	13.645.121.763
Hoàn nhập dự phòng	(515.552.909)	(300.812.989)
Thuế, phí, lệ phí	2.823.101.348	2.899.741.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.710.566.053	13.617.616.533
Chi phí khác bằng tiền	25.171.646.166	26.529.227.320
	161.494.624.544	142.600.368.266

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	611.226.101	704.383.761
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý CCDC	40.133.101	-
Hoàn nhập trích trước chi phí xây lắp	17.629.945	2.664.106.139
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	44.510.957.883	35.324.073.285
Thu nhập khác	1.787.896.138	2.229.719.703
	46.967.843.168	40.922.282.888

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	4.251.259.281	-
Chi phí khác	3.636.541.582	1.212.777.733
	7.887.800.863	1.212.777.733

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	23.838.280.293	32.554.707.668
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các công ty con	67.255.937.769	13.986.099.233
Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HĐKD bất động sản	(2.308.100.000)	2.308.100.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành	88.786.118.062	48.848.906.901
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	265.405.808	130.184.267
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	35.167.504.020	48.892.015.094
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(65.975.169.370)	(62.703.602.242)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	58.243.858.520	35.167.504.020

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN 1% tạm nộp đối với doanh thu thu tiền theo tiến độ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	2.308.100.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	2.308.100.000

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ việc hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	13.557.522.068	14.639.705.752
- Tài sản thuế TNDN hoãn lại tương ứng với lãi, lỗ chưa thực hiện	(1.943.816.878)	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	11.613.705.190	14.639.705.752

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN 1% tạm nộp đối với doanh thu thu tiền theo tiến độ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	2.308.100.000	(2.308.100.000)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tương ứng với lãi, lỗ chưa thực hiện	(1.943.816.878)	692.682.881
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc điều chỉnh dự phòng đầu tư tài chính	(1.082.183.684)	(651.655.506)
	(717.900.562)	(2.267.072.625)

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	466.549.998.401	236.661.088.790
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	466.549.998.401	236.661.088.790
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	132.769.862	132.769.862
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.514	1.782

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

37. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.041.257.810.677	1.082.321.721.208
Chi phí nhân công	236.294.072.760	227.164.206.967
Chi phí khấu hao tài sản cố định	154.213.426.209	115.292.859.448
Chi phí dự phòng, bảo hành	(19.567.627.471)	(44.609.143.325)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.240.153.428.059	1.185.623.034.074
Chi phí khác bằng tiền	129.967.299.017	86.009.956.226
2.782.318.409.251	2.651.802.634.598	

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	701.280.173.355	-	567.443.915.134	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.162.027.558.093	(3.232.235.685)	1.027.694.713.110	(3.747.788.594)
Các khoản cho vay	91.655.000.000	-	101.655.000.000	-
1.954.962.731.448	(3.232.235.685)	1.696.793.628.244	(3.747.788.594)	

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.969.746.776.706	1.821.126.664.677
Phải trả người bán, phải trả khác	814.666.507.310	831.521.259.227
Chi phí phải trả	139.453.399.280	205.846.786.068
2.923.866.683.296	2.858.494.709.972	

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phức, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	701.280.173.355	-	-	701.280.173.355
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.150.499.748.908	8.295.573.500	-	1.158.795.322.408
Các khoản cho vay	91.655.000.000	-	-	91.655.000.000
	1.943.434.922.263	8.295.573.500	-	1.951.730.495.763
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	567.443.915.134	-	-	567.443.915.134
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.023.909.180.516	37.744.000	-	1.023.946.924.516
Các khoản cho vay	101.655.000.000	-	-	101.655.000.000
	1.693.008.095.650	37.744.000	-	1.693.045.839.650

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	415.790.185.025	486.640.000.000	1.067.316.591.681	1.969.746.776.706
Phải trả người bán, phải trả khác	813.618.303.804	1.048.203.506	-	814.666.507.310
Chi phí phải trả	139.453.399.280	-	-	139.453.399.280
	1.368.861.888.109	487.688.203.506	1.067.316.591.681	2.923.866.683.296
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	293.997.080.253	594.443.773.061	932.685.811.363	1.821.126.664.677
Phải trả người bán, phải trả khác	831.279.742.958	241.516.269	-	831.521.259.227
Chi phí phải trả	205.846.786.068	-	-	205.846.786.068
	1.331.123.609.279	594.685.289.330	932.685.811.363	2.858.494.709.972

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phức, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	1.811.721.582.654	2.199.846.778.844
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vny theo kế ước thông thường:	1.663.101.470.625	1.494.625.603.642

40. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

41. BÁO CÁO BỘ PHẬN
Theo hình thức kinh doanh

	Xây lắp		Sản xuất công nghiệp		Đầu tư bất động sản		Năng lượng		Hoạt động bán hàng		Các hoạt động khác		Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.730.664.954.934	498.808.808.529	968.609.310.161	559.423.054.774	1.254.390.183.750	72.466.424.757	5.084.421.836.905						
Giá vốn hàng bán	1.559.030.989.531	467.239.814.459	701.286.268.098	230.235.303.799	1.218.829.483.293	62.046.388.559	4.218.667.947.739						
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	171.633.965.403	31.628.994.070	267.323.042.063	329.187.750.975	35.560.700.457	10.420.036.198	865.753.889.166						
Tổng chi phí mua TSCĐ	5.609.589.256	7.952.603.109	75.008.273.670	393.563.108.194	-	-	482.133.572.229						
Tài sản bộ phận	1.243.238.555.130	350.885.267.822	556.232.028.159	3.195.977.098.586	91.751.597.695	24.207.839.568	5.462.312.386.960						
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	1.134.593.675.910						
Tổng tài sản	1.243.238.555.130	350.885.267.822	556.232.028.159	3.195.977.098.586	91.751.597.695	24.207.839.568	6.596.906.062.870						
Nợ phải trả bộ phận	716.878.951.369	273.864.721.333	176.684.397.146	1.814.450.707.519	74.106.029.736	18.926.229.072	3.074.911.036.195						
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	242.766.308.561						
Tổng nợ phải trả	716.878.951.369	273.864.721.333	176.684.397.146	1.814.450.707.519	74.106.029.736	18.926.229.072	3.317.677.404.756						

Theo khu vực địa lý
Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do địa bàn hoạt động của Công ty chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

54



Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

42. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
Doanh thu			
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Công ty liên kết	65.466.955.200	9.211.217.600
Thanh lý tài sản cố định			
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Công ty liên kết	448.000.000	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Công ty liên kết	29.270.626.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc		1.668.725.300	1.694.470.900
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		5.284.540.500	5.212.630.500

43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


 Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập biểu
 Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019


 Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng



 Trịnh Văn Tuấn
 Tổng Giám đốc